

Tác Giả và Tác Phẩm

Lê Minh Hà (II)

Tiểu sử

Hiện sống tại Limburg, Đức.

Tác phẩm

Thương thế ngày xưa.



Mục Lục

Chiều cà phê quán nhỏ - 2

Mùa này rau củ - 5

Phòng vấn nhà văn Lê Minh Hà – Lê Quỳnh Mai - 9

Tiếng xưa - 14

Những triền xưa ai đi – 19

Truyện ngắn Lê Minh Hà và, những cửa sổ đóng kín – Du Tử Lê - 23

Phụ đính :

Kính Tâm - Thiên di – Bếp – Trịnh Công Sơn: Tại sao? – Không nhìn một hướng
Nguyễn Mộng Giác Chân dung nhà văn - Bánh trái nhà quê – Con gà của bà
Gió biếc - Nhà ở phố - Tản văn mùa thu - Lạc loài ư? hông! – Có chồng

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Chiều cà phê quán nhỏ

Chưa phải giờ tan tầm. Hay là rồi nhỉ? Hà Nội bây giờ ở ngõ ngách nào hình như cũng thế. Bụi và ồn. Những con đường mới mở ào ào xe. Còn phố cũ... như thế này.

- Liệu bây giờ ở Hà Nội mình có thể kiếm được một chỗ nào yên yên hơn không?

- Khó chị ạ. Chị chưa quen lại với Hà Nội phải không? Muốn ở nơi có vườn trong phố phải ra khỏi Hà Nội mươi cây số. Nhưng người ta không tới đó để uống cà phê và... ngồi như thế này.

Như thế nào? Người đàn bà kín đáo rướn vai kéo lại dây áo trong, bần thần. Mới đêm trước trên con đường Bắc Ninh - Hà Nội, nửa khuya anh nhà báo vừa nhân ga vừa chỉ dĩa phố gần cầu Long Biên: “Đấy! Chỗ chơi đêm của người Hà Nội đấy. Phóng sự vùn vùn về tệ nạn xã hội thăm gì. Còn dọc đường lên Hòa Lạc...”. Gió hất tiếng và cả cát, vô vàn cát vào mặt người đàn bà. Ừ, mới chỉ một đêm, một buổi sáng và một buổi trưa trưa. Gió nóng và nắng ầm.

Những ý nghĩ đứt đoạn. Người đàn bà ngả người vào lưng ghế. Khung nhựa. Không được êm lắm. Nhưng mà quả thích hợp với mùa hè. Nơi này. Nóng và ầm. Phố trước mặt xe rầm rầm. Mặt người ào qua, lúc rõ lúc không. Tại sao về đây rồi mà có lúc mình có thể cảm thấy xa lạ chốn này nhỉ?

Chẳng lẽ chỉ vì cảm giác dấp dính da thịt, vì nóng, vì ầm, ngay cả vì bụi? Chẳng phải mình đã sinh ra, lớn lên và đã từng có bao nhiêu là yêu thương nơi này ư, những mùa, những chiều, phải, chiều nơi này, sao mà... Thời gian xa, ừ, xa nhưng đâu phải là vĩnh viễn rời bỏ được. Lẽ nào đời sống mình đã thuộc hẳn về nơi chốn đó...

- Thế chị đã đọc thư em chưa?

- Thư? À! Gửi vào địa chỉ nhà mình ở bên kia thì mình đành đọc muộn rồi.

- Không! Yahoo chứ. Chị cho em địa chỉ Yahoo cơ mà. Thư đã đi.

- Thật sao? Tại sao trong hộp thư mình không có nhỉ?

- Có phải thế này không? - Người đàn ông nhìn vào mắt người đàn bà, đọc chậm - a còn... chám... đề... ề.

- Thôi chết rồi. Vậy là mình đã đọc địa chỉ thiếu mất rồi. Phải thế này...

Vậy là thư đã tới một địa chỉ khác thật rồi. Và cái chính là một người xa lạ, không biết giới tính, tuổi tác, không rõ mặt mũi, tính nết, cái người vô danh tính ấy sẽ đọc nó. Người đàn ông thoáng bối rối. Người đàn bà cũng bối rối.

Từ một tuổi nào đó người đàn bà đã nhận ra rằng một sự cố như thế này có thể làm thay đổi hoàn toàn một quan hệ và điều ấy rất nhiều khi thật đáng tiếc. Có gì trong bức thư ấy nhỉ mà cậu ta hỏi mình đọc chưa lần này là lần thứ hai. Từ bao giờ mình thôi không còn nhận được thư của một người con trai sau một lần gặp gỡ? Không nhớ nữa. Cậu ta...

Một nét cười lướt qua mắt người đàn bà. Người đàn ông ngồi cùng với chị ta đây đâu còn là một chàng trai trẻ. Mái tóc. Hàm râu. Chơm chớm bạc cả rồi. Cặp kính gọng đen mắt nhỏ đủ thanh

nhã cũng đủ hàm hồ, từ đó rọi ra những tia nhìn dò hỏi, khoan xoáy, độ lượng. Nói chung đầy vẻ từng trải. Và hấp dẫn. Người đàn bà gắng xóa thật nhanh ý nghĩ này, quay lại bản khoản cũ.

Tại sao anh bạn thân mến này lại gọi mình là chị xưng em một cách giản dị và chân thành thế nhỉ. Nói chung ở tuổi này người ta dễ dừng ở một cách xưng hô trung tính hơn. Chị - tôi. Anh - tôi. Đây là những mẫu đứng đắn. Còn những người thích sưu tầm lại tuổi trẻ thì dĩ nhiên là khác. Anh em em anh, dĩ nhiên. Bản thân người đàn bà nhớ cũng chưa từng xưng chị với người đàn ông. Mặc dù biết mình nhiều hơn vài tuổi. Bốn? Hay ba?

- Nơi chị sống thế nào nhỉ? Nói chung em không hình dung nổi.

Người đàn bà thôi kiếm tìm gì ở ngoài đường, quay lại, nhìn vào mắt người đàn ông. Không, không phải là một câu đùa đâu. Có một mối quan tâm thật trong đó. Vẫn có một người đàn ông xa lạ muốn biết về mình ư?

- Hình như... ngôi nhà này mình từng đến. Dĩ nhiên ngày xưa chưa có quán cà phê này. Phải... đúng rồi... Nếu đập bỏ những cái chỗ coi nơi và dỡ cái mái che này đi. Ngày xưa ngôi nhà này và nói chung phố này đẹp lắm, đúng không? Mùa thu, hương hoa sữa thoảng từ Nguyễn Du về. Hàng cây, vỉa hè, biệt thự.

Ngôi nhà này cũng vậy. Sân sau rộng. Phía trước là hàng rào sắt, chính cái chỗ mình đang ngồi đây này. Nếu mình không nhầm thì chủ nhà là Việt kiều. Chắc là Việt kiều yêu nước rồi. Ông ấy là bác sĩ nổi tiếng lắm. Bà ấy với mấy chị em gái hay con gái cũng chả biết thường nhận đặt bánh gatô...

Ồ! Cái thời xa lắc. Cái thời thiếu đói toàn phần. Người đàn bà, lúc đó còn là một cô gái nhỏ, đã từng đứng nơi này, nâng niu cái bánh gatô đặt vào làn, ngồi ghé lên xe đạp cho cậu bạn (sau này là người yêu, nhưng không bao giờ là chồng) đèo về, những sinh nhật bạn bè. Chiếc bánh tròn, màu bơ, màu kem, dịu dàng, thơm phức, tươi ngon. Như là hiện thân của một đời sống khác hoàn toàn, xa lạ hoàn toàn với thành phố này, ngày đó.

Ngày đó, người ta cũng có bán bánh gatô. Bodega. Bốn mùa. Và góc phố Thọ Nhụ Quán Sứ. Những cái bánh gatô xanh xanh đỏ đỏ trang trí bằng những bông hoa làm từ thứ kem thứ bơ quá đất chảy ra, biến dạng dưới sức nóng trong cái tủ kính con con đặt lề đường, hàng bằng lăng còi cọc trổ hoa tím ngắt ngơ bên bờ tường Hòa Lò mà bốn góc nhìn lên bao giờ cũng thấy một gương mặt và một mũi súng... không hiểu tại sao lại hằn sâu như thế trong ký ức.

- Em không biết. Em hay ngồi đây bây giờ là vì cơ quan em ở ngay góc phố kia kia. Và chỗ này, ở cái thành phố ồn ào này thì không quá ồn ào. Còn bánh gatô... Có thể thời bọn em lớn lên bà chủ nhà đã không còn làm nữa. Mà nói chung em không biết. Đây là việc của bọn con gái. Xin lỗi, của các cô gái.

Người đàn bà cười theo người đàn ông:

- Đây, ngày ấy ngôi nhà này thế đấy. Và phố này thì không phải là không quá ồn ào mà là yên tĩnh. Rất yên tĩnh. Những khoảng nắng. Lá. Gió. Bóng râm. Ve nữa. Mình rất thích phong thái ông bà chủ nhà này. Không biết họ có còn không? Người đàn bà ngần ngại nhìn anh chàng trẻ tuổi khật khừ đi đi lại lại giữa những dãy bàn, tự hỏi đây có phải là người phục vụ kiêm người nhà và chợt buồn vì một cái gì không biết nhưng rõ rệt lắm phân giữa những lớp người đã sống ở thành phố này.

- Ve... Ô, về mình cứ gắng lọc trong những thanh âm này tiếng ve... Nơi mình ở bên đây cũng yên tĩnh như Hà Nội mình ngày trước. Và nắng gió... nhiều khi chả khác gì một sớm một chiều mùa xuân mùa thu quê hương mình. Nhưng đó không phải là Hà Nội. Không phải là Hà Nội.

Người đàn ông nhìn người đàn bà đang như nói với chính bản thân mình, đưa tay vuốt nhẹ bàn tay người đàn bà, nửa ân cần, nửa lơ đãng. Người đàn bà cười, hơi gượng.

- Thật đấy. Giống, nhưng không phải là nơi này. Thử hình dung xem nhé... Buổi sáng, mình ngồi với tách cà phê nhìn ra vườn. Có con sóc dừng bước chạy trên hàng rào ngó mình. Yên tĩnh đến tưởng chừng không thật. Mình có cảm giác đời sống của mình cũng không thật. Còn ở đây, ngày đầu trở về mình ngỡ bị đẩy bật ra khỏi dòng đời này. Chí ít thì mình cũng đã lo thất cả bụng cho hai cái đầu gối lúc ông xe ôm lạng lách. Có ông còn hỏi chị có muốn đi xe một bánh không tôi chiều.

- Còn giờ thì chị nghiện xe ôm rồi chứ? - Người đàn ông bật cười - Chị có từ đó khái quát lên được cái gì không?

- Chưa. Chỉ thấy buồn và buồn cười. Chẳng biết có phải người đi xa lâu năm nào về cũng thấy toàn cảnh kiểu Sông Lấp (tên bài thơ của Tú Xương) thế này không? Chẳng biết có được phép buồn không? Vì một người Hà Nội như mình giờ muốn tới ngõ ngách nào cũng phải hỏi đường. Mà hỏi ai chứ? Toàn hỏi người Nam Định. Ừ, đi xe ôm tỉ tê với ông lái nào cũng là một ông Nam Định cả.

- Họ chưa phải là người khổ nhất - Người đàn ông nói, gần như thì thầm nhưng rõ ràng.

- Vậy ai là người khổ nhất? - Với chai nước khoáng không ga đặt ở mép bàn, người đàn bà dốc vào cốc cà phê đá đã loãng tuếch - Mình trở về, đi đó đi đây, gặp gỡ. Cái giới của bọn mình chắc phải là giới thạo tin và nắm bắt tâm thế xã hội nhanh nhất chứ nhỉ? Nhưng mình chưa hiểu gì cả. Có hôm ngồi trong nhà hàng máy lạnh, thấy bạn mình rút tiền trả, nói thật là giật mình.

Ngoài kia, dưới nắng, anh hàng rong đang nâng niu sắp xếp mấy nải chuối trên tấm nilông. Y như ngày xưa. Một món hàng công kênh, khó bảo quản và giá rẻ. Không biết một ngày đường xa nắng bụi anh ấy có kiếm được bằng tiền một tách cà phê cậu bạn vừa mời mình không? Mình tự hỏi hai người đàn ông, bạn mình, thành đạt, giàu, và anh chàng kia, cam chịu, nhẩn nại trong cái nghèo, ai sướng? Đúng hơn là có người nào thật hạnh phúc?

Người đàn ông đột ngột ngã mình. Lưng ghế nhựa oằn xuống dưới sức nặng của bờ vai vạm vỡ. Người đàn bà gắng rời mắt khỏi người đối diện, gắng gạt đi một tưởng tượng. Một chiếc xe gầm lên, vọt từ vỉa hè số nhà bên xuống lòng đường, át đi những âm thanh khác.

-... vô cùng. Cái nước mình nó thế. Ông... cái câu đến là hay. Giản dị mà bao quát tất cả, lý giải được tất cả. ...hăm hở, háo hức sống. Có phần nông nổi nữa. Cứ như thể chưa từng có một quá khứ thực ra rất gần, như thể không cần phải có quá khứ. Em tự hỏi... liệu cái đỉnh mình đang hi hục trèo lên có phải người ta đã chễm chệ mãi rồi không? Là em nói chuyện chữ nghĩa.

Chữ nghĩa, đấy hình như là lý do đầu tiên để họ ngồi với nhau nơi này. Người đàn bà nhìn ra đường. Hàng cây thâm nghiêm ngày nào giờ tũn hoãn bên những ngôi nhà tầng cao mặt tiền hẹp. Hoa phượng ơ thờ rưng. Trong vòm phượng tội nghiệp kia liệu còn có chú ve nào? Hàng rào sắt này có phải vẫn là hàng rào xưa của đúng ngôi nhà xưa? Tại sao mình ngồi đây và tại sao mình còn muốn ngồi đây như thế này mãi? Vết nắng góc phố đằng kia thu hẹp rất nhanh. Sắp tối rồi. Đêm xuống thì sao nhỉ?

- Người Hà Nội... Bụi quá thể là bụi. Người ta bịt kín mít thể kia là phải. Nếu mình về lâu lâu chắc mình cũng phải thể thôi. Nhưng mà tiếc. Đàn bà con gái trông ai cũng như là cô gái mở đường. Nhan sắc Hà Nội bây giờ là thế ư?

- Vâng. Nhưng mà chị sẽ nhận ra thôi. Người đất này vẫn thế. Vẫn tự kiêu. Giản dị là một hình thức để bày tỏ...

Người đàn bà thoáng giật mình. Mình có tự kiêu không nhỉ? Đúng hơn là mình có tự tin quá không nhỉ? Và cả anh bạn thân mến này nữa? Với cái cách ăn mặc có phần xông xênh này? Bất giác mỉm cười và nụ cười còn lại mãi khi hai bàn tay nắm lấy nhau phút từ biệt. Như thể sự thân thiết tin cậy này đã từ lâu lắm và như thể chỉ ngày mai họ lại có thể gặp nhau bên một tách cà phê.

Hai hôm sau người đàn bà lên đường. Đêm, phút trước khi ra sân bay, người đàn bà mở máy tính, vào mạng. Trong hộp thư có duy nhất một mail. Đây là bức thư lẽ ra phải được đọc từ hai tuần trước, gửi ngay sau buổi chiều cà phê quán nhỏ.

.....

Em thích chị!

Người đàn bà nhắm lại, dừng ở dấu chấm than, cảm giác như bị say nắng.

Mùa này rau củ...

Tháng năm rồi đây. Đã thôi vương vất cái hiu hiu ròi ròi của những ban mai ngày chớm hạ. Buổi sáng rồi rã ðứng ðỉnh ra cái chợ nhỏ gần nhà, tha hồ rau củ. Còn tươi nòn, xanh hơn hơn. Rau cải, cải Mơ nấu cua ăn bữa chiều mát ruột. Rau dền tía luộc nước đỏ màu vang quý, bìa đậu phụ rán vàng rồi om với mấy quả cà chua hồng đã trái mùa nên được bàn tay phụ nữ nâng niu ðặt lên hạ xuống hơi kĩ hơi nhiều. Rau ngót vò kĩ nấu với thịt nạc vai băm nhỏ, phải là thịt băm chứ không phải là mấy miếng sườn đã bị các bà hàng thịt lạng cho ðúng là chỉ còn tro xương. Rau muống luộc lên vớt ra ðánh dấm bằng mấy quả sấu tươi, vỏ còn xanh nòn, cùi đã ðồn nắng gió đủ chua nhưng cái hạt bên trong còn chưa thật cứng. Hay xào tỏi nhĩ, thêm mấy miếng tóp mỡ còn lại từ hôm kia hôm kia. ðĩa rau xanh, bát nước chấm ðầm thêm mấy quả sấu hấp cơm chín nục, ðĩa thịt kho tàu, hay vài ba con rạm rang khô, và mấy quả cà chua ngấu hẳn, thế cũng đủ cho bữa trưa giản dị trong một gia ðình sống ðời giản dị. Bữa quê nhà, không bao giờ ðược phép quên bát cơm xới ðầu tiên, ðôi khi là cơm hấp lại, là mì, và ở nhà quê ngày khó thường là bát sắn bát khoai khô gần như toàn phần, người ngồi ðầu mâm ðừng ðưa cho người khác. Bà với mẹ vẫn hằng ðặn thế. Nao nao mùi thơm nồi cơm chặm hơi còn nguyên vết mấy quả sấu non vừa hấp, màu nâu ðỏ, chua chua. Nhớ mùi, không nhớ vị, bởi bát cơm ðầu nồi ấy, ðầu con gái ðã nhanh tay xới trước, cha tôi vẫn ðành lại cho mình. Tình thương âm thầm của người cha nóng tính tôi ðã cảm ðược bao nhiêu ngày tháng ấu thơ mồ côi mẹ chính là từ những bữa ăn nghèo trong cái thời khốn khó không của riêng ai.

Bây giờ, ðã chẳng còn trẻ nữa, ðầu chẳng khá như ai ðất ðất cát cát công nợ ti kia thì chỉ ít ở thành phố miếng ăn cũng ðã không còn làm bận trí bận tâm như cái thời xa xôi ấy. Nhưng làm cha làm mẹ thì có bao giờ hết lo toan. Những bậc phụ mẫu ðang vào tuổi luống lại nhọc mệt với

những điều bận tâm khác. Lo cho con tiền mặc sao cho không lạc mốt để chúng không tủi cùng bè bạn, lo cho con tiền học thêm học nếm không nhớ ở lớp chúng bị thầy cô " đi" cho đến chột tinh thần ham học rồi không vào nổi một cái trường nào cho ấm phận về sau. Không mấy ai nở lòng kêu gọi con cái so sánh cái tuổi thơ ngây của chúng với cái tuổi thơ ngây của mình. Chao ôi là những lo toan của dân mình. Bao nhiêu đời rồi, lo rạc người, bạc tóc, toàn những cái lo vụn vụn, làm cùn mòn tâm trí. Bao nhiêu đời rồi nghiêng rường mà sống chỉ để cho thế hệ sau hơn mình. Không mấy người bình thường dám nghĩ xa hơn về ngày mai. Không mấy người nhận ra sự phi lí trong việc chuyển giao cho thế hệ sau không phải là một thực tại đáng sống mà là một hi vọng vào tương lai. Đấy chắc chưa phải là cội nguồn bi kịch, nhưng đấy chẳng phải là biểu hiện của một bi kịch đang dằng dặc phần số dân mình hay sao?

Chao ôi là tương lai! Tương lai ở đâu những ngày buổi chiều tan tầm Hà Nội người xe nháo nhác. Tan trường, từ ngoại ô vào thành phố, thấy những cái xe mãi một lần phía trước xe nào cũng chẳng thêm bó rau to vật, tả tơi. Rau muống mậu dịch dĩ nhiên chẳng ngon chẳng đẹp như hàng rau ở chợ, nhưng bán rẻ nên được chờ được đợi được mua nhiều. Người ăn một phần, một phần dành cho chị ỉn trần trong toa lét hay góc bếp. Hỏi sao mua nhiều rau thế là một câu hỏi vô duyên, chẳng khác câu hỏi thăm sức khỏe cửa miệng dân tây, hay câu hỏi đi đâu đấy vừa đi vừa quăng lại của dân mình. Mà nếu có hỏi, thì câu trả lời đã sẵn rồi, nhái lời một bài hát đã từng được nữ ca sĩ đủ thanh đủ sắc Ái Vân mang đi thi thố một thời và giật giải cao nhất hẳn hoi: " Cho ngày nay, cho ngày mai, cho hai ngày sau." Giá có hát đúng lời bài hát đó để trả lời nhau " Cho ngày nay, cho ngày mai, cho muôn đời sau" thì có lẽ cũng chẳng mấy ai nghĩ là ngoa ngoắt quá trong thời buổi ấy.

Nghĩ đi nghĩ lại, lại thấy phục thế hệ mình. Cơm tũ Sơn La Côn Đảo các cụ ngày xưa nếm có lẽ cũng chẳng kém ngon hơn cho lắm so với bữa cơm của người dân có độc lập tự do buổi ấy. Thì cũng gạo hầm và sạn nhai văng cả răng ra khỏi miệng. Xếp hàng ít nhất hai lần trong tháng mới đong được đủ tiêu chuẩn 13 cân một đầu người. Tối tối nhà nào nhà nấy trong khi con lớn đã long rong ngoài phố hện hò nhau, con nhỏ thì ú tim ú òa quanh gốc me gốc sấu hay đuối nhau trong những hầm công cộng mênh mông mãi chưa được lấp, các bậc ông bà cha mẹ kính trẻ mũi vừa nghe chương trình ca nhạc vừa cầm cúi nhặt gạo ra khỏi thóc và sạn chuẩn bị cho bữa mai. " Đi dọc Việt Nam theo bánh con tàu quay..." " ...Chưa có bao giờ đẹp như hôm nay..." Toàn những âm giai nức hờn thời đại. Đấy là chuyện có thật, và nói thật là có ích cho chúng ta thuở ấy. Không có những bài ca như thế, lời thật hay lời nhại thì khó mà chống chèo nổi với ngày tháng gian truân, với những bữa ăn chỉ nghĩ đến cái lúc mở vung nồi cơm ra đã ngại. Gạo chà biết ông nhà nước mới từ cái kho nào của cục Dự trữ quốc gia mà vàng ệch, mùi thì... Và để chống cái mùi kinh khủng kia thì chỉ có một cách cho đẩy muối vào rá gạo mà xát. Cũng có nhà có cách riêng để đánh lừa thính giác. Nhớ có lần ghé thăm cô bạn nhà ở khu tập thể trường Đảng cao cấp, lên tới đầu cầu thang đã thấy mùi xôi nếp thơm lừng. Mẹ bạn đem khoe một cây lá nếp mà bà nưng niu hơn cả nhà buôn bán nưng niu cây tài lộc bấy giờ. Cây ấy, bố bạn đi công tác vùng cao bê về tặng vợ và con gái, mỗi bữa cơm chỉ cần một lá nhỏ đặt lên chốc nồi, đập vung lại là cơm gạo hầm hóa thành xôi nếp cái hoa vàng. Đánh lừa được cái mũi, nhưng đánh lừa cái lưỡi ra sao? Câu hỏi trong tôi đến giờ còn nguyên đó. Gạo đấy, ăn với chủ yếu là rau, thế mà vẫn học, vẫn ao ước, vẫn trông chờ, vẫn tin tưởng vào tuổi trẻ của mình, đầu bụng rỗng và áo vá. Kì diệu thay là tuổi ấy. Kì diệu thay là sức chứa chớ khổ ải của dân mình. Nhà thơ Phùng Cung đã nhấn nhin trầm ngâm " trứng nhà ai rán thơm mùi thiếu mỡ" hay " mùi tép rang hàng xóm thơm nghiêng" chính trong những tháng năm này, có lẽ.

May mà có rau. Phải! May mà có rau. Những như rau lại bán đắt hơn cả thịt ở đất này thì chắc chết. Ở Berlin hay những vùng đông người Việt thì thế nào cũng có người khéo tay khéo chân khéo tính lo việc tự cung tự cấp cho đồng bào. Chứ như cái nơi tôi đang ở đây, thì cũng là thành phố, xứ này chỗ nào chẳng đáp ứng tiêu chuẩn đô thị của dân mình, có muốn thỏa lưỡi và mũi

bằng, chẳng hạn, một bữa đậu phụ luộc còn hôi hổi nóng bẻ ra chấm mắm tôm thơm mùi chanh cốm với ớt chỉ thiên, cũng chẳng mới được ở đâu ra. Cái thứ đậu phụ đóng gói bì bì mặt càng rán càng quắt đen lại ăn vào đâm bực mình. Còn rau tươi? Thì cũng có trong mấy cái tiệm nhỏ của người Ấn và người Thái. Cũng cải cũng muống, nhưng tẻ tơi vàng úa chẳng khác gì rau mậu dịch quảng từ xe ô tô xuống vỉa hè của cái thời nào. Mà lại đắt. Chẳng bằng cứ xông ra siêu thị, có gì ăn nấy, ê hề.

Tôi có niềm tự hào hôm nay mới ngộ: Nhờ liều mạng lấy chồng mà đâm ra chăm chỉ khéo tay. Nhưng mà dù có kính con yêu chồng bao nhiêu cũng chẳng thể nào thật lòng vui thú khiêu vũ cùng xoong chảo mỡ dầu thịt thà rau củ. Tuy thế, mùa này, mùa xuân nơi đây chứ chưa phải là mùa hè, chiều chiều đưa con dạo ra phía bờ sông, tôi hay nhòm ngó cây cỏ bên đường. Hoa dại ôm về nịnh ông nhà thì đã hẳn rồi. Còn rau nữa. Ngải cứu, cải soong, chua me đất, vài ba hôm nữa lại có rau dền chen chúc giữa cánh đồng ngô. Bảo là ngon thì chắc chẳng ngon bằng rau củ sáng nay ở bao nhiêu chợ cóc chợ xanh Hà Nội. Nhưng mà tươi lắm, nhiều lắm. Bát canh rau vệt bên đường đã chẳng làm dịu đi nỗi quê nhà mà lại còn làm cho nó thiết tha hơn, nóng ruột nóng gan hơn. Đã hẳn nơi này mở tivi hay computer ra là có thể có ngay cảm giác đang sống tại Việt Nam. Nhân dân điện tử đây những tin những bài đọc lên cứ có cảm giác lợi ngược thời gian về lại thời vắn hay bàn tay mà tin tưởng ông nhà nước. VTV4 với những người dẫn chương trình trẻ, lắm điệu và lẩn lộn một cách tuyệt vọng loại từ tiếng Việt như cái chương trình "Vườn cổ tích" tôi mới được xem cũng làm thỏa nỗi thương nhớ của vô khối người. Kỹ thuật số đã phát triển đến độ quả thật thế giới là làng, quốc gia là xóm. Nhưng những báo những đài những ti vi ấy đã thực là Việt Nam chưa?

Vào những ngày xuân ngày hạ đẹp trời, trên cánh đồng cỏ bên sông, cứ từng quãng lại thấy nổi lên lúc là cái khăn vuông hoa hết khăn các nữ nông trang viên Liên xô một thời chít trên mái tóc khi vắt sữa khi đào cỏ và cả khi chơi hội, lúc lại thấy bành bành một cái mông phụ nữ căng muốn rách tấm váy hoa cũng một Liên xô trong họa báo phát không ngày xưa ở Việt Nam. Họ đi tầm rau dấy. Lá chua me đất, và vô thiên lủng những loài rau khác mà với tôi hay với thổ dân thì đều là cỏ dại. Họ là người gốc Đức trở về cố xứ từ nhiều nước cộng hòa, chủ yếu là Trung Á, thuộc Liên xô cũ. Nhìn đám đàn bà loay hoay bới tìm rau củ và đám đàn ông lặng lẽ đợi một con cá động cần, chạnh lòng không dám hỏi có phải họ đang tìm lại quê xưa, là một vùng Trung Á nghèo xơ nào đấy chứ không phải đất Đức cái gì cũng nhiều không dám nói nhưng ít thì vô khối này.

Và tôi, khi lang thang cùng con hái vài ba ngọn rau dại mọc bên đường, tôi biết tôi cũng đang trở về. Ra đi là trở lại. Dù muốn hay không. "Và sẽ thấy Tổ quốc trong một chiều kích mới". Mới đây, một cậu học trò cũ đánh đường từ Úc sang thăm cô giáo ngày xưa đã nhắc với tôi dòng thư mà tôi không nhớ dù mình là tác giả. Có phải thế thôi đâu em! Ra đi, ta thấy được chiều kích có thể của tâm hồn mình (và nhiều hơn, chán quá, còn là chiều kích cơ thể mình.)

Cải soong trộn thịt bò, dền luộc hay nấu suông với vài ba lá tía tô, ngải cứu thì đúc trứng. Còn rau bí? Thật kém tấm: tôi chưa kể ngay món rau bí quê nhà ở đất này.

Không phải là rau bí thật. Bí đồ xứ này to như cái thúng, ngọn mập mập, lá non cứ mỡ ra, nhưng vô duyên vô vị, là thứ rau cho bò chứ quyết không thể là thứ cho người. Nghe nói ở Berlin chợ người Việt bây giờ có rau bí Việt Nam mình thật. Nhưng mà xa xôi quá. Chẳng bằng về với thiên nhiên.

Thằng con bốn tuổi chân tay lúc nào cũng như lắp thêm động cơ có hôm trời mưa tầm tã vẫn hùng dũng dận ủng xỏ đôi găng cũ của bố mẹ đi hái lá han về làm món rau bí. Lá han thật, đầy ra ở những triền đê quê xa. Cũng gọi lắm lúc xông xáo hoa trắng tím khiêm nhường nở rồi

còn nép kĩ trong nách lá. Nhưng sơ ý rờ phải thì da đỏ ngay lên như phải bỏng, rát chết thôi, đã là nổi vui cười ra nước mắt của đôi bà đôi chị một thời tung hoành bán thuốc bán quần áo lẻ ở Berlin, những lúc không thể cầm lòng vậy dầu lòng vậy ở chốn thương trường và đành phải ôm bụng liều mình như chẳng có xông vào bụi rậm. Thế mà thứ lá này ăn được, rất ngon. Tôi có tâm hồn ăn uống, song mắc thói lười, nên bây giờ cứ phải chẹp miệng tự trách mình thiếu máu mạo hiểm, không thử xơi lá han từ bấy lâu nay.

Mà cái giống rau han thì mùa này đến lắm, ngùn ngụt mọc sau mấy ngày xuân mưa lạnh thành từng vàng trên đồng cỏ, dọc bờ sông, nơi xó vườn. Tốt tươi, ngọt mát, non cứ bần ra. Hái về mà xào với cà chua và tỏi, chẳng khác gì món rau bí quê mình. Cái món này đáng phải coi là phát hiện mới dành cho đồng bào Việt Nam xa Tổ quốc.

Bạn có nhớ rau bí quê mình? Đây là món rau nhiều người thích ăn mà đành chịu, vì không có thì giờ ngồi nhặt, hoặc giả vì không biết nhặt. Có lần tôi đã ăn món rau này ở một gia đình người Mường, biết là đặc sản mà không nuốt được. Không hẳn vì không quen. Rau bí nấu với ốc suối để vỡ, hẳn là ở thành phố không thể có, nước ngọt, là lạ mùi tanh mát. Nhưng rau thì cô chủ nhà không tước, vác nguyên con dao bầu chặt thành khúc, tổng thẳng vào nồi mà ninh lên. Rau bí mà ninh thế thì cũng chả khác kiểu mấy anh sinh viên da đen luộc trứng vài ba tiếng. Không thể nào như được.

Ngày tôi còn bé như cái kẹo mút dở thì chiến tranh đánh phá. Tôi theo bà tôi đi. Làng xóm thanh bình lắm, mà chẳng may vắt ngang con sông chảy ven làng lại có cây cầu Pháp xây từ đời tám hoánh nào, nối Hà Nội với Hoà Bình. Nên lại thêm một lần bà cháu bỏ nhà lếch thếch kéo nhau vào đồng sâu gần về chân núi. Ông hàng xóm cùng mấy chú con trai dựng giúp cho một cái, không thể gọi là lều, vì lớn hơn lều, quê tôi gọi là chuộ. Vài ba cái chuộ quây lấy nhau giữa đồng không mông quạnh, mấy bà già và dăm ba đứa trẻ dáo dác với nhau. Nước dùng là cái hồ bom sát đó, dầu vết trò chơi ác của mấy ông phi công Mỹ không bay được tới mục tiêu hoặc giả không còn mục tiêu oanh tạc. Quanh cái ao bom, bà tôi đặt mấy dây bầu ngô, cắm thêm dàn mướp. Bao nhiêu năm qua rồi, sao vẫn ngụt ngụt thế này trong tâm trí cái màu nước đỏ sục lên dưới bàn chân những chiều xách gầu theo bà đi tắm rồi nhân thể tưới rau. Màu hoa mướp hoa bầu vàng tin cậy... Màu hoa muồng muồng vàng đại rươi rươi nổi buồn nhớ trẻ con... Và cái màu cam lộng lẫy chợp lên theo cánh bầy chuồn chuồn ngô báo bão dọc đường đồng đến lớp men theo bãi dâu xanh mê man dưới trời trưa cao vắng...

Có cái năm bầu vừa ra quả bằng cái chén thì bão thật. Đến là to. Đêm, chị em nằm chui trong cái chiếu sục mùi nắng bà vừa kéo đắp cho, túm hai dải vú bà, thấy yên ổn quá, chẳng biết đến nỗi bà lo sau những lần chẹp miệng nghe tiếng gió hút qua ống nứa đầu hồi. Chỉ hơi hơi sợ cái lúc bão tốc mát nửa mái. Bão vừa tan cơn, trời còn chưa rạng, trong làng đã có người thỉnh thoảng chạy ra xem mấy bà cháu Hà Nội thế nào. Đồng mùa rạ mình dưới bão. Nhưng bầu bí của bà thì gió giật quăng lung tung cả. Những ngọn bầu dập, những quả bầu con con bà nhặt nhanh về tưới xơ thật kĩ, luộc lên chấm muối vừng mời mấy ông người làng ra sửa giúp cho có chỗ mấy bà cháu hui hút cùng nhau. Vị bí ngô non ngày ấy mãi còn bùi ngọt. Không thể nào quên. Đến nỗi sau này lớn hơn, đã được về lại phố xưa, đã được bố mẹ tin tưởng giao tiền lo cơm nước hàng ngày, có lúc nào mua rau bí thế nào tôi cũng chọn lấy một mớ già già, để kiểm dăm ba quả bầu non bé bỏng.

Rau bí, tuổi con gái đến mà tự dựng giữa bữa cơm bố lại chẹp miệng bảo lâu rồi chưa ăn lại thì ngại lắm. Nhặt đến là lâu. Móng tay còn bị đen sì nữa. Chỉ duy nhất một lần tôi hào hứng ngồi bên mớ rau bí. Chiều ấy tháng năm thành phố thiếp đi trong cơn nóng. Chiều ấy có tiếng gõ cửa ngập ngừng mà tôi pháp phòng chờ. Chiều ấy có người con trai vốn được mẹ nuôi hì hục ngồi nhặt rau bí cho tôi. Và tôi đã im thin thít trong bữa cơm lúc bố chế rau bí hôm nay còn nhiều xơ

quá. Đúng thế thật. Vừa bùi vừa bã, chả khác gì món rau bí của người Mường.

Chiều ấy cơn gió nóng, chiều ấy câu chuyện chẳng ra đầu ra cuối bên mớ rau bí nhạt dỡ, không bao giờ trở lại, dù tôi theo người đến bây giờ. Bây giờ, rau bí của tôi là món lá han non xào cà chua và tỏi. Không phải là món rau ăn tạm theo kiểu lấy Spinat giả làm rau dền của họa sĩ Võ Đình thời sinh viên xóm học Paris đâu. Thật vị rau bí quê mình, chỉ một nỗi là toàn lá. Xin lấy tên tôi làm chứng. Bạn hãy thử đi.

Tháng năm này nhiều khi bận bịu. Nhưng mà khi thằng cu con bốn tuổi của tôi vùi mẹ đi hái lá han, tôi không muốn ngăn ngừa. Biết đâu, những ngọn lá han rau bí hôm nay sẽ chẳng trở thành nỗi nhớ, có thể là buồn, nhưng chắc chắn là kì diệu, như những bữa cơm rau ngày cũ của tôi. Biết đâu, nỗi nhớ tơ non ấy chẳng là một chút men thơ, ủ ấp con tôi, làm lung linh trong chú bé của tôi khao khát về những ngày chưa sống.

Phỏng vấn nhà văn Lê Minh Hà Lê Quỳnh Mai



1 .- Lý do nào nhà văn Lê Minh Hà rời bỏ quê hương để định cư tại Đức?

- Lý do rời quê hương: rất riêng. Vâng. Rất riêng. Nhưng nghĩ cho cùng, có gì thực sự là riêng đâu khi mình là người Việt. Tôi nghĩ tôi có chung câu trả lời với bất kể ai là người Việt đã ra đi khi được hỏi câu này.

2 .- Nhà văn Lê Minh Hà có ý kiến gì về nền văn học hải ngoại từ ngày định cư tại nước ngoài?

- Trong bản chất của nó, VHHN của mọi dân tộc là VH lưu vong. VHHN Việt Nam là tiếng nói của một tập hợp người có quan điểm phi chính thống và vì thế mà phải rời khỏi quê hương. Nhưng cũng trong bản chất, VHHN chỉ xứng với tên gọi khi nó đáp ứng được những yêu cầu khắc khe của nghệ thuật, mà nó là một hình thức đặc biệt, thuộc về... Tôi chưa đọc được một cách có hệ thống VHHN, cho nên còn quá sớm để tránh khỏi hời hợt và bất cập khi đưa ra một nhận xét riêng. Nhưng tôi nghĩ rằng, những tác phẩm chỉ được viết ra dưới sự định hướng của một chủ đích chính trị sẽ khó đứng được với thời gian nếu nó không hàm chứa một liều lượng nghệ thuật, nếu qua đó, người ta không thấy được tầm nhìn và bản lĩnh sáng tạo của người viết. Bỏ qua những tác phẩm như thế, cái còn lại của VHHN là rất nhiều, và sẽ có một ngày VHHN trong nghĩa đó sẽ dành được một chỗ xứng đáng trong lịch sử VHVN hiện đại. Tôi đã tham gia vào sinh hoạt chữ nghĩa ở đây. Đây có thể là một câu trả lời cho câu hỏi của chị chẳng.

3 .- Hàn Dũ (768-824) cho rằng người ta bắt đắc dĩ mới viết văn làm thơ bởi: " bất bình tắc minh"

(mọi vật không được thể quân bình thì kêu lên). Chị có đồng ý với quan niệm này không? Và nhà văn Lê Minh Hà bắt đầu viết từ lúc nào?

- Lịch sử văn học đã ghi nhận sự hình thành và phát triển của đủ kiểu trường phái, trào lưu. Nhưng sáng tạo thực sự bao giờ cũng là một quá trình riêng, duy nhất, dù rằng người viết vẫn có thể trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ với nhau những quan niệm nghệ thuật, những kinh nghiệm ... Vàng, vâng, Hàn Dũ cũng có thể tìm được nhiều lời tán đồng của người cùng thời hay đời sau. Nhưng mà nghe câu trên, thấy sự viết mới tội nghiệp làm sao. Riêng tôi, tôi nghĩ ý muốn sáng tạo là định mệnh dành cho những người không biết sống đơn giản, không biết hài lòng với những điều người đời đã quy ước là cần và đáng hài lòng. Bản thân cái sự không biết ấy ở nghệ sĩ đã là cái được rồi. Với tôi điều này bắt đầu hơi bị sớm. Nhưng người đọc chỉ biết tôi khi không còn trẻ nữa, tóc khô khô đốt ngón tay tổ cáo tuổi ba mươi, nghĩa là có cơ hội dành vương miện hoa hậu của tuổi sáu mươi.

4 .- Trong truyện ngắn OPA, Con Chó Và Tôi, Lê Minh Hà viết " tôi nhớ nơi tôi đã từ đó ra đi. Thành phố của những mùa hoa hạ đỏ, của mùi hoa sấu chua, và bao chiều bạt gió. Thành phố của bồn chồn hương hoa sữa cuối thu và của âm thầm heo may đầu đông" (1). Có phải đó là thành phố Hà Nội thân thương đã làm nền cho nhiều truyện ngắn của chị? Nhà văn Lê Minh Hà có thể tả về hoa sữa được không?

- Vâng, đúng vậy. Tôi thật may mắn có được thành phố ấy để nhớ, để viết về, không phải với tình yêu chung chung của hầu hết người Việt chúng ta khi nói về Hà Nội, mà là tình yêu riêng của kẻ đã sinh ra, đã lớn lên, đã từ đó ra đi. Hà Nội là thành phố duy nhất mà tôi tưởng tượng. Nên dễ hiểu vì sao tôi hay nhắc tới thành phố ấy. Bao giờ tôi cũng chỉ viết khi cảm được đã có một điều gì chạm vào phía tối tâm hồn mình. Mỗi người có một Hà Nội của riêng. Với tôi Hà Nội là một phần là như chị vừa đọc lại đôi câu trong truyện của tôi. Làm sao có thể tả được hoa sữa hả chị. Nói về hoa sữa, là nói về mùi hương lạ lùng của những đêm đầu Đông Hà Nội. Đọc ND, QT, quanh quanh Hồ Thiền Quang. Se se, sóng sánh, đôi lúc ngọt ngào, đôi lúc thấp thỏm, đôi lúc khắc khoải bồn chồn, những ngày hanh, đôi lúc dịu đi cơ hồ mất hẳn sau những cơn mưa cuối Thu dầm dề. Không ai nói về sắc hoa, dáng hoa. Từng chùm li ti trắng ngà ngà, gần cuống lại hơi xanh lẫn trong vòm lá rộng thật cao. Không phải là thứ hoa để bày hay nâng niu trong nếp áo. Chỉ là để nhớ, để làm sống dậy hồi ức mơ hồ. Vào Saigon, tôi thấy có một con đường toàn cây sữa. Có phần còn cao hơn cả ở Hà Nội. Nhưng chưa khi nào tôi đọc thấy, nghe thấy về hoa sữa Saigon. Cây sữa trong đó không nở hoa chẳng? không thơm chẳng? Hay Saigon không có những đêm Thu kiểu như Hà Nội để mùi hương ấy có thể trở thành một đeo đẳng.

5 .- Độc giả được thưởng thức thơ tự do của chị như bài Hồi Tưởng, Ghen (2) , Bốn Mùa, Gởi Một Cây Anh Đào Cùng Tuổi (3) . Hoặ nhiều câu văn chị viết như thơ " mưa rất nhẹ, mưa như sương phản phát, ta quá hiền không cảm hết hơi mưa. . ." (4) Nhà văn Lê Minh Hà cho biết ý kiến về thơ tiền chiến và thơ cổ điển .

- Xin cải chính ngay, không dám nhận vợ. Hai bài sao là của Đỗ Quang Nghĩa. Chúng tôi hay bị nhầm tên như thế. Chả hiểu sao. Tại vì cách cảm và cách biểu hiện của chúng tôi rất khác nhau. Thơ với tôi không phải là thơ tự do hay có niêm luật. Thơ là thơ, là tự do. Tôi bắt lực trước thơ, nên nghĩ thế có cái tiện để mà hạ bệ thi ca thành một hình thức ghi chép những gì riêng tư, một thứ nhật ký riêng tư. Chị xếp mấy từ?tôi viết là thơ, xin cảm ơn, thơ tự do. Đây là cách định danh một hình thức thi ca không giống, ít ra là từ thơ mới trở về trước. Đây là bước phát triển tất yếu của thơ ca trên con đường hiện đại hóa để khỏi tiêu biến. Nhưng mà, có cái gì mới mà đoạn tuyệt với cái cũ đâu. Trong nghĩa đó, thơ tiền chiến và cổ điển VN, có thể không cần đối với những nhà thơ Pháp hay Trung quốc, nhưng với những nhà thơ Việt, phải làm một thứ hành trang, có thể không cần phải tha theo, có thể bỏ lại bên đường sáng tạo, nhưng không thể không

biết, không cảm, không trân trọng. Tôi không phải là nhà thơ như vừa thưa với chị, nhưng là một người mê thơ và phải tự nhận là mình bất lực trước thơ. Là một người mê thơ, tôi đang dè dặt nặng với những cái gì tựa tựa ca dao, thơ cổ hay thơ tiền chiến, bởi vì tôi cực quý bản chính. Thế hệ chúng ta vẫn là thế hệ khá gắn chặt với thế giới tiền chiến mà chị.

6 .- Truyện ngắn của chị có nhiều chữ lạ như ngổ, ngẫng ngẫng, to hó, nhào, nhuôm nhuôm (5) , chĩn chu (6) . Như thế, có cần một chú thích cho các độc giả miền Nam và hải ngoại?

- Không có từ nào thật lạ, thật sáng tạo của riêng tôi trong số những từ chị vừa dẫn. Những ngổ, nhào nhuôm nhuôm, tôi học từ các bà các chị ở quê tôi thời chiến tranh đánh phá lan rộng ra Hà Nội. To hó, từ này tôi mượn của ông Tô Hoài từ trước năm 45. Ngẫng ngẫng tôi học được từ mấy anh chị đi từ miền Nam. Chĩn chu thì có trong tự điển. Và nói chung, nhiều chữ tôi dùng hiện vẫn được sử dụng hàng ngày ở VN, chỉ không thông dụng ở hải ngoại. Vậy thì đâu có cần chú thích. Chúng ta phải tự làm giàu có vốn từ cho mình bằng cách đọc và học. Và chẳng, ngôn ngữ văn học không phải là ngôn ngữ thống kê học. Mỗi từ lấp lánh những nét nghĩa riêng trong từng văn cảnh cụ thể, và có thể xác định nghĩa từ thông qua văn cảnh. Nếu người đọc không làm được điều đó thì có thể là tôi đã không thành công khi chọn từ rồi.

7 .- Trong truyện của nhà văn Lê Minh Hà có những câu: " Tốt số hơn bố giàu, Một năm đi Pháp bằng một giáp đi Nga, Dân bụi chẳng dám bắc bếp nấu ăn, nằm lăn đánh bạc" (7). Có phải hồi nhỏ nhà văn Lê Minh Hà ảnh hưởng tiếng ru bằng ca dao tục ngữ của mẹ và bà?

- Mẹ tôi mất rất sớm. Nên nếu nói tới những ảnh hưởng của mẹ thì tôi chỉ nhớ rằng nhờ mẹ tôi mà tôi biết nhạc tiền chiến, nhạc vàng, theo cách định danh kỷ quặc hàm ý phê phán ở miền Bắc lúc bấy giờ. Nhưng có thể là tôi thừa hưởng gien lạnh từ ông Nội bà Ngoại thật. Bà Nội tôi không biết chữ, nhưng nói mười câu là phải ba bốn câu ca dao tục ngữ. Ông ngoại tôi chịu ảnh hưởng sâu sắc thơ tiền chiến, và cũng làm thơ rất nhiều, thuộc thể hệ " thanh thản một gia tài với nửa mộng" thời kháng chiến. Tuy nhiên, tôi cũng phải nhắc đến những bà lão nhà quê mà tôi có dịp ngồi hóng chuyện khi đi sơ tán với bà tôi, những hàng xóm của tôi trong khu tập thể mà tôi đã sống 30 năm. Họ là một kho từ ngữ đầy biến ảo.

8 .- Truyện của nhà văn Lê Minh Hà có nhiều tiếng nước ngoài được phiên âm ra tiếng Việt, ví dụ: Đonkihote, Lep Tolxtoi, Xanh Petecbua (8) . Theo nhà văn Lê Minh Hà, việc phiên âm này có lợi và hại thế nào trong quá trình đọc và nghiên cứu ?

- Hại. Theo tôi. Trong sáng tác, phiên âm thế này còn thôi thờ dãi phẩy tay bỏ qua cho, chứ ở một tác phẩm nghiên cứu thì ... sẽ là đại thảm họa. Nhưng chúng ta đang gặp một khó khăn: Chưa có sự thống nhất ở phương diện ngôn ngữ về cách ký tự các từ nước ngoài. Ghi đúng như cách gọi nước sở tại ư? Vậy sẽ lộn nhồn đủ thứ tiếng. Mà nếu dùng một cách phiên âm duy nhất của một nước nào đó thì cũng không khoa học. Do đó tôi cố giữ nguyên cách phát âm và không Việt hóa tên nước ngoài bằng cách thêm bằng trắc. Nói chung, tôi trông chờ sự chỉ giáo của các nhà ngôn ngữ học.

9 .- Trăng Góa trang 113 có câu " Cô gái Hà Thành xưa tóc cặp lửng sau lưng đi guốc phi mã mặc áo kếp bên ngoài áo dài Lor-Muya" . Chúng tôi được biết áo dài Le Mur do họa sĩ Nguyễn Cát Tường, thành viên của nhóm Tự Lực Văn Đoàn vẽ kiểu. Xin chị tả về đôi guốc phi mã ra sao?

- Tôi đã nhìn thấy bao giờ đâu chị. Nhưng như tôi được nghe tả lại thì gót guốc phi mã không nhọn mà tù, hơi loe ra một chút, nghĩa là rất mốt ngay cả với thời bây giờ, và được đóng quay nhưng. Áo dài vạt bầu, tóc kẹp lửng hay búi lỏng rồi lộn vào trong, xòe che ơ hờ hai vai và đi guốc đó. Bố tôi kể vẫn thấy các bà các cô trong trang phục như thế trong mấy năm đầu hòa bình

lập lại, dáng đi cứ như múa vậy.

10.- Nhà văn Lê Minh Hà có lời khuyên rất thâm thúy " Có những điều không bao giờ nên nói thật với đàn bà. Nói thật là xúc phạm, là chuốc vạ vào thân suốt đời" (9) . Theo chị lời khuyên này có nên áp dụng với đàn ông không?

- Đây là nhân vật của tôi nói, không phải là tôi ! Cho nên không thể có một lời khuyên nào. Thừa chị, mà chắc chị định hỏi có nên áp dụng với đàn ông trong các quan hệ riêng tư thôi phải không ạ? Cứ như kinh nghiệm bản thân, tôi nghĩ có thể im lặng, nhưng đã nói thì phải nói thật. Về điều này, tôi đã hơn một lần nghe các bà các cô chê là đại, và mấy bậc nam nhi bám trụ ở nhà tôi khi chị tôi chưa đi lấy chồng ngày xưa thì lên án tôi là ích kỷ, khô hơn ngói, cứng hơn đá. Cơ mà chưa thấy ông chủ nhà tôi than phiền.

11.- Trong một bài viết về một tác giả mà chị nghĩ rằng " đã đưa văn học Việt Nam tới tầm nhân loại bằng sáng tạo của mình" (10) . Độc giả nhận ra đó là nhà văn Nguyễn Huy Thiệp. Theo nhà văn Lê Minh Hà, hiện nay nhà văn nữ nào đạt được tiêu chuẩn đó?

- Tôi chưa đọc hết, cả trong nước lẫn ngoài nước. Nhưng nhiều tác giả nữ tôi từng được đọc đã để dấu ấn sâu đậm với tôi. PTH nửa trong nửa ngoài, DL, LMK, PTVA, LL, DTHoàn, NTMN trong nước, PTTT, MN, MIÈNG... và gần đây tôi có dịp đọc TTNGH. Hay thật. Nhưng nếu có quyền đòi hỏi, tôi sẽ nói rằng nếu để đạt tới tầm nhân loại, mỗi tác giả còn phải tự vượt qua mình nhiều. Tôi nói tác giả, bởi vì kết quả của sáng tạo là tác phẩm, có thể căn cứ vào tác giả để hiểu một tác phẩm, nhưng đó tuyệt nhiên và không được phép là căn cứ duy nhất để định giá. Nói một cách khác, vấn đề phái tính ở đây không nhiều ý nghĩa. Tôi vẫn giữ nguyên nhận xét của mình về NHT, ngay cả khi NHT đổi phận làm chị em chúng ta được.

12.- Trong tác phẩm, nhà văn Lê Minh Hà thường nhắc đến các tên tuổi trong văn học Nga như Aitmatop, Lep Tolxtoi, Sôlôkhốp. . . (11) , nhưng không thấy hai nhà văn lừng danh Boris Pasternak (Nobel 1958) và Aleksandr Soljenitsyne (Nobel 1970). Có phải vì tác phẩm của hai vị này không được lưu hành trong khối xã hội chủ nghĩa?

- Không hẳn thế, Boris Pasternak có được dịch in ở VN và tôi rất mê tác phẩm của ông. Quần đảo Gulak chưa được in ở VN nhưng Soljenitsyne cũng có được giới thiệu rải rác. Nhưng tôi hay nhắc tới mấy ông Op Ep On Oi kia vì họ gắn chặt với một Lê Minh Hà đã được tôi thể hiện qua Trăng Góa hay Gió Biếc, Một LMH buồn thảm và có vẻ rất lạnh. Còn có những LMH khác, nếu cần mô tả chị ta, rất có thể tôi sẽ lôi hai ông đại văn hào này vào truyện

13.- Từ 1765 dưới triều đại của Nữ hoàng Nga Cathérine đệ nhị, cung điện mùa Đông ở St Petersburg trở thành viện bảo tàng Ermitage. Tập truyện Trăng Góa trang 158 có nhắc đến tên này. Nhà văn Lê Minh Hà đã có dịp đi thăm viện bảo tàng đó hay chưa?

- Nhờ văn học Nga và văn học Xô Viết đã được dịch và giới thiệu một cách có hệ thống, bởi những dịch giả tài hoa như VTH, PMH, CXH, PHG ở miền Bắc trước đây, nhờ nhiều bạn bè quen thân từng học ở Nga, nên tôi vô cùng thân thiết với đất vĩ đại này. Nhưng thật tiếc, tôi chưa từng đến đó, chưa từng lang thang ở Ermitage. Dù sao thì cũng có thể ước mong

14.- Nhà thơ Phạm Thiên Thư thường bị ám ảnh bởi hoa vàng. Nhà văn Somerset Maugham bị ám ảnh bởi những cơn mưa vùng nhiệt đới. Hình như nhà văn Lê Minh Hà bị ám ảnh bởi ánh trăng (những đoạn viết về trăng tuyệt đẹp như trong truyện Trăng Góa). Có phải ánh trăng gợi nơi nhà văn Lê Minh Hà nỗi cô đơn bất tận như nỗi cô đơn của mỗi con người?

- Chị hãy thử hình dung, một con bé con ngồi thâu đêm nhìn trăng sáng rồi mờ, cảm lạnh và cam chịu ký hiệp ước hòa bình hai bên với bệnh tật. Không phải một đêm, không phải một mùa. Tôi đấy. Năm hay sáu tuổi gì đó, cho mãi đến sau này, tôi hay viết về trăng là vì thế. Trăng không gọi gì cả. Trăng và tôi chia nhau đêm, đêm cô độc và khốn khổ của riêng tôi, của riêng tôi thôi. Không còn ai trong đó.

15.- Độc giả xót xa và ngậm ngùi khi đọc những câu văn của Lê Minh Hà " Đàn ông thời này chẳng còn biết phấn đấu cho lý tưởng gì, bạt xử vì nợ vợ nợ con, cũng là xong một kiếp. Đàn bà lơ ngơ ở đất người, tội quá!" hay " Một bầy kiến lằng xằng, lo kiếm tiền như lên cơn đồng và có dịp là tụ bọ để ăn uống, nói xấu nhau và nói phét" (12) .

- Đây có phải là ước vọng của nhà văn chuyên chờ nỗi khổ đau của con người để mong tận diệt được nó? Chuyên chờ? nỗi khổ đau của con người, có vẻ Nghệ Thuật Vị Nhân Sinh quá nhỉ. Nếu những trang viết của tôi có chứa chờ điều đó thì thú thực với chị đấy không phải là ý định của tôi khi viết. Tôi không viết về ai ngoài tôi. Nên sẽ vui hơn nếu bạn đọc có thể đọc ở tôi những gì không đau khổ. Khổ đau là định mệnh, mà cũng là tặng vật của trời dành cho chúng ta. Chẳng cách này thì cũng cách khác. Vậy thì mong tận diệt nó làm gì, và làm cách nào cơ chứ? Đẳng nào thì cũng không tránh được, nên nếu có thể mong, tôi mong được biết tới những đau khổ có khả năng giải phóng tinh thần của con người, và được miễn dịch với những cái hàng ngày làm bận lòng mà chúng ta cứ nói phóng lên là đau khổ: chuyện áo cơm, chuyện được yêu hay yêu được. Ví dụ như thế

16.- Các truyện ngắn của Lê Minh Hà trước đây thường quanh hai đề tài: những mảnh đời tại quê nhà và những mảnh đời tha hương nơi đất khách. Giờ đây, độc giả thấy xuất hiện những truyện ngắn của chị dựa theo cổ tích và lịch sử. Có phải đây là vấn đề sinh tử: hiện đại hóa nghệ thuật ?

- Hiện đại hóa, trong bất kể thời khắc nào là vấn đề sinh tử của nghệ thuật, cũng là vấn đề sinh tử của mỗi người viết. Nhưng đây là một vấn đề lớn, đòi hỏi phải có sự tham gia đồng thời của lý luận và sáng tác. Nhưng việc tôi viết các truyện ngắn có màu sắc cổ tích và lịch sử lại không có vẻ dính dáng gì tới ý thức hiện đại hóa nghệ thuật cả. Mục đích ban đầu của tôi là viết lại vài ba truyện cổ tích để tặng con, cũng là một cách thừa thốt với học trò cũ. Tôi hình dung đời người như một con sông, mà lưu lượng phụ thuộc vào những giòng chảy hợp thành nó. Tôi đã đi qua vài ba quãng đời mình, và giờ lại muốn phát hiện mình ở những khía cạnh khác. Vậy thôi. Đã nói tới hiện đại hóa nghệ thuật là phải nói tới ý thức của người viết về VH/QK và đương đại, là quan niệm riêng về VH... Nhưng khi viết về những truyện lấy đề tài từ cổ tích, tôi không biết và cũng không tìm biết ai đã viết gì trước mình. Viết xong Trương Chi chẳng hạn, tôi mới nhớ ra đã có một TC của Nguyễn Huy Thiệp, mới biết trong nước vừa có một cây bút trẻ cũng viết TC. Không rõ quá trình sáng tạo ở các tác giả khác thế nào. Ở tôi thì thật sự là một bước giật lùi: Còn bé, mới viết thì chăm chăm viết sao cho giống ai mà mình thích, sau thì cố viết không giống ai, còn giờ, tôi không quan tâm tới chuyện đó nữa, chỉ muốn viết sao thể hiện được con người mình rõ nhất, bằng phương tiện gì cũng được. Nên như đã kể cho chị đấy, tôi ăn trộm từ của cả ông Tô Hoài, mà nếu bới câu chữ ra thì tôi còn đạo văn vô khối. Nhưng cũng chả sao phải không ạ. Điều cốt yếu với người viết người ta nhận ra đó là ai. Và tôi nghĩ vấn đề hiện đại hóa nghệ thuật không phải là một vấn đề đột biến, chỉ có thể giải quyết từ từ, bằng những tác phẩm mà ở đó tác giả cho thấy mình là một cái gì không sao chép được, nếu mà chính người viết cũng không sao chép được mình thì còn tốt hơn nữa.

17.- Tác phẩm " Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn vừa ra mắt độc giả đã gây nhiều tranh luận. Xin nhà văn Lê Minh Hà cho biết ý kiến về tác phẩm này?

- Nói về một tác phẩm được viết bằng cả một cuộc đời đau khổ và cái chính là hay đến thế mà chỉ có vài ba câu thì e không phải. Về tác phẩm này, tôi đã có dịp trình bày cảm nghĩ của mình cùng với ĐT, NHL, VTH, DQN ở BBC. Chỉ xin nhấn mạnh rằng không phải tác phẩm văn học nghệ thuật nào cũng tạo nổi một chấn động chính trị như CKN2000 nhưng cái làm cho tác phẩm này có được một sự sống đặc biệt lâu dài trong đời sống văn nghệ nước nhà, điều này không thể nghi ngờ, chỉ có thể cắt nghĩa bằng chính nó, như một chỉnh thể nghệ thuật kêu gọi yêu thương chứ không phải là chứa chở một thông điệp chính trị nào. Nhấn mạnh tác động chính trị của tác phẩm mà không quan tâm đúng mức nghệ thuật của nó có thể là xúc phạm người đã sinh thành tác phẩm vô giá này của văn học VN đương đại.

18.- Chị có thường xuyên liên lạc, gặp gỡ những người làm văn học nghệ thuật hiện nay tại Tây Âu hay không?

- Rất tiếc là không dù rất muốn.

19.-Lê Minh Hà có ý định cư tại Bắc Mỹ nếu có cơ hội hay không?

- Đã chọn một cuộc sống ngoài tổ quốc mình thì ở đâu mà chả như nhau, miễn yên thân khi mình mong yên phận. Nhưng tôi mong có một ngày được tới Bắc Mỹ, tới Canada, để xin xem mặt và nghe giọng những anh chị mà tôi là bạn đọc thường xuyên và khát khe: NQT, LH, HDN... đồng anh chị em mình bên đó lắm phải không chị.

20.- Truyện ngắn Những Ký Họa Dang Dở có nhắc đến Khánh Ly và Trịnh Công Sơn. Cảm tưởng của nhà văn Lê Minh Hà ra sao khi nghe tin người nhạc sĩ này đã ra đi vĩnh viễn vào đầu tháng Tư năm 2001 vừa qua.

- Vậy là ông đã vĩnh viễn thành một cõi đi về đối với chúng ta. Là người sáng tạo, hỏi gì hơn thế nữa. Nhưng là người mê Trịnh Công Sơn qua chỉ một Khánh Ly, thú thực là tôi bàng hoàng. Đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng. Riêng bài này tôi chỉ thích nghe qua chính giọng TCS.

Tiếng xưa

Nghe trong gần gũi cảm biết về xa xôi, của những chân trời không bao giờ đến được cùng nhau mãi mãi còn đâu đó...

Bắt đầu từ đâu?

Có thể bắt đầu từ đâu?

Từ một tiếng gà xáo xác. Ở phải, bao người đã nhớ âm thanh này, luôn luôn là của những xa xưa. Những xa xưa tuổi bé, theo bà, xa bố mẹ, tiếng thành phố thở bật đi hoang mang trong mù dăng cuộn cuộn mặt sông buổi sáng, trong những chiều bằng lăng từ sân kho hợp tác ngóng về hướng núi một màu tím phớt ai hoài.

Phía đó: Đàng rừng. Nơi đây, ai cũng gọi phía nam là đàng xuôi, phía tây: đàng rừng. Những đàng rừng sương buông kín một thời buổi gieo neo, như vẫn bình yên lắm. Có con bé con quay lưng về phía thành phố, nghe tiếng mình thở đội trên sân kho hợp tác đã vắng người, nghe tiếng bà vắng từ giữa xóm gọi về cơm tối, thắm thía một hoàng hôn không ánh điện, không tiếng bố và tiếng mẹ, không có tiếng đũa bát cả nhà vang vui về quanh mâm.

Tôi đã có cho riêng tôi một tiếng gà trưa từ những ngày tháng đó. Cô quạnh mà an vui. Cục ta

cục tác, vừa đau vừa rát. Từ dưới bếp vọng lên tiếng bà làm bầm rửa con mái già chỉ giải dáo dác suông tình mà không để được lấy một quả trứng xiu xiu nào gọi là cho có. Cái con mái già lắm chiến công chống cày chống cáo bao nhiêu lần bị bà dọa cho vào nồi nước sôi trưa nào cũng làm náo động xóm vắng ven sông. Nghe tiếng gà cục tác bắt chợt những trưa xuân, chợt nhận ra cơn tức ngực đã qua, hơi thở nhẹ đi thơ thới, nhìn ra vườn chuối, không còn thấy mấy ả gà nạ dòng đang trong giai đoạn độc thân đứng run rẩy bên gốc, biết màn mưa ẩm lầy phây từ đêm qua sáng đã được trời đất vén lên rồi, và bếp nhà nhà đã ngàn ngạt mùi khói rạ. Thò tay vào túi áo bông bốc nắm bông nếp đưa bạn cùng lớp cho từ buổi chiều qua, trái tim bé thơ dưng không như lỗi nhịp. Nhớ tiếng chổi khua trên mảnh sân chung ở khu tập thể, nhớ cũng một trưa mưa ẩm, trời đất bỗng hừng lên, làng bên đê có con chim nào trỗi giọng, và ngoài phố xa lại vắng tiếng rao mời.

Những tiếng rao trưa, Hà Nội, một thời vườn trong phố.
Nhịp xưa có còn?

Tôi biết dòng đời Hà Nội giờ sôi cuộn hơn bao giờ hết. Đội ngũ người bán hàng rong xuống đường đông đảo lắm so với một thời Hà Nội của tôi, nhọc nhằn mà dịu dàng. Cái nhọc nhằn vẫn đó. Dịu dàng? Còn chăng dịu dàng?

Dịu dàng như tuổi ấy, bắt đầu con gái tóc dày má ửng, qua phố vắng, biết đằng sau, trong quán nước nghèo có những con mắt nhìn theo. Trưa nào rất xa, đạp xe từ trường tít trên Cầu Giấy về, người băng láng trong cơn đói định kì, chợt nghe tiếng rao bánh đúc âm âm dọc hành lang thông thoáng gió, vội vàng chạy ra gọi với chị hàng bánh bưng chửa áo chật da khô và tóc xơ. Tiếng rao bánh đúc cất đôi cô hàng xóm quy mô lừng lững mà có cái giọng đến là vẹo vọt đang mưa vẫn mưa bay... một trưa mùa hạ, nóng nung người, bỗng dưng có điện, cái quạt tai chuột quên tắt từ đêm bắt đầu lại một vòng quay lờ đờ ân huệ, xa rồi, đôi lúc lại ngỡ lòng như con sông chậm dòng nặng nề.

Tôi yêu tiếng rao bánh đúc âm âm qua trưa Hà Nội, trong từng ngõ nhỏ, trên mỗi tầng nhà tập thể. Thứ bánh đúc đãi gạo, bảo ngon thì thực không ngon, cứng mình quá, nồng vôi quá, hạt lạc kẹt ú tim trong miếng bánh không đủ bù đủ ngọt, bì sao được bánh đúc chợ làng sơ tán năm xưa, trắng mát và mềm mịn, cái bù cái béo nhẵn nhịn và rất luyên. Thế nhưng cái nhớ qua ngày tháng với đầy nào có khác nhau. Nhớ mặt và nhớ dáng. Sao bao nhiêu chị hàng bánh đúc đi qua kí ức tôi lại chỉ một sắc ấy và dáng ấy. Bao giờ cũng cái nón úp trên đầu, đơn giản là để chống trời, chẳng hát hay nghiêng làm duyên một chút gọi là cho có. Bao giờ cũng đôi dép lê sản phẩm nhựa tái sinh của một hợp tác xã thủ công nghiệp nào một thời và hai ống quần bạc bụi phố phường, quần quần ở mỗi khoeo chân lúc đứng lúc ngồi xắt bánh, rót tương. Bao giờ cũng vậy, đôi tà áo hót, nước da khô và đôi mắt ngời ngời của người bưng mang dạ chửa. Bao giờ cũng vậy, bàn tay ngón gầy và cứng chắc chẳng bao giờ đủ sạch khi xắt bánh, cần trọng vuốt đồng bạc vừa mới nhận rồi lật cái vỉ buồm đặt vào đáy thúng. Và, bao giờ cũng vậy, chữ e trong từng âm đã bẹp hơn một chút, giọng người ven đê. Bánh đúc. Kê. Bánh tro. Rượu nếp. Bánh tro của người từ mạn thành Sơn xuống, người bán sẽ sàng lột lá, chiếc bánh mỏng, giòn đấy mà mềm, trong vắt một màu tro ấm quệt ngang đĩa mặt óng vàng hoa nắng, ăn vào một trưa xuân muộn, tháng ba ư, như rét như không. Tôi chưa từng nghe tiếng rao của hàng bánh tro. Toàn tiện chuyện với cô hàng xóm mà ăn hương ăn hoa, một hôm ra ngõ, thấy hàng bánh tro đi ngang, cũng lại một người đàn bà còn trẻ trẻ, hay một cô con gái mới chớm xuân thì, dáng đi khổ khổ. Có âm thanh nào im lặng quá, trong tôi.

Hàng kê thì khác. Gần trưa còn vương chút gió hây hây từ ban sớm, đột ngột ngân một tiếng kê...e...e...e...e... dài. Chị hàng kê hay đi qua ngõ nhà tôi tính mềm mỏng mà không xởi lởi. Ai gọi thì đã bước chậm lại chậm thêm một chút, dừng chân xúc kê vàng, thêm chút đường trắng

rải đều lên miếng bánh. Bánh đa kê, chỗ giòn chỗ ỉu, đường với kê bùi và ngọt đều rất nhẹ mà rất quện, không gợn thềm mà gợn nhớ bao lâu, cũng chẳng biết đến bao giờ, một tiếng rao dài và cụt. Kê...e...e...e...e, và nắng.

Hàng quà rong, mà là bánh trái, rất hay gặp là mấy chị bánh dày chay. Bánh dày từng chiếc bé bé kẹp vào nhau trong miếng lá chuối tươi xanh cứ mỡ lên. Nhân bánh chỉ là đỗ và đường cát, nhưng trên mặt từng chiếc bánh còn lấm tẩm bột đỗ xanh. Đỗ vàng đậm thắm, bột trắng lành lành, lá xanh hơi hớ. Chị hàng bánh quen chân len lách từng ngõ nhỏ, dừng nơi đầu chợ, tiếng rao chỉ nghe rõ hai tiếng ai... dày... Món quà nhường nhịn và chân chỉ ấy thế mà đất khách, chẳng cứ các bà các cô. Đầu cầu thang một nhà cao tầng kia, giữa ngõ chẳng bao giờ vắng, người ta túm tụm quanh đôi quang thúng của chị hàng. Nhặng đi một chốc, lại bắt chợt vang tiếng ai... dày. Không hiểu sao, ấn tượng với tôi là tiếng hàng quà rao như thế, trong trưa.

Không độc quyền giọng đàn bà là hàng bánh mì. Hồi còn vất vả, bánh mì bán thay gạo, không thấy hàng bánh mì rong. Muốn ăn chơi thì hoặc ghé hiệu bánh mì đối diện rạp Đại Nam, bánh mì tươi lại còn ủ trên một cái lò tự tạo, giòn tan, chút bơ, chút ba tê, xúc xích, thịt xa xiu nữa, và rưới đấm ớt chưng tùy khả năng của lưỡi và môi. Không thêm hành, cà chua, dưa chuột và rau thơm gì cả. Chẳng thể biết bánh mì của hàng này quện rũ bởi cái gì. Bơ? Ba tê? Xúc xích? Hay là ớt nhỉ. Ớt của hàng chưng sao mà khéo, đỏ óng ánh, cay đến là cay thơm đến là thơm. Chỉ có điều nhà hàng chắc là đông nên hơi kiêu lời vồn vã cảm chân khách. Bây giờ, hàng bánh này đã có cạnh tranh chưa?

Mua bánh mì ăn vội thay bữa trưa nhiều lúc từ trường về quá muộn, ngày xưa tôi hay ghé luôn vào mấy hàng bánh mì ở bến xe hay trước cửa hàng gạo đầu khu tập thể. Mấy người đàn bà ngồi châu hầu bên thúng bánh. Thấy khách đi chậm lại là đồng loạt nháo nhác, đồng thanh cào khan cào vĩa vào mua. Có chị hàng bánh mì mặt tròn, da bánh mặt, tóc dày búi chặt, mi rậm và buồn. Chẳng hiểu duyên gì mà bao giờ chị cũng chọn cái bánh mì phồng ồm nhất cho tôi, vốn rất ngại mặc cả và chọn lựa. Rồi chị lại còn kể, hỏi hã, trong khi bàn tay tìm bánh thì nhiều lúc chững hẳn. Một vùng quê. Người chồng còn trẻ mà mắt đã mờ. Đứa con trai đầu lớp mười hai chỉ mong vào đại học, sáng đến trường chiều thay người cha giờ chỉ còn biết lẩn sờ quanh quẩn trong nhà, xốc vác giúp bố mẹ đắp đổi qua ngày. Người mẹ thì ngồi đây, bên thúng bánh, từ lúc còn chưa tắt đèn đường, nhón nhác chạy hàng khi phòng thuế hay công an phường tới. "Chị cũng cố thế này cho cháu hè này đủ tiền ra Hà Nội học thêm mấy buổi, không nó tủi. Rồi còn em nó nữa, cũng phải cố cho học chứ biết làm sao. Minh nhà quê ra đây cực lắm, cứ bị bắt nạt giành chỗ cô ạ". Sau này, tôi gặp người đàn bà ấy ở bao nhiêu phố khác, lại đòn gánh đổi vai, bán bánh giò. Chị bây giờ ở đâu? Có còn một mình khuya sớm vỉa hè bươn chải cho chồng con, việc làng việc họ, cho giỗ chạp, cho chữ nghĩa. "Chị tên là Diệu em ạ". Chị tên là Diệu.

Đây là khi hàng bánh mì rong đã bung ra tứ tung rồi. Đội ngũ bán bánh mì có lẽ đông đảo nhất trong lĩnh vực bán rong. Đủ mặt. Đàn ông. Đàn bà. Người già. Con trẻ. Tiếng rao va nhau chan chát đầu ngõ, góc phố. Cái thúng bánh chênh vênh trên đầu người này vừa lừng lững ra khỏi ngõ, đã lại thấy một thúng bánh khác bên sườn người bán hàng khác khắp khởi đi vào. Độ ấy, có người đàn ông già mắt đục giọng khàn hay ghé cửa nhà tôi, ngồi xếp xuống nơi ngưỡng cửa. "Xin cô cốc nước. Trời oi quá, hệt cả hơi". Trời oi quá. Bữa bữa không thể thiếu bát canh rau. Ai ăn bánh mì sướng được. Mà những người bán bánh mì thì một cái ngõ đuôi chuột nhà tôi thôi, hết ra lại vào, từ sáng cho tới đêm khuya.

Cũng là một hàng bánh mì, nhưng hồi ấy, cả lũ chúng tôi cứ hỏi nhau, rồi lại giục nhau mua thử xem đó là cái gì. Bán hàng, một người đàn ông dáng đậm, quân phục phẳng phiu không quân hàm quân hiệu, dắt chiếc xe đạp nữ sạch bóng, túi to phình đằng sau. Trông hệt một ông thiếu tá về hưu được vợ sai phái việc gì. "Tuyệt vời. Trên cả tuyệt vời". Nghe mãi mới ra lời rao lạ. Và

chẳng hiểu đó là hàng gì. Rút cục qua bọn trẻ con mấy trường tiểu học mới biết trên cả tuyệt vời là bánh mì, làm thành thanh nhỏ và dài như cái đòn gánh. Quả là một phát minh thời ấy của lò bánh. Nhưng tuyệt nhất là lời rao, qua chất giọng ấy, trầm, âm vang, tự tin.

Có một lời rao, đúng hơn, một câu hỏi tôi nghe trong rất nhiều ngày phiến muộn và khổ sở. Và nhớ mãi: Giường này mua không? Hàng: bánh mì. Người bán: Bà y tá già được tiếng mát tay tiêm, chọc ven và đủ thứ thủ thuật khác ở khoa hồi sức cấp cứu cách nhà xác chẳng bao xa. Bà mới về hưu. Gấp lại chiếc áo trắng, áo ngắn đời thường và thúng bánh mì cấp ngang hông, người y tá già và giỏi bắt đầu ngay một sự nghiệp mới. Có bao nhiêu tình mơ chông chênh trong phòng bệnh trắng toát, tôi đã nghe tiếng bà rao cùng cả câu hỏi thăm bệnh tình những người dở sống dở chết nơi này. Như bao ngày tháng cũ mà tôi từng biết. Lại nhớ những đêm người bạn thầy thuốc hai tay khoát vạt áo choàng trắng, từng bước chậm kể về gia cảnh, và "Khứ niên kim nhật thử môn trung..." say sưa. Ngoài kia trong đêm cây thao thức trở màu.

Buổi sáng, nhìn qua khung cửa sổ, người mãi mốt lại qua trên con những con đường nhỏ dọc ngang trong bệnh viện. Mưa phủ qua mùa, ngưng lúc nào mắt cận thị nhìn không rõ. Rồi bắt chợt nắng hừng lên. Có chàng trai không quen qua đường rất vội, tà áo khoác phồng căng gió. Xuân quá. Tràn mắt người ốm dậy một màu nắng xanh ngơ ngác. Hồ nghi không dám nhớ, đêm mùa, sự tin cậy đã cho nhau. "...Hà xứ khứ...". Năm tháng rất xa. Năm tháng trở về. Trong nỗi nhớ bà y tá già, tiếng cả và bóng lạch lạch cùng thúng bánh. Biết mình lại đủ sức quần thảo với những bình thần mà không bao giờ là vô tâm trong lòng mình, với ngày tháng lúc chậm lúc nhanh lúc dài lúc ngắn. Bởi trong hành lý đến với ngày mới có điều ấy, nguyên vẹn và thiết tha. Những lời xót đắng. Những lời thăm sâu. Một đời với vội. Một đời ơn nhau.

Cũng đầy ấn tượng, nhưng hay vào lúc chiều muộn muộn, là tiếng rao giò dầy của một người trai trẻ. Trang phục: quần áo lính, nhưng không phong độ như người đàn ông bán tuyệt vời, người bán hàng là chàng trai độc nhất chẳng trong đội ngũ bán hàng (quà) rong khi đó. "Giò dầy". Tiếng rao cao, không có dấu huyền, hụt hẫng. Toàn bộ âm vang nằm trong thanh không của hai chữ giò dầy, đột ngột phục lên trên những ồn ào bụi bặm. Khắp các phố. Tôi mua hàng của anh tại Lò Đúc lúc xế chiều. Muộn một chút, dọc đường đi dạy thêm, đã lại nghe tiếng rao đó ở mạn Cửa Đông Hàng Đậu. Người bán hàng đội thúng giò với bánh trên đầu, tay ve vẩy, chân thoăn thoắt. Trông và nghe đều lạ. lạ thế, anh có đất hàng không?

Rất bình thường, bao mưa nắng nhiều đời nay đã rất bình thường, mà vẫn gọi. Là tiếng rao của hàng tào phớ. Phớ... Hàng tào phớ chẳng hiểu sao chỉ thấy đàn ông bán, không phải là ông lão, cũng không phải là trai trẻ, đến nỗi tôi đâm nghi ngờ chất lượng khi một buổi chiều nghe tiếng rao đó qua giọng đàn bà. Ông hàng tào phớ hay dừng gánh trước ngõ nhà tôi, bốn năm ư? hay năm mươi? người vất vả thường trông già hơn tuổi, tóc húi cua, quần áo nâu già, cứ như từ trong tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn bước ra, hai đầu đòn gánh là hai cái thùng gỗ nâu xỉn xỉn. Bọn nhóc con được mẹ nhồi cho xong bát cháo sườn hay bát phở là tấp tễnh sà sang hàng tào phớ. Ông hàng mở thùng, cầm cái vỏ trai hớt nhẹ, mấy lát thôi, rồi nghiêng chai nước đường. Thế là đủ cho mấy bà mẹ trẻ tin rằng con mình đã thừa béo bùi ngọt nhạt cho đến bữa cơm trưa. Tào phớ ăn béo mà thanh, ngọt mà không lợm, ít nhiều giống như sữa đậu nành, hay những cô con gái không duyên sắc lắm, đủ tận tụy và thông thái, đủ hiền hậu và nhí nhảnh, có thì bao nhiêu cũng được, nhưng ít được thêm được nhớ. Song tôi lại thích nhìn ông hàng tào phớ. Chừng mặt trời đã cao, khi hàng quà sáng bắt đầu dọn dẹp, ông tào phớ cất gánh lên vai, đi sâu vào ngõ, đôi thùng lúc lắc theo tiếng rao cao và dài. Ông hàng đó đã một lần làm tôi phục sát đất. Vừa đậu gánh thì có thằng ranh con tinh tướng lao xe máy từ phố vào trong ngõ, người ăn người bán lú quíu dạt sát bờ tường. Thùng tào phớ kèn càng bị cái xe quệt phải. Tào phớ long chân, không còn mịn mặt mát mắt. Người bán hàng mặt tái. Ai cũng ái ngại, ai cũng sẵn sàng ăn giùm ông cho hết gánh. Nhưng: 'Bà con có lòng tốt thì ăn hộ cho tôi, không phải của

sông của bể, đổ đi tội trời. Nhưng mà tôi không lấy tiền ai cả. Tôi không lấy.' Tôi đã ăn, tôi đã nhìn, tôi đã nghĩ. Sự lương thiện, sự tự tôn nghề nghiệp này mình dám có, hay chưa?

Những năm sau này, các cửa hàng gạo mậu dịch qua đợt cải tiến từ sỏ sang bì, rồi chẳng trông chẳng kèn im ỉm đóng, trưa trưa hay nghe tiếng rao của những hàng gạo từ ngoại thành vào. Người bán gạo thường là con gái, chồng con chưa không biết, nhưng trông dáng còn son lấm. Không còn quang gánh nữa. Các cô hàng xáo thời nay thò gạo bằng xe đạp. Mà thò thật khoẻ. Ai gọi là nháy phất xuống, miệng nói tay chìa nắm gạo làm bằng, rồi san gạo, cân gạo, cứ là thoăn thoắt. Chỉ bức một nỗi là đôi lúc có cô hàng gạo cân điều quá. Dặn ông chồng trẻ nghe tiếng rao thì gọi vào đong hộ cho vợ lụng thùng gạo. Cô hàng chắc tay múa miệng múa, ông chồng chắc đứng đực người, đến lúc xe đi rồi mới ớ cổ thông báo cho vợ hay là một cân gạo hình như chỉ gần tám lạng. Nhưng mà thôi, vẫn là cái sượng của thời nay, là đến lần sau nếu cô hàng gạo ấy đi ngang thì nhất định phải gọi vào mắng cho mấy mắng, rồi có đong gì thì mới đong, mà yên tâm lần này thế nào cân gạo cũng đôi, mà cô hàng thì sẽ không có cái động tác quăng sỏ gạo và đôi hồi gì lại. Như những mùa cổ tích, nào đã xa xôi gì.

Hàng gạo qua thì hàng chiếu lại. Ngồi chằm bài bên khung cửa sỏ, nhìn người bán chiếu chân thấp chân cao đi ngang, đã có lần tôi tự hỏi giả dụ thời tao loạn đời mình có làm nổi cái nghề này mà vất mũi dứt miệng hay không. Ai chiếu đôi thì có thể rao, nhưng hàng thì chắc khó lòng khuân theo nổi. Nặng quá. Hai ba cặp chiếu đội trên đầu, một cặp lật bật trên vai. Người bán chiếu, không biết ở miền nào ra với phố phường này, đi khắp hang cùng ngõ hẻm, ai gọi thì ghé vào, hạ món hàng công kèn xuống, đưa tay quệt mồ hôi mặt, rồi gỡ ra cho người hỏi sờ từng đường cói, đái giọng chề bôi. May thì bán được một chiếc, ít ai lại mua một lúc cả đôi. Không may, thì lại cuốn chiếu đội đầu, cong cổ đứng lên rồi bước, gửi tiếng rao về phía trước. Tấm chiếu mua về nằm sà sã, thấm mặt, dứt cói thì đem vớt, có ai nghĩ tới những bước bùn lầy của người trồng cói, cắt cói, những mồ hôi của người dệt chiếu và bán chiếu.

Chỉ mới nghĩ tới bước người đi bán chiếu đã nặng hết cả lòng rồi. Nghĩ, cũng có ra cháo ra cơm được cho ai, khi mình luôn luôn là kẻ vô tích sự dù vô hại. Thôi. Thôi. Biết vậy mà lòng vẫn chạnh cái nỗi trời đầy. Đã ba mươi năm có lẽ rồi, tôi vẫn buồn buồn tưởng tới một dáng người bao trưa bao chiều âm thầm phố vắng lọc cọc xe bò kéo, đi về phía ô Đống Mác. Ông cụ đi chậm chậm, cái đòn gánh không nhún nhảy như trên vai mấy bà đi chợ huyện hay mấy chị gánh tơ xuống trại tầm vẫn cho tôi nhộng sẩy năm xưa năm xưa. Cái đòn gánh thẳng đuốn, ngay đơ trên vai ông, mà thứ hàng ông gồng gánh hàng ngày đâu có nhẹ, là những chiếc làn làm từ sắt phế liệu. Vóc gầy trông bộ quần áo ta màu chàm bạc, sạch sẽ phẳng phiu, chòm râu thưa, mắt nhìn hiền hậu và xa vắng, dáng tự tại giữa phố phường của ông lão tiết lộ một điều gì rất lạ, không ăn nhập gì với gánh hàng thô nặng mà chả mấy người mua của ông.

Rồi 1975. Rồi Hà Nội bắt đầu xanh xanh đỏ đỏ những rỏ rá lòng bàn làn nhựa. Ông lão thôi đi về trên phố cũ lúc nào không nhớ nữa. Chỉ nhớ năm đó tôi vừa tốt nghiệp đại học, nho nhoe xin việc ở báo Phụ Nữ, có lần đi lấy tin dưới mạn ô Đống Mác, tôi đã lần la hỏi về ông cụ không rõ tuổi tên và địa chỉ cũng không. Ông lão từ đâu lại xóm nghèo không biết, sau hoà bình lập lại, ngày ngày đi rong phố với món hàng nghèo và nặng nuôi người vợ liệt, lạng lẽ tháng ngày. Bà lão mất rồi, ông lão cũng mất rồi chị ạ. Chị cán bộ phụ nữ phường thông thả kể. Lòng tôi gió, từ bao mùa lặng im, về bao cuộc đời lặng im. Phố rất hiền, ngõ rộng, quen từ tuổi bé.

Rồi ngõ chật dần, bởi những bàn ghế và quang gánh, và những mặt người vừa xởi lởi vừa dăm chiêu. Toàn những bác những cô hàng xóm gần hàng xóm xa cả. Bao người trong số đó tôi biết từ khi họ còn con gái, rồi lên tuổi mẹ, tuổi bà. Bao người trong đó đã đi qua trọn vẹn thời bao cấp, đã âu lo khi tuổi già nhà máy ít việc dần. Và cái ngày nhận sổ lương hưu với họ là thêm một chút dần vốn để bắt đầu một sự nghiệp mới với những lo âu mới, vì chồng, vì con, vì cháu.

Gánh cháo sườn, gánh bún, chõ xôi, nồi ngô luộc... Nghe lao xao mỗi sáng tiếng mời chào, biết, chắc không ai tuổi ấy lại hình dung cho mình một tuổi già vất vả như thế này, lòng vẫn ấm những đam mê. Mùa hạ có người rao bán bột sắn dây. Gần tết lại có người đi long rong mời mua chè hay măng miến. Tôi không bạo mồm được với những hàng rong nếu mua phải bột sắn dây giả, chè mốc hay là miến sắn, nên đất rẻ gì cũng ra hàng ngoài phố. Nhưng mà tôi thích, ngày nằm tận, một hôm đang trong cơn ốm chợt nghe chao trong gió ngoài kia một tiếng rao dài. Lại muốn cùng người và mùa xuân, đi.

Thành phố giờ phình ra, sôi sục. Thành phố giờ như cái bể khổng lồ, thổi gió về những miền hiu hắt, hút tuốt người từ nơi đó ra với vĩa hè. Hàng rong chắc nhiều lắm lắm. Nhưng những tiếng rao kia, không phải giọng người Hà Nội, liệu ngoài thông tin mặt hàng còn có những vang âm nào?

Có. Khi nào chẳng có. Khi nào nơi ấy lại vắng những lòng người như gió, thổi vào mình mọi nỗi, để rồi tự vang vọng lại, âm thầm!

Những triền xưa ai đi

Người đàn ông đứng bên đồng tre đã chặt ngọn xếp sát chân cầu khi xe tôi đổ dốc, người lao về phía trước trong một cái nhìn ngóng đợi, chăm chú, ngỡ ngàng. Tay ông ta vẫn giữ con dao phay. Một thằng bé ăn mặc phong phanh đứng sát ông ta. Tôi nhận ra... thằng bé... Tôi nhận ra ông ta qua đôi mắt thằng bé. Ngay lập tức. Cú phan đột ngột làm con gái tôi chú người về phía trước, cầm cầu:

- Mẹ! Đâm vào người ta người ta chửi cho chết bây giờ!

Nó không nhìn thấy sắc mặt tôi. Thằng cu con không để ý đến sắc mặt tôi mà chỉ chú mục vào cái xe máy đập hộp chồng tôi mới mua cho vợ tháng trước. Tôi cũng không biết về mặt mình. Tôi lấy hết sức để chào:

- Chú... Phú!

Người xe nườm nượp qua cầu sang chợ. Hàng họ lổn nhổn khắp nơi. Hơi nước dâng mù mịt trong ánh mặt trời buổi sáng mùa đông đã bắt đầu toả ít nhiều sức ấm, chỗ ngã ba sông quang đãng thì hồng một màu đùng đục, chỗ triền sông xóm tôi um tùm tre pheo thì có màu xám càng bốc lên cao càng nhạt dần. Chéo bên kia sông, làng Lưu Xá, một con đò tách bến, đầy ắp người qua chợ. Như không có gì đổi khác. Không khác cả với những chuyện xa xôi bà kể trong một thời rất xa xôi. Không khác cả với thời đạn bom tôi sơ tán về đây. Nhưng giọng Phú thì không phải là giọng cũ.

- Chị và cháu mới về. Cháu về là đúng phiên chợ to nhất nhì trong năm đấy. Người Vân Đình lên. Người ngoài Chuông vào. Dân trên Sê trên Nguồn xuống. Lại người trong tận Miếu Môn ra. Cháu nhìn kia kia. Người Mường đấy. Chào chị chưa cu?

Phú điềm đạ quá. Sao Phú điềm đạ thế. Phú của ngày xưa của tôi.

Bà bảo:

- Chúng mày học hành gì với nhau thì cũng phải biết giữ gìn không lại làm bà điếc tai với xóm giềng. Thằng Phú hơn mày hai tuổi nhưng bằng vai với bố mày đấy con ạ!

Bà ra thêm nhử một bãi nước cốt trâu về phía gốc chuối đầu hồi, cất tiếng xuýt con gà mái già cóc để lười biếng không chịu kiếm ăn xadạng mon men tới nông ngô phơi giữa sân, xong quay vào tiếp tục:

- Đừng có nhờn nhờn mà bắt nạt nó. Con gái con đũa là phải ý phải tứ. Đã mười lăm đến nơi rồi.

Nào tôi có bắt nạt Phú. Tôi chỉ bám Phú nhằng nhằng vì không biết bám ai vào những ngày này. Bố ở lại Hà Nội. Mẹ dẫn hai em đi sơ tán với cơ quan. Tôi về ở với bà cùng con em con ông chú và theo học năm cuối cấp hai ở trường làng. Máy bay B.52 rải bom ở Vác. Hố bom nọ cách hố bom kia khéo chỉ năm mét, đạp xe từ xa lại nhìn hố bom loang loáng nước y như mắt sàng thưa. Xa hơn là Thạch Bích. Tượng Đức Mẹ bế con nghiêm trang đứng bên đường cái, mắt nhìn bình an. Nhưng cánh đồng Thạch Bích tan hoang. Bom rơi trúng kho bộ đội. Mảnh tôn bay tứ tán, lấp lánh trong nắng quái, hãi hùng. Ngược Hạ Dục cách làng có bốn cây, máy bay ta với máy bay Mỹ quần nhau, hai máy bay ta rơi, tiếng nổ vọng về tường vách hầm phải sụp, còn khiếp hơn cả tiếng bom.

Trường khai giảng muộn. Học sinh ra công đào hầm hào. Hầm chữ A, trở ra hai bên giao thông hào, kéo cột bằng tre, đũa nào cũng phải góp một cây, một thúng rơm, ba thúng cát. Phú tự động chặt hai cây tre nhà vác lên trường, ghi tên tôi vào danh sách. Tôi im thin thít khi nghe mẹ Phú ca cẩm với bà: 'Một cái hầm thì mấy cây tre, học sinh đũa nào cũng đóng hai cây. Có mà để xây doanh trại.' Nhưng khi Phú bảo chiều đi đào cát, tôi cun cút đi theo. Làng nằm ở ngã ba sông. Một nhánh sông, phía làng Lưu là khúc cuối của con sông Nhuệ, nước gần như không chảy. Nhánh kia ngược lên Thác Bà. Xóm tôi nằm ngay đầu nhánh sông Đáy xuôi về Bến Đục Chùa Hương. Sông Đáy nước trong, mùa cạn lững lờ trôi, từng khúc lại nổi lên những doi cát lớn. Chỗ bến sông cuối xóm gần làng đạo Phụ Yên có một doi cát như thế, quen có thể lội từ bờ bên này sang bờ bên kia. Phú dẫn tôi đi, dặn luôn miệng:

- Cẩn thận đừng bước trệch. Thùng đấu đầy. Đừng sợ. Đi đâu đấy? Sa vào thùng đấu là không cứu được đâu.

Phú đóng vai chú họ, kể thì cũng xa tít mù tấp, nhưng ngoài làng trong xóm thì có xadén bầy đời tồn ti trật tự vẫn chẳng thấy ai vi phạm. Được cái là Phú không lên mặt bao giờ. Không bao giờ mà tao đừng nói xưng chú. Tôi lẻo đẻo kéo quang thúng bì bõm theo Phú, lúc thì vênh váo đúng kiểu một đứa con gái ở tỉnh vào tuổi mười lăm và thực ra là nhút nhát, lúc lại nhõng nhẽo hết một cô cháu thực thụ. Phú cứ vừa dặn dò gì là tôi phải cãi lại lập tức:

- Không cứu được! Không cứu được! Thế nhờ tụt vào thùng đấu thật thì chú định mặc kệ người ta chắc!

Cứ vừa lội lồm bõm vừa lau bà lau bảo như thế mà tôi lần mò ra được giữa sông với Phú. Nước ở chỗ này nông hơn cả trong bờ, chỉ gần tới ngực. Đũa đào. Đũa đãi. Một chiếc thuyền đinh chõu khảm cát ngược hướng Tháp Bà. Một người đàn bà gầy quắt nhưng có hai bầu vú như hai cái giò ẩm và hai anh chàng chỉ vào trạc Phú gò lưng kéo thuyền qua bãi cạn. Người đàn ông đứng chống sào trên thuyền hét to điều gì khi thuyền lướt ngang. Hai anh chàng đang hậm hụi kéo trên bờ cười phá. Người đàn bà mắt trống rỗng. Nắng buổi chiều rọi từ sau gáy, nước trên mặt sông nóng rẫy, nhưng dưới sâu thì mát lạnh. Tôi thỉnh thoảng lại thích chí rùn chân dìm người xuống nước, quờ tay nhặt một con hến quăng đi. Một lúc nhô lên, thấy Phú chống xẻng, đứng sững. Tôi phát hoảng lại dìm vội người xuống nước, nghĩ tới đôi vú bé như chũm cau hằn lên sau lớp áo cánh của bà. Chợt biết mình đã lớn.

Đứa em họ tôi hòa nhập rất nhanh vào đám trẻ trong làng. Nhưng bọn học trò trường làng không thích tôi và hay chọc ghẹo tôi. Không biết vì sao. Mặc dù tôi đã cố không khác chúng nó. Áo hoa quần âu cắt kỹ đấy hòm chỉ lục ra mặc khi bố mẹ về và chỉ thập thò trong ngõ nhà. Suốt ngày diện áo cánh nâu xẻ tà có túi của bà. Mớ tóc ngang vai không để xõa mà túm một túm thật chặt sau gáy. Và tập gánh, tập đập đất, tập cấy gặt, làm đủ thứ không công, sành sỏi y như như một con bé nhà quê. Nhưng tất cả bộ dạng của tôi vẫn không làm sao hết như thật. Tôi không có ngực bánh dày bệ bộn như nhiều đứa con gái cùng lớp, không chải bông mà rẽ lệch, tóc không xơ và khét nắng, lại gầy gò. Người gầy, mặt gầy, chỉ thấy mắt là mắt, và tóc thì dày, buộc lại y như một cái chổi xể sau lưng. Tôi lúc nào cũng như kẻ ngoài hàng, bám vào Phú như cua cắp, và yên chí mình là cháu, cháu thì chú phải chiều. Nhưng tự trong thâm tâm le lói một điều gì khác. Sau này thì tôi biết rõ: Đấy là cái ý thích nông nổi của một đứa con gái khi biết rằng mình

có một uy quyền nào đó đối với một người con trai.

Để rồi giật mình khi hiểu rằng không thể làm ra vẻ vô tư mãi được. Cái nhìn hoang dại của Phú chiều đãi cát hôm nào làm chân tay tôi bủn rủn. Tôi khe khắt với mình như một bà già, và quay ra độ lượng một cách dễ dàng với con em họ chỉ kém có nửa tuổi. Tôi đặc biệt dè dặt với Phú ở lớp. Về nhà bà sai việc gì phải sang nhà Phú là tôi đùn cho con em. Có lần Phú bê sang một quả bầu sao và rổ hến. Bà vắng nhà. Tôi lắc đầu quày quạy. Phú cũng lắc đầu quày quạy.

Lúc đưa con sang nhà ông trẻ chơi tôi bắt giác mỉm cười. Con bé tò mò:

- Mẹ cười gì đấy mẹ? Mẹ này, sao mẹ không ở quê mà mẹ biết nhiều nhà thế?

Sân nhà Phú một giàn bầu chưa xác lá. Giống bầu sao, cắt từ giàn xuống gần ngay thì ngọt lắm. Có thể luộc chấm muối vừng. Nhưng hợp vị nhất là đem nấu hến, gia một chút thìa là. Ngọt lừ, mát mắt. Nhìn giàn bầu, nghe con hỏi, nghe lòng mang mang:

- Mẹ nhớ ngày xưa... có lần... lâu lắm rồi. Ông trẻ mang cho quả bầu. Bà đi vắng. Là cụ ngoại của con ấy. Mẹ vào đập con lợn đất lấy tiền trả. Ông Phú tức, ùng ùng bỏ về.

Không, không hẳn là thế. Mặt Phú buồn rười. Mắt Phú, mắt con trai nhà quê mà như mắt con trai ấn, sầm tối. Nhưng Phú lại cười.

- Nhà chặt giàn bầu hôm nay. Còn mấy quả. Chứ đem qua biếu bà. Cháu về nói với bà...

Phú ùng ùng ra về. Nắng đầm đìa trên giàn mồng toi trĩu trĩu những chùm quả con con tím thẫm. Những chiếc lá mồng toi xanh xanh mọng nước trong vắt dưới nắng. Phú cúi đầu đi. Con gà mái già vẫn hay cựa mình tuổi tác khinh bỉ mọi sự đột nhiên tác âm ỹ.

Có một cái gì lạ lắm len trong lòng hai đứa. Hai đứa khinh khỉnh với nhau ở lớp. Buổi chiều mùa đông đi tưới rau, ao cạn rốc, tôi loay hoay bám gốc với múc từng gáo đổ vào thùng. Phú mặc kệ. Bà sai hai chị em hạ buồng chuối đã loáng thoáng có quả chín cây. Phú đi ngang, tỉnh bơ. Nhưng không hiểu sao tôi không tức. Chỉ thấy lòng dịu dàng. Tôi biết tới nỗi dịu dàng con gái hình như hơi sớm.

Lên cấp ba, học sinh phải về trường huyện dưới Kinh Đào. Trường cách nhà bảy cây. Bà đi cùng xuống huyện, tìm nhà cho tôi trọ, dặn dò đủ thứ không làm sao nhớ hết. Tôi nhõng nhẽo:

- Bà đừng gửi gì qua chú Phú. Để cháu về hàng tuần. Cháu thích về ngủ với bà.

Thứ bảy tan học tôi nhịn bữa trưa đi luôn. Đường đê nắng tháng chín rang bỏng cát. Vắng ngắt vắng ngơ. Dưới sâu kia dòng sông thì ào ào rạt một điều gì bất tận. Bên này triển đê là những ruộng mía đang vào cữ ngọt. Lá mía lao rao lao rao. Thành phố nhiều cây. Nhưng không có tiếng gió tiếng lá nào giống tiếng gió luồn trong ruộng mía. Tôi đi một mình. Lần nào ra khỏi nhà chừng độ một cây cũng thấy Phú bước mãi sau lưng. Đứa trước đứa sau, những nhặng, im lặng. Một lần giữa năm lớp chín tôi thấy Phú tha lời theo đồ lè: Chăn chiếu xoong nôi ba lô quần áo. Sự im lặng thành khó thở. Về gần tới làng, Phú đi vượt lên ngang tôi, nói nhỏ, rõ ràng: 'Xin lỗi!' Tôi bối rối, buồn rầu nhìn theo Phú đi chúi chúi đầu. Buổi tối đó tôi biết Phú bỏ học. Hai tháng sau ký Hiệp định Paris. Tôi trở về với phố.

Bà bảo:

- Thằng Phú phục viên rồi đấy. Mà năm nghỉ rồi chiều nhào qua nó một cốc. Chẳng gì thì cũng là chú cháu trong nhà, lại còn là bạn học. Đánh nhau mấy năm thì không sao. Đến lúc hòa bình thì cụt cẳng. Đâu như nó bị lựu đạn khi bảo vệ điểm bầu cử gì trong Sài Gòn. Là bà nghe bà Chút mẹ nó bảo thế. Thôi thế vẫn là sống. Mà bà bảo mà có nghe gì không đấy? Buổi chiều tôi

đi sang nhà Phú. Giàn bầu còn quả loáng thoáng. Chắc để làm giống. Lá bầu chưa xác xanh như ngọc lọc nắng xuống mảnh sân vôi quét rất sạch. Các đại cửa che nắng đều sập nửa chừng. Hai bà cô họ tôi, hai đứa em gái Phú đang loay hoay gọt vỏ khoai môn. Không thấy bóng ông bà họ tôi. Không thấy bóng Phú. Tôi lẳng lẳng đi về, lẳng lẳng vào bếp vợ một mớ rom ngồi xuống bên bà. Nồi khoai môn đã chắt hết nước vắn trên bếp. Bà lấy đũa chọc một củ thăm dò rồi chia cho tôi. Tôi phì phò thổi khoai. Giống khoai núi dân làng tôi thường buồn về ăn độn mùa giáp hạt, không mềm như khoai sọ nhưng bù hơn. Tự dưng tôi thấy mắt mình nặng nước. Bà lẳng lẳng nhìn tôi, lẳng lẳng ra sân rút quần áo.

Con em họ năm nào cùng sống với tôi những ngày sơ tán cười như con diên:

- Chú Phú của chị lấy vợ rồi đấy. Trẻ hơn em nhiều. Em về bà đứng dịp được bà dẫn sang ăn cưới. Đám cưới nhà quê buồn cười không thể tả được. Bà mừng một buồng chuối để nấu tam tam. Hai yếm gạo. Là mừng sang lắm đấy. Cô dâu mặc quần lụa, áo trắng, may kiểu giống mình ngoài này nhưng mà vừa chật vừa ngắn. Nghe bảo đám cưới nhà quê cô dâu phải khóc mà nào có thấy giọt. Cô dâu với phù dâu em nhìn chả biết ai ra ai, cười rúc ra rúc rích. Cổ bàn cũng buồn cười. Lòng lợn. Thịt luộc. Thái vừa to vừa dày. Canh tam tam. Giống ngày xưa bà hay nấu những hôm mưa bão ấy. Nhưng toàn mùi oi khói. Mà dân tinh thần mới rộn ràng chứ. Em thì chống đũa. Chỉ sợ có ai gấp cho miếng thịt mỡ nào.

Tôi ôm lấy đứa con mới được bảy tháng, rúc mặt vào bụng con, mắng yêu cô em: 'Cứ cười đi. Người ta mười bảy mười tám đã có người mang trầu cau đến chạm ngõ. Dì ấy thì hai tư hai nhăm rồi mà vẫn phải đến bế nhờ con con nhĩ. Dì ấy cười thế nhưng đến lúc cưới lại chẳng đần độn vì hạnh phúc hơn thế ấy con nhĩ!'

Con bé cười sảng sặc, tè luôn ra mẹ. Tôi cúi mặt thay tã cho con, bụng đau thắt nghĩ tới cái chân thiếu một bàn chân của Phú. Không dám nhớ. Ngày xưa... Triền đê... Bờ sông...

Con tôi nay mười ba. Cái tuổi nửa trẻ con nửa người lớn như tôi ngày xưa. Nhưng không ngây ngô như chúng tôi ngày xưa. Tính tình thì tự tin và động một cái là cảm cầu. Lúc tôi bé như nó, tôi nhút nhát và nói chung là dịu dàng. Chồng tôi không lấy làm băn khoăn về tính khí của con mà còn tự hào ra mặt: 'Con gái giống cha.'

Vợ chồng tôi trung thành với mẫu gia đình lý tưởng một con. Phú thì đã bốn đứa. Cô vợ bụng lùm lùm sau vạt áo vừa ngắn vừa chật. Không biết lại có mang hay vidê nhiều bụng sỏ. Cô ta lúng túng đến tội nghiệp khi tôi gọi thím xưng cháu.

Lúc hai mẹ con tôi xin phép ra về, Phú gọi thằng cu nhớn:

- Hai anh em ra cắt cho chị quả bầu. Rồi chiều có rỗi đi cào cho chị rổ hén...

Hai hôm sau mẹ con tôi đi. Lúc tới đầu cầu tôi gặp Phú cùng với thằng cu con. Phú phục viên về, mất một bàn chân, việc đồng áng để vợ lo, tự mình ra đầu cầu đón xe tải từ Hà Nội vào từ Miếu Môn ra, ăn với cánh lái xe buôn đũa thứ: tre, gỗ, đá rằm. Phú nhìn hai mẹ con tôi:

- Hai mẹ con về quê nhóang cái đã đi rồi. Cháu về làng ở thế đã buồn chưa? Ông trẻ hôm nay chỉ có đá rằm... Nhưng có cái này...

Phú chìa cho con tôi một cái lọ hoa làm bằng một đoạn tre lên nước vàng óng. Trông giống cái chụp đèn phòng không năm nào Phú làm cho tôi. Nhưng vát một đầu mềm mại chứ không khoét lỗ để lọt sáng.

Tôi nhìn Phú. Phú nhìn tôi:

- Hương đi nhé. Rồi rồi thì năng cho cháu về làng.
Chưa bao giờ Phú gọi tôi bằng tên. Chưa bao giờ ngày xưa Phú nói với tôi dịu dàng như thế. Tôi nhìn ra ngã ba sông. Bên Lưu có một đám ma. Tiếng kèn, tiếng nhị, tiếng trống theo gió tạt ngang sông, vọng tới chỗ chúng tôi, nghe mát hẳn về não ruột. Bóng người áo xô đi giặt lùi trước áo quan, từng lúc lại bò lẩn ra đường. Lại thế! Cách nhau một ngã ba sông, làng này nghe tiếng chuông lễ chiều làng kia giục con đổ dầu đèn, làng kia qua chợ làng này không thiếu một phiên. Nhưng mỗi làng mỗi khác, từ đám cưới tới đám ma, tới giọng nói. Bao đời rồi. Thành phố đổi từng ngày. Tôi ngỡ mình cũng đổi. Bây giờ, ở đây, tôi nhìn Phú. Nước da Phú ngày xưa, mắt Phú ngày xưa, cả tóc, trông như người ẩn. Bây giờ, vẫn màu nâu ấy, nhưng da Phú sạm, tóc chớm bạc hai bên thái dương. Nhưng mắt Phú không khác. Dòng sông dưới kia thảng thảng ngày ngày trôi qua mớ cầu, nhưng cũng không khác, vẫn bên này xóm tôi lở bên kia bồi, vẫn hai mùa nước. Không có gì trôi qua. Không có gì thay đổi. Cả tôi.

Tôi dẫn con đi bộ qua cầu rồi mới lên xe. Con bé hôm nay có vẻ dễ dãi hẳn:

- Mẹ này! Con phải gọi thằng cu ấy là chú hay là cậu? Mẹ gọi ông Phú là chú, nhưng con phải gọi con ông Phú là cậu đúng không? Ra Hà Nội con mà kể mới phát hiện ra ông chú học vỡ ruột thì bạn con chắc cười vỡ ruột.

Nó lặng im, ngẩng mặt nhìn trời. Trên cầu dào dạt gió. Gió đầu đông, có nắng, lạnh mà không buốt. Lúc lên xe, con gái tôi mới liến láu trở lại:

- Nhưng mẹ này, có khi đứa nào cũng như con thôi mẹ nhỉ! Nếu mà có quê. Thế nào đứa nào cũng phải có một xóc chú bác bé con như thế mẹ nhỉ! Được rồi mẹ! Lọ hoa con cầm đằng sau cũng được mà mẹ. Ngày xưa mẹ gọi ông Phú thế nào?

Tôi giặt mình. May quá, con bé đã quên ngay điều vừa hỏi:

- Bàu nấu hến ngon ghê mẹ nhỉ? Cả canh riêu nữa. Ở nhà quê không nấu bằng quả dọc như mình đâu mẹ. Con thấy bác Dự nấu với khế với mẻ. Sao nhà mình mẹ không nấu mẻ như bác? Ra Hà Nội, mẹ mua hến con nhặt cho, nấu canh bàu hay nấu riêu như hôm qua hôm kia.

Ở Hà Nội tôi rất ngại làm món này. Ở Hà Nội người ta bán hến theo cân, phải nhặt tay từng con, không thể đãi như ở đây. Sông quê tôi nhiều hến, nhất là những chỗ nước nông có doi cát nổi lên. Cuối xuân, nước còn lạnh, các nhà đã rủ nhau đi cào hến về nấu cháo. Gánh cả gánh hến luộc rồi ra bên sông đãi, ai xuống bên cũng mời bốc lấy một bát về nấu canh. 'Hến đầu mùa ngọt nước lắm. Chốc nữa sai đứa nào mang bát qua nhà lấy nước.'

Hến mùa này còn gầy. Nhưng con tôi cũng thích ăn hến như tôi ngày xưa. Bất giác tôi mỉm cười. Con tôi nay mười ba tuổi. Ngày ấy tôi mười lăm.

Truyện ngắn Lê Minh Hà và, những cửa sổ đóng kín Du Tử Lê

Bằng vào kinh nghiệm sống và, óc quan sát tinh tế của một nhà văn, khi chọn cho mình con đường văn chương hiện thực xã hội, Lê Minh Hà đã viết một cách điềm tĩnh, dễ dàng như thò tay vào túi lấy ra một vật vốn sẵn đây.

Có dễ vì thế mà Lê Minh Hà đã gây được sự chú ý đáng kể, ngay từ những truyện ngắn đầu tiên cho phổ biến trên một số diễn đàn văn học hải ngoại như Hợp Lưu, Văn, Văn Học... (1)

Nói tới sự dễ dàng, điềm tĩnh tới mức lạnh dưới không độ của ngòi bút Lê Minh Hà, nhiều người cho rằng cô có cái may mắn hơn nhiều bạn văn khác của cô, ở chỗ cô sớm vượt thoát khỏi những vạch phấn cấm kỵ, những rào cản văn chương khắt khe, nếu cô còn ở Hà Nội.

Nhờ được sống, thờ không khí tự do ở nước ngoài, nên Lê Minh Hà có cơ hội gửi tới độc giả của mình, những mảnh đời đen tối. Phần chìm lấp dưới tầng sâu của những tảng băng hiện thực xã hội hôm nay.

Tôi nghĩ, những ai không hay chưa trải qua những ngày sống, như Lê Minh Hà đã sống, quan sát, ghi nhận... có thể sẽ ngạc nhiên không ít, khi bắt gặp trong cõi giới truyện ngắn Lê Minh Hà, những nhân vật như Ả Hoài. Một nhân vật nữ, được tác giả mô tả là “người đầu xấu người, xấu nét, xấu đến cả c.” nữa. Và, một nhân vật nam không có tên, được tác giả gọi là “chàng” - Một bác sĩ không sống nổi với đồng lương bác sĩ ở bệnh viện huyện, phải bán nhà, để lại vợ con, chạy chọt hầu loạt được vào danh sách “xuất khẩu lao động” qua đông Đức... trong truyện ngắn “Có chồng.” (2)

Cũng nhờ đôi mắt người chứng, đôi mắt nhà văn của Lê Minh Hà, thể hiện qua ngòi bút châm biếm lạnh dưới không độ của cô mà, người ta được biết, phần nào đời sống của những người được “xuất cảng lao động” qua Đông Âu.

Ngòi bút Lê Minh Hà điềm nhiên, nhẵn nhụi khiến những độc giả nhiều tình cảm có thể chảy nước mắt; khi cô ghi nhận từng sự kiện, từng bước chân trong hành trình lao công thời đại mới. Từ giai đoạn chạy chọt, hối lộ, thậm chí bán vợ, đợ con, để được vào danh sách “lao động xuất cảng,” tới những hoạt cảnh phũ phàng khi những kẻ được coi là “may mắn,” bắt đầu cuộc sống mới nơi xứ người.

Không có những truyện ngắn, như những bản cáo trạng nghiêm khắc của Lê Minh Hà, chúng ta sẽ không thể tưởng, nghĩ rằng, những kẻ được coi là “may mắn,” “thành phần được ưu đãi” ở Việt Nam hiện nay, sau khi đến xứ sở mà họ được “xuất cảng” tới, lại là những đời sống bầm giập, tối tăm, bất trắc và chua cay đến thế!

Có người cho rằng, trước đây, thời tiền chiến, theo khuynh hướng văn chương tả chân, hiện thực xã hội, chúng ta có Nam Cao, Vũ Trọng Phụng,... thì ngày nay, chúng ta đang có được một Lê Minh Hà!

Nhắc tới Nam Cao, nhiều người thường liên tưởng ngay tới truyện “Chí Phèo” của ông. Nam Cao đã cực tả nhân vật Thị Nở của mình, như một người đàn bà không thể xấu hơn. Đã vậy, Thị Nở còn mắc bệnh... dại. Một thứ nửa khùng nửa điên, khiến mọi người phải xa lánh, né tránh, thì, ngày nay, nhân vật Ả Hoài của Lê Minh Hà, tuy cũng là người cực xấu, nhưng chị lại bị mọi người xa lánh, e ngại vì “cái mác chiến sĩ thi đua,” qua đoạn văn tả chân sau đây:

“Vào xí nghiệp từ hồi mười tám, nhóang cái nhìn quanh đã chẳng còn mấy người để ả gọi anh xưng em. Ả biến thành ‘chị ấy’, ‘bà ấy’ nơi cửa miệng thiên hạ lúc nào không biết. ‘Bà ấy tính cũng quái như người’. ‘Người đầu xấu người, xấu nét, xấu đến cả cứt’. Người ta cứ nửa đùa nửa thật nửa thương nửa ghét ả như thế. Nào ả có làm gì ai! Một thân một mình ở giữa một khu tập thể quanh năm suốt tháng ồn ào tiếng mẹ trẻ réo con tiếng chồng đay vợ ban ngày, tiếng rúc rích ban đêm sát liếp, ả đâm thù ghét cái hạnh phúc thực ra rất lem nhem mà thiên hạ bày trước mắt. Ả thành người đi sớm về muộn; thành chiến sĩ thi đua năm này qua năm khác. Người ta đâm ngại ả. Cái sự chăm chỉ quá đáng của ả, cả cái mác chiến sĩ thi đua kia nữa làm cho người ta mất thoải mái lúc tranh thủ uống ầm chè hay hóng hớt nhau trong giờ làm việc...” (3)

Chỉ cần bằng vào đoạn văn vừa trích dẫn, người đọc tinh ý sẽ nhận ra rằng, những bất hạnh của thân phận Thị Nở trong “Chí Phèo” của Nam Cao, là những khiếm khuyết bẩm sinh. Nó nằm ngoài tác động của xã hội, thời thế. Nhưng Á Hoài, nhân vật của Lê Minh Hà, ngoài sự khiếm khuyết về nhan sắc, vốn bẩm sinh, thì những cái xấu còn lại, dẫn tới sự xa cách, né tránh của những người chung quanh, lại do tác động của môi trường sống. Một trong những hệ quả của môi trường sống không lành mạnh đó là “bệnh thành tích!”

Chưa kể, giữa hai người đàn ông từng giúp Thị Nở và “Á” Hoài biến thành... đàn bà, cũng là một khác biệt gay gắt! Dù cho họ gặp nhau ở một điểm: Sự kiện làm tình với 2 người đàn bà kia, không hề khởi đi từ thương yêu mà, chỉ vì nhu cầu sinh lý tự nhiên. Bởi vì, nếu Chí Phèo của Nam Cao là tên cùng đinh, bất hảo của xã hội thì nhân vật “chàng” trong “Có Chồng” của Lê Minh Hà lại thuộc thành phần trí thức, có văn bằng bác sĩ như “một thứ đồ trang sức tuyệt vời” trong một xã hội trọng bằng cấp.

Nhưng nếu cái chết (ngoài ý muốn) của Chí Phèo là ngọn gió độc, thổi tắt đời làm vợ của Thị Nở thì, “chàng” người chồng “ghép phom” để được ở lại nước Đức của Á Hoài trong truyện Lê Minh Hà, lại chủ động chia tay ả sau một thời gian chung sống như vợ chồng, mặc dù:

“...Nhưng chuyện đó thỉnh thoảng vẫn tái diễn. Và không hiểu sao, lòng ả muốn thế mà ả không thấy diệu kỳ như lần đầu, lần đầu tiên ả muốn rống lên như một con bò cái. Lần sau, những lần sau nữa, ả như một bó rạ. Chàng vẫn ả như một bó rạ, ghì xiết ả như một gã nhà quê ghì buộc một bó rạ...” (4)

Đối chiếu tính chất thực tế, lạnh lùng của nhân vật “chàng” trong truyện của Lê Minh Hà, với cái chết bất ngờ của Chí Phèo trong truyện của Nam Cao, là một khác biệt gay gắt khác nữa, của hai nhà văn cùng theo khuynh hướng hiện thực xã hội này.

Lê Minh Hà viết:

“Một hôm, ả đi làm về đã thấy chàng cõm nước xong xuôi. Chàng ngồi bên bàn chờ ả. Dọn xong bát đĩa, chàng nói ngay, bút rút, bình tĩnh, về sự chàng sẽ ra đi. ‘Tôi biết ơn Hoài vô cùng. Hoài đã cứu cả tôi lẫn vợ con tôi. Xin Hoài đừng hận tôi. Tôi đã xin làm tả chấp, ăn ở luôn tại quán. Nếu kiếm ra, tôi xin gửi dần Hoài số tiền lo giấy tờ mà trước Hoài đã có lòng...” (5)

“Có Chồng” chỉ là một trong những truyện ngắn mang tính hiện thực xã hội của Lê Minh Hà. Đa số những truyện ngắn viết theo khuynh hướng vừa kể, Lê Minh Hà đều dẫn dắt người đọc đến cuối đường... tuyệt vọng. Ta cũng có thể ví kết luận của họ Lê ở những loại truyện đó, luôn là những cửa sổ hy vọng đã đóng kín. Nhưng, mặt khác, cũng chính nhờ những chiếc cửa sổ hy vọng đã đóng kín kia mà, tư cách nhà văn của Lê Minh Hà lại bật sáng. Rực rỡ. Một cõi.

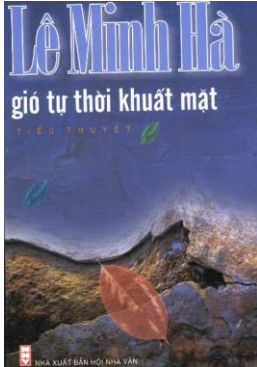
(Tháng 3, 2012)

Chú thích:

(1) Lê Minh Hà sinh năm 1962 tại Hà Nội, tốt nghiệp khoa Ngữ Văn, Đại Học Sư Phạm Hà Nội I, năm 1983. Mãi tới năm 1994, cô mới theo chồng xuất cảnh theo diện “Xuất cảnh lao động,” và hiện cư ngụ tại thành phố Lingurg, Tây Đức.

(2) Truyện ngắn “Có Chồng” in trong tập truyện “Gió Biếc” của Lê Minh Hà, do Văn Mới, Hoa Kỳ, xuất bản năm 1999.

Phụ đính



Kính tâm

Cảnh 1 : Xuân muộn. Mưa phùn lầy phây rơi trong hoàng hôn. Cây gạo đầu làng lặng lẽ chia vào trời xuân những gộc những cành còn vương hoa, sẫm dần lại trong bóng tối đang kéo dần lên từ phía cánh đồng sát chân núi. Ngôi chùa chon von đầu làng.

Một người đàn bà cúi húi trước cửa tam quan...

Kính Tâm giặt mình, cái chày vẫn để tựa một bên đầu gối bị lật, đổ xuống nền đất. Đất hút ngay đi tiếng chày rơi mệt mội. Mùi rau răm già dập cay sực. Muối kéo về kêu vo vo.

Tiếng đàn bà gọi từ ngoài cửa chùa kéo tiểu trở lại với công việc ngày thường. Tiểu lật đặt đứng dậy, bước vội khỏi gian bếp nhỏ. Bắp chân tê suýt nữa làm tiểu đá đổ cối rau răm đang giã dở. Người đàn bà bước gần lại. Trong bóng chiều sẫm, mùi sữa hoi hoi, mùi khăn áo ẩm. Tiểu tưởng mình đang trôi lạc lại với mình.

" Nhà chùa làm gì mà tôi đáng tiếng mãi không thấy ra. Mùi răm thơm quá. Nhà chùa..."

Người đàn bà buông lửng giữa câu, rồi nhẹ giọng :

" Giời mưa lại. Tôi dặn thằng bồi trông em... Hôm qua thằng bé ắm đầu, e nhà chùa bé đi lúc mưa gió thế này nó mệt thêm. Nhà chùa mang nó ra tôi cho nó bú. "

Tiểu luống cuống cảm ơn, luống cuống nhào vào xó thu xếp cối rau răm rồi lại quay về chõng vạch màn bế đứa bé đang ngủ. Cánh tay tiểu khua phải cái sào treo khăn áo, muối òa ra. Tiểu bắt chợt rùng mình. Bao buổi chiều như buổi chiều này, tiểu đã một mình nghe tiếng muối, và bây giờ là tiếng trẻ. Tiếng trẻ yếu ớt vọng lên từ đồng khăn áo ủ mình, trên nền tiếng muối vo vo trong chiều nhập nhoạng làm tiểu nóng gan nóng ruột thêm lên.

Đứa trẻ này tiểu nhặt được mấy tuần, sau rằm. Trăng hạ tuần soi chõng nhỏ, tiểu Kính trần trọc tưởng mình vừa thiếp đi mê ngủ khi nghe tiếng trẻ oe oé ngoài tam quan. Đứa bé đã qua kì tốp nước nhưng còn chưa sang kì xổ sữa ai đặt nằm trong rổ sảo, chèn chặt bởi mấy tấm yếm áo sạch sẽ, nhìn đã biết của nhà có. Đẳng xa kia, đáng người bước giặt lúi, bóng váy chùng hai tay đánh đường xa ngược chiều ngược ngược. Chao ôi ! Sao đời mình cơ khổ. Có lẽ nào em đổ vạ cho tôi ! Mà ời ! Thương nhau như thế...

Người đàn bà ôm đứa bé, ghé ngồi xuống chân mễ, vạch yếm. Tiểu tránh đôi mắt người đàn bà, quay mặt, cúi người thổi lửa. Trong bóng lửa vừa bùng, bắt chợt mắt tiểu chạm đôi bầu vú căng sữa. Đứa trẻ rúc đầu vào một bên ngực người đàn bà, bàn tay nhỏ mân mê bầu vú kia. Tiểu biết, bầu vú ấy căng, đầu ti nở, mạch máu xanh xanh như những đường gân trên một chiếc lá đang thì. Sẽ chẳng bao giờ mình có được cảm giác khi đứa bé nút sữa đều đều thế kia. Đau đau chẳng ? Buồn buồn chẳng ? Giống gì chẳng cảm giác đôi môi tham lam của người đàn ông ngọam vào, mút chặt trong cơn ham hố ?

Cảnh 2 : Hoàng hôn. Trẻ chạy ào ào trong bóng tối nhập nhoạng ủa ra từ những đồng rơm, bờ tường, chái bếp, đậu cúc tần. Anh mỡ đã khuấy bóng ngõ trên. Lũ trẻ còn cười hí hồ gào ngõ dưới. " Chiềng làng chiềng chạ - Ngả vạ ăn khao "...

Tiểu Kính nằm rũ trước sân đình. Đầu gục sát mép cái rổ sảo trong đặt đứa bé tiểu mới nhặt được. Ông lý cụu gạt gù khuyên bảo, cái chén rượu chưa một lúc nào rời tay. Ông lý đương đập cái quạt xuống đùi : " Thêm ba mươi hèo. Không chết thì chữa. Không chữa thì chết. Nó là thằng ba vạ từ đâu dạt về làng mà giờ dám làm bẩn tuổi cửa chùa hại cả làng này á..."

Tiểu Kính không còn sức kêu oan. Máu mồ hôi túa sũng. Cái đầu trọc da trắng xanh vùi vào rơm rác. Đứa trẻ hụt hơi khát sữa. Tiểu không dám nhìn. Mé sân đình kia, thị Màu run rẩy. Da thịt sau khi sinh nở của người đàn bà trẻ sáng bừng. Tiểu tưởng chừng thấy hai vết sẫm nơi chiếc yếm Màu đang mặc. Mắt Màu đại đi khi hết hèo nọ tới hèo kia quạt xuống tấm thân tiểu Kính.

Mắt tiểu cũng đại rồi. Loáng qua trí tiểu thân dáng đàn bà của chính mình ngày xưa, chưa nẩy nở như Màu vì chưa qua sinh nở. Nhưng mà cũng đủ phồng và mẩy. Giờ đây tốp. Giờ đây lép. Hết rồi. Loáng qua trí tiểu những chiều quét sân chùa, luống cuống tránh bàn tay Thị Màu níu áo. " *Thấy tiểu ơi ! Thấy như táo rụng sân đình... Em như gái dờ đi rình của chua này ó thấy tiểu ơi...*" Tiếng Màu cười khanh khách. Giọng Màu thúc bách. Man dại. Đam mê. Hoa tâm xuân thơm gần gần xa xa đâu ấy nhỉ... Mùi hương năm tháng cũ càng... Nàng từ chái bếp bồi rồi nhìn ra. Thiện Sĩ khăn áo xênh xang đi trong đám hỏi... Dáng cha già nghiêng gió thổi... Ngày nàng bị nhà chồng đuổi... Màu ơi!

Tiểu lịm dần. Không biết anh Nô cúai vục mình dậy, cõng về chùa. Không biết đôi mắt lá rậm lông lánh. Những giọt nước mắt mừng rỡ vì xong tội. Những giọt nước mắt ăn năn. Sư bà cấp cái rổ sảo đựng đứa bé hơi hóp vì khát sữa theo sau vết máu rỏ từ thân tiểu, lấp bắp mãi hai chữ duyên nghiệp. Ngoài đình, trai đình ăn uống bốc bãi, hầm hừ chửi tiểu, chửi con nặc nô chữa bụm thị Màu, chửi cái đời giai nghèo không dám với con gái nhà có cửa.

Cảnh 3: Tiểu Kính dáng gầy guộc chống vò đứng thần thờ. Cánh đồng sau vụ mùa hoang vắng, lô nhô góc rạ xám xám trắng trắng. Đầu bờ, một thằng bé con con tha thần đuối bắt mấy con châu chấu ma. Sương bốc từ mặt đất hòa với sắc sáng của vàng mặt trời đang hụp xuống chân núi xa thành một màu hồng tím héo ủa.

Tiểu Kính cảm cúai đập đất, cảm giác lồng ngực bị ép lại sau mỗi động tác giờ vồ. Thằng bé con con bắt đầu nhều nhẹo: " Cha ơi, con đóii ".

Cứ mỗi lần nghe tiếng đứa bé gọi cha, tiểu lại giật mình, lòng dạ nhàu nát tựa tơ đứt mãi không ra khỏi kén. Chao ôi, ai hay được bao đêm sau lần bị làng phạt vạ, sống dậy rồi, ngoi ngóp đi lại được rồi tiểu đã nghĩ gì. Việc đầu tiên tiểu làm là xin gặp sư bà, xin sư bà xá tội đã làm nhơ cửa chùa. Sư bà thông thả : " Mô Phật. Cửa chùa là nhà của Phật độ người bước lạc, độ người không nơi nương náu, đâu có phải nhà của thế nhân. Ta làm sao nói được cái câu thất đức đuối con với đứa bé này đi. Làng đã phạt vạ rồi. Được trừng phạt vậy là coi như đã dứt được một phần nợ đời rồi. Con cứ ở lại đây. Dốc lòng mà nuôi thằng bé. Có điều con không thể sống đời thế nhân ngay dưới mái chùa... Xó vườn kia, dựng cái lều là đủ cho hai mẹ con chui rúc..."

Tiểu Kính bàng hoàng. Sư bà nói " hai mẹ con ". Nhưng giọng nói nét mặt an nhiên chẳng có vẻ gì nói nhịu. Im lặng. Trong bóng chiều nhập nhoạng dâng đầy nhà trai, tiểu thấy mình đang ở cuối một con đường le lói sáng. Từ buổi ấy, tiểu và đứa bé lủi thủi vào ra nơi xó vườn. Tiểu không phải bỏ tấm áo nâu sòng, vẫn cạo trọc đầu, vẫn lụi hụi quét sân chùa mỗi ngày. Thằng bé quần quanh nhặt hoa dại rụng, rằm mỏng một lễ mễ bé về lều lợc Phật, những oản, chuối, xôi,

tắm bánh đa vừng, củ khoai sọ sư bà nhờ người đi chợ mua giùm. Mùa tiếp mùa đuổi nhau đi. Tiểu lân la mé sên chùa, nhóng vào bàn thờ Phật mà không dám bước qua ngạch cửa, thảng như ngấm mỗi hương mùa. Này sen hạ nồng nàn, này cúc thu đặng đặng, này ngâu mùi hương sao mà mảnh khảnh. Và xuân cạn, sên chùa tím hoa xoan. Cứ ngỡ đời cũng theo mùa mà đi, chẳng có gì thay đổi nữa. Mà sao thiếu thiếu mãi một niềm gì. Đâu rồi tiếng cười khanh khách, đâu rồi giọng chòng ghẹo đầy thức bách. Cái eo thon uốn quanh cán chổi dài tiểu cầm tay tránh né, vòng ngực đàn bà, đầu vú nổi sau làn yếm trắng lóa mắt. Đâu rồi? Những ngày gần mà xa chờn vờn níu kéo. Đêm nào bờ giếng. Thiện Sĩ đứng nép đậu cúc tần ngấm người vợ trẻ vừa tuốt yếm. Thị Kính bối rối quay lưng khi nghe tiếng mẹ chồng thốt cuối chái nhà ngang về nét đàn bà đi đứng năm ngời. Chiều nào dốc bến. Thị Kính nhìn quanh trước lúc chìm mình xuống nước, thấy nụ cười mình tan trong sóng, nghe tiếng chúng bạn cười ròn về nỗi nàng quá đỗi rụt rè. Vòng váy dập dờn ôm trùm ngực gái tơ như chiếc lá sen đương thì ngày hạ. Bên trên, tiếng đàn ông cười như phá. Đôi ba thân hình trai trẻ trần truồng nhào bơi xuống lại vội vã bơi ngược lên khi nghe tiếng cười đuổi của đám chị em. Những trưa nào hanh hao nhòai người bên chiếc cối xay, nách áo mồ hôi ẵm. Những sáng nào gió hắt ra đồng làm cỏ lúa, lòng phơi phơi nghĩ tới phiên chợ sắp tới, chẳng biết mình muốn gặp ai, chỉ thấy ngực hình như cứ mỗi ngày một căng hơn dù chưa tới ngày thấy tháng. Những đêm nào xong việc hàng xóm, đội ào gáo nước ngoài cầu ao rồi lấy bẫy chạy vào giường, bàn tay đưa bạn gái quơ ngang ngực, bàn tay chính mình vuốt dài xuống bụng, rúc rích tiếng cười xuân thì. Lâu lắm rồi, ngực tiểu nén chặt sau dải vải diềm bầu, thân dáng thanh thoát nhìn qua tấm áo nâu sòng chẳng ai biết gái giả trai trốn nợ dương thế. Nhưng thị Màu mất dạng. Những cô yếm trắng thì vẫn lên chùa. Không ai lợi lả đầu mày cuối mắt cùng tiểu nữa. Lòng tiểu an nhiên. Nghiệp này sắp dứt rồi chẳng khi chữ duyên này cạn. Đứa trẻ lớn lên, thôi đêm đêm rúc đầu vào nách tiểu. Bàn tay tiểu cũng lâu rồi thông bên mép chõng thôi không lần tìm thịt da mình. Tiểu chẳng biết, đưa muối qua ngày hay những cối rau răm giã nát vắt lấy nước uống đều đều đã giúp mình được vậy. Lòng không hờn oán nữa. Cũng chẳng còn thấy thương thân. Hình bóng Thiện Sĩ thôi không đi về trong những giấc mơ tục lụy nơi đất chùa. Chỉ có thị Màu. Sao tiểu mong gặp lại thị Màu, nghe lại tiếng cười khanh khách giọng chòng ghẹo giòn tan thức bách. Màu ơi !

Tiếng hát thì thầm :
Lên chùa chân em bước khoan khoan
Ta mô mô phật mà tâm can rồi bờ
Búp sen này chấp lạy người
Ví bằng đôi phận được thì đời ra sao?

Tiếng đế :
Nổi má đào...
Nổi má đào...

Sư bà chậm chạp quay nhìn ra sân chùa. Trong bóng tối hậu liêu, sư bà thấy rõ dáng tiểu Kính mỗi ngày một còm cõi. Nhưng sao mắt tiểu sáng thế kia. Sáng như mắt người trong cơn sốt. Hằng đêm, sư bà nằm nghe tiếng gió động ngoài vườn, mắt ngủ vì tiếng ho khúc khúc của tiểu. Đứng ngấm nghĩ một lúc, sư bà bước ra sân :

“ Đêm qua con ho nhiều hơn mọi đêm...”

Tiểu Kính dừng ngang vệt chổi, ngược mắt nhìn. Sư bà giật mình. Trong đôi mắt sáng kia thiếu hẳn một chút gì ẩm ướt như là bóng nước ngày xưa luôn có. Mắt tiểu sáng và khô. Là lòng tiểu yêu thương đã cạn rồi hay chỉ vì bệnh tật ? Sư bà giữ giọng an nhiên :

“ Thằng bé cũng nhớn nhao rồi. Con nên để nó tập làm dần. Mà ta muốn hỏi, sau này... con định cho nó ra sao ? ”

“*Sau này...*”. Tiểu Kính nén tiếng thở dài, liệu còn có “*sau này*” nữa ? Tiểu hít một hơi sâu, nghe đau đau trong lồng ngực. Má tiểu dậy một màu hồng rất mỏng khi tiểu mỉm cười nhẹ nhõm với sư bà :

“ Đòi con con còn không định được, gửi thân ở chùa, biết đâu... Cháu nó vẫn còn tuổi dại, thôi thì trăm sự cha con con xin nhờ cửa Phật...”

“ Mô Phật! Dầu gì thì ta cũng phải cho biết ý con. Hôm rồi ngồi cùng bà lang Chỉ, ta nghe nói lá nhót lá táo sao vàng hạ thổ rồi sắc lấy nước uống có thể trị bệnh ho, con nên thử. Sắp lập xuân rồi, táo trở hoa rồi, con xem, chỉ mấy hôm nữa dần nhót lá xanh um cả. Vườn chùa hết thì sai thằng bé chịu khó nhào vào trong xóm...”

“ Dạ... thưa thầy ” - Tiểu nhẹ giọng trả lời sư bà, gắng nén một cơn ho đang cuộn dần lên trong ngực. Bất chợt nàng lại nghĩ tới hai chữ “*sau này*” của sư bà. *Sau này*, với nàng là bao nhiêu ngày tháng nữa ?

Ít lâu nay, gò đất đã ẩm, nhưng tiểu ho nhiều, thấy lạnh về đêm. Mà da thịt lúc nào cũng hâm hấp nóng và ngực như bị cái gì nén chặt, một hơi thở nhẹ cũng đau đau. Lồng tiểu dẫu vậy vẫn bận bịu bao nhiêu ý nghĩ. Tiểu nhớ những oan nghiệt trải suốt đời mình. Nửa sau cuộc đời, tiểu chẳng biết mình sẽ tới đâu, chỉ biết, nửa trước đời mình nàng không trở về được nữa, mà cũng chẳng còn day dứt muốn trở về. Mẹ mất sớm khi tiểu còn tuổi dại. Cha cũng chết rồi trong nghèo túng, buồn tủi và nhục nhã vì bao nhiêu điều tiếng về con gái của xóm giếng. Tiểu nhớ chiều đông tìm về bên mồ cha mẹ trong bãi tha ma của làng. Mồ cha mới lấp không có người trông nom đã sứt ít nhiều. Cỏ khô sống sót dưới mõm trâu bò tháng đói nom lảng khảng không che kín đất. Muộn rồi. Trẻ trâu đã dong trâu bò về trốn rét rồi. Bầu trời xám nhờ úp chụp lấy nàng. Rải rác giữa bãi tha ma dưới chân nàng là vết tích trẻ chăn trâu đốt lửa. Tiểu khép vạt nâu sòng, ngẩng mặt nhìn trời, gió bắc quệt ngang rát má. Nàng không nghĩ về cha nữa, không nghĩ về đời mình nữa, với bao nhiêu vô tình thống hận. Mà sao nước mắt cứ ứa, lặng lẽ. Đây là lần cuối cùng tiểu khóc. Cũng là lần đầu nàng hiểu ra bao nhiêu thống khổ của đời mình không phải sự bỗng dưng. Giá như nàng biết sống sao cho đừng đầy đặn một chữ tình như vậy. Giá như nàng đừng thiết tha quá về cái đời chung mới sống, đừng băn khoăn về cái lòng mũi mọc ngược của chồng. Ừ, đâu phải chuyện cái kéo ấy liền tay. Giá như nàng đừng thương đừng nể Thị Màu đến thế, đừng ngẫm về cái đời cam chịu của mình nhiều đến thế... để mà im lặng... thì liệu Thị Màu có thân chòng chành mắt lúng liếng mãi không? Giá như nàng đừng dẫn vạt mình chong mắt đêm đêm. Thì sẽ có người khác nghe được tiếng trẻ khóc đòi hơi mẹ ngoài mái tam quan. Thì nàng sẽ không phải chịu roi vọt nhục nhã chết đi sống lại. Giá như nàng rời chùa bỏ đứa bé lại... Giá như... Giá như... Bóng Thiện Sĩ chợt hiện lại mờ đi. Dáng Thị Màu chấp chới vờn quanh tiểu... má hồng môi thắm... yếm trắng váy chùng... vạt áo thắt quả găng pháp phối... cái mâm bông chao nghiêng... Tiểu Kính hoảng sợ khi nhận ra mình nghĩ mãi về Màu và bị toàn hình bóng đàn bà ám ảnh. Trong trí nàng, hiển hiện những mắt môi, những ngón cổ, những vòng eo, những bầu vú. Chẳng phải lúc nào cũng đẹp, nhưng gần gũi và tin cậy quá. Này bầu vú nhều nhều của chị cả Năng chảy thướt dưới làn yếm nâu phai. Này núm vú đen đen của Thắm lần đầu có chữa. Này Gái với mái tóc rối và mùi da thịt đượm hơi than cả tháng trời sau sinh nở. Cuối cùng, trở đi trở lại, là cái cổ cao cao, cặp môi cắn chỉ, đôi mắt lúng liếng, làn yếm trắng căng và dáng hông lắc theo mỗi bước Màu đi. Màu ơi! Vờn quấy mãi gì nhau ?

Tiếng thì thầm :

Em đa tình nên ta lại đa đoan – Chung thân rồi cũng thế còn oan trái nhiều - Lụy gì nhau một chữ yêu – Ném tung đi cho gió nổi bốn chiều bão giông – Thân ta đây làm đàn bà thì bị vu lỗi đạo với chồng – Gửi thân làm chú tiểu lại vương vòng tình em...

*Tiếng đế :
Ở này nghiệp!
Ở này duyên!*

Cảnh 4: Bóng tối. Vườn chuối về khuya im gió. Thân chuối đứng im như bóng người, tăm tối, cô độc bên nhau ngấm những niềm riêng.

Đêm ấy, đêm tiểu Kính trút được thân xác, nàng vật vã mãi. Sư bà nghe tiếng trẻ con khóc văng lên gọi cha ở xó vườn, lặng lẽ thấp hương cắm suốt lượt bàn thờ rồi ròi chân xuống với tiểu. Tiểu vừa thổ huyết, tấm thân mỏng như dán xuống những nan chõng đã lên nước, một tay bầu chặt thành chõng, một tay sờ sờ vai nhỏ của đứa con đang khóc hức hức vì sợ. Sư bà bẻ cái nan vách làm nôm, lần xuống bếp thổi lửa, châm vào đĩa dầu. Sợi bắc rụt rè bắt sáng. Lần tay xuống ngang người tiểu, thấy lưng nàng sát mặt chõng, sư bà thở dài. Tiểu nhìn sư bà, mắt như có ánh gì chiếu rọi, đôi môi khô nẻ mấp má, nhưng không một tiếng nào thoát được ra. Sư bà cúi đầu, lằm thằm một lời kinh. Tiểu rướn mình thờ hất, nhắm mắt, hai giọt lệ chảy ngược vào chân tóc.

*Tiếng đọc chậm rãi :
Thuở làm vợ để chồng ngờ thất tiết
Lúc làm trai cho gái đổ oan tình
Phận liễu bỏ sống vậy cũng bằng không*

*Tiếng đáp vọng :
Không...
Không...
Không...*

Không ai biết, ở phút cuối đời, tiểu Kính đã mong một bàn tay cời giùm dải vải diềm bầu dùng bó ngực bấy lâu cho đôi vú nàng được một lần căng nở phì nhiều lại. Không ai biết, trong tấm thân xơ xác như mảnh lá chuối khô kia, trái tim vẫn còn đập rướn dưới bầu vú đàn bà teo quắt. Không ai biết, lúc đó tiểu Kính thấy gì. Nàng đã gặp. Phật bà Quan âm. Nét cười vô úy. Nhưng không phải nghìn tay nghìn mắt. Thay cho mắt, cho tay, là những nhũ hoa, những hạt mạn xanh hồng, những nhụy tầm xuân ngả màu thâm, những bầu vú đàn bà vồng lên sau bóng Phật. Như những miền đồi khô hạn chạy về phía chân trời. Tiểu Kính thấy mình chập choạng, đi. Triền cao lũng thấp. Nàng vấp mặt vào đất, giữa những bầu vú đàn bà. Tiếng hát nào thao thiết trên đất đai dẫn dắt nàng âu yếm thế. Phía ấy, nơi tuổi thơ, nơi thì con gái, nơi gió nao nao những mùi năm tháng cũ. Kính thấy mình bay, tầm xuân.

Cảnh cuối

*Mười mấy năm sau...
Sân chùa. Đất ẩm sau mấy ngày mưa. Hơi xuân phơi phới lặng lẽ. Từng chùm hoa xoan bung cánh, màu tím còn chưa phai bạc, nhưng vẫn là cái màu chưa bao giờ lộng lẫy hẳn. Sư bà mới đi đâu về cúi mình bên vại nước rửa chân.*

Thằng bé ngày xưa giờ đã thành chú tiểu, ăn uống kham khổ vậy mà dáng vẫn lộc ngọc cao to. Một chiều xuân có người đàn bà đuôi mắt đã rạn chân chim nhưng vẫn nhìn ra những ngày lúng

liếng dừng bước trước mái tam quan, dắng tiếng. Tiểu lê chỏi ra, người đàn bà run giọng. Tiểu ngoạn nhìn. Sư bà dường không thấy không nghe, vẫn cúi mình bên vại nước. Gió rất nhẹ và hoa xoan rơi trên đất, như có như không âm thầm. Mặt tiểu ngơ ngơ bình thản. " Mô phật. Thích chủ làm rồi. Cửa chùa là nơi người gửi con chứ có ai lại tìm con. Mô phật."

Thiên di

Đất Berlin này cứ kể về cây thì đến là nhiều. Lần đầu tới đây, nước Đức thống nhất rồi, nhưng bộ mặt miền Đông vẫn vô cùng ủ dột so với miền Tây, duy nhất một điều làm tôi mê mẩn: Cây. Cây cao bóng cả. Dân Hà Nội đặt đẹo quê người còn đồng thanh tương ứng đổi tên một con đường Berlin thành *Phố Phan Đình Phùng* cho tiêu tán bớt hoài nhớ. Nhiều khu vực ở Berlin tính đâu cây còn nhiều hơn đầu dân cư ngụ. Cây, bóng lá đùa trên những khoảng đường trưa rười rượi nắng là một trong những lí do tôi thiết tha với thành phố này đến mức nhất định đề đạt với chồng con nguyện vọng chuyển nhà.

Có một cái gì rất Hà Nội khi đi trên những con đường như thế. Dĩ nhiên, không phải là Hà Nội bây giờ. Đó là Hà Nội của có lẽ phải hai mươi năm về trước và xa hơn nữa. Hồi đó người Hà Nội có thể vẫn phải mũ sắt trên đầu, chia tay trong đêm Hà Nội thời chiến tranh *ôm em* thì phải *ôm cả khẩu súng trường trên vai em* (thơ Nguyễn Đình Thi) rất chi là linh kinh, nhưng không cần khẩu trang bịt kín nửa mặt một (cảm tử ôm bom tự sát ở Palestin và...) để đi dạo phố như bây giờ. Hồi đó, Hà Nội cứ y như con gái, y như đàn bà, nồng nàn dịu dàng đủ mùi hương hoa lá. Đây là huệ, đây là sen, đây là hoàng lan, và chao ôi: hoa sữa.

Nơi tôi ở thời gian trước cũng đẹp lắm. Như Đà Lạt vậy. Buổi chiều sông trôi giữa đôi bờ núi thu. Đêm về sông giữ một vàng trắng vắng. Vịt con kêu khắc khoải ngay từ bình minh. Cũng chả ít cây. Vì ngay trước cửa nhà là vườn tiếp vườn, đủ hoang vu cho sóc nhảy nhót nhìn mình ngay ngoài cửa sổ. Đầu thai vào cái thời đồ điện tử này, được hòa cùng thiên nhiên vậy là quý lắm.

Thế nhưng vẫn thấy bơ vơ. Có lẽ vì phố xá cứ tro thổ địa. Đẹp thì rõ là đẹp. Có lẽ nước mình chả có nơi nào có một khu phố cổ ngàn năm hoành tráng đến thế. Hà Nội cổ ư? Về, với con mắt không phải là kiến trúc sư biết soi mói thời gian, thú thật, tôi chả còn thấy gì là cổ. Họ chẳng bây giờ phục hồi truyền thống đồ thùng (bạn đọc thân mến có cần tôi giải thích không) có từ thời Pháp thuộc may ra mới có cảm giác là phố cũ. Nói điều này không phải vì ám ảnh nhược tiểu mà là vì tiếc (dĩ nhiên không phải là tiếc sự đồ thùng). Phố cổ điều tàn ở nước mình chả phải là điều gì mới mẻ, đã là đại nạn gần như là vô phương vớt vát rồi. Mà nói là cổ, thì bao nhiêu năm nhỉ? Ba sáu phố phường đất Rồng bay một thuở lên 999 tuổi chẳng? Hay là cứ vừa phá vừa xây qua bao nhiêu triều đại thì cũng chả tuổi tác đến thế? Vừa lang thang trên mạng, tôi tóm được bài về phố cổ Bao Vinh, nhà cửa xập xệ cần bảo tồn mà chính quyền chỉ bảo tồn trên giấy. Chẳng lẽ nước mình cứ đẹp là phải đẹp kiểu hiu hắt, kiểu điêu tàn?

Đấy, tôi vừa kể chuyện nơi ở cũ. Đẹp đến thế, cả một khu phố cổ không bị tàn phá trong chiến tranh thế giới lần hai, vài ba năm lại một lần trùng tu, lại còn đặc sản kiến trúc là một nhà thờ lớn, xây trên mỏm núi, từng hiện diện cả trên đồng 1000 D- Mark cũ, thế mà với tôi vẫn cứ còn thiếu thiếu cái gì. Nghĩ mãi, thiếu bóng nắng đùa qua tán lá trên đường như ở đất Berlin này. Nghĩ thêm nữa, thiếu Hà Nội, thiếu cảm giác đang sống cùng quê hương. Kể cũng buồn cười, nhất là trong thời buổi số hóa này, mở máy tính là ở nhà biết gì thì mình cũng biết.

Có điều về đúng Hà Nội nơi cha sinh mẹ đẻ thì lơ ngơ chả khác gì khách ở quê ra. Đường cũ cây không còn tán cũ. Mái ngói thâm nâu tìm đâu thấy nữa. Và bụi, ối chao ôi là bụi. Và ồn, ối chao ôi là ồn. Phải ở lâu lâu, tìm vào những khu dân cư mới xuất hiện sau ngày rời Hà Nội như Định Công tôi mới lại có cảm giác như là đang đi giữa Hà Nội cũ. Nhờ những đường cây bắt đầu tròn bóng lá. Nó làm cho mắt người dịu lại trưa nắng hoang, nó làm cho thanh thản đời sống

sùng sục ồn ào này. Có phải lúc nào người ta cũng nhất thiết phải lao vào chốn Bò Tùng Xẻo hay Hải Xồm trấn ngự đâu. Thằng cháu tôi, sinh viên, phần khởi giới thiệu với tôi đường Hoàng Hậu, một con đường mới mở gần nơi tôi làm việc cũ, nơi có nhiều công trình lớn bây giờ. Hỏi tên đường thật thế à, thằng cháu vô tư: *Không, đường đẹp thế này thế nào mấy bác lãnh tụ chả chiếm chỗ trước đặt tên, nhưng chúng cháu thì gọi như thế*. Tại sao? *Cô xem, có nơi nào ngoài trên lảng (bác) mà vỉa hè rộng rãi, cây cối cao to có thể tụ tập ngồi tán phét với nhau như thế này đâu*. Thằng cháu tôi nay tuổi hai mươi. Làm sao biết đã từng có một Hà Nội khác, *vườn trong phố*, (chữ của Lưu Quang Vũ), nửa đêm thơm nức hương mùa, đã từng có một thời Hà Nội cụ nó chống can đạo Bờ Hồ, ngắm hoa lộc vừng hồ hững hờ dập dềnh trên mặt nước xanh *như nước rau muống luộc như* (cụ Nguyễn Tuân so sánh kì quặc mà đúng quá đi mất), và một thời ông bà nó một ngày về xuôi hát *chúng ta uơm đài hoa sắc hương phai ngày xa ôi phố phường Hà Nội xưa yêu dấu* (Văn Cao, *Tiến về Hà Nội*). Rất gần thôi, nhưng thằng cháu sinh viên cũng không biết từng có một Hà Nội bố mẹ cô chú nó mê man lang thang những đêm mưa reo trên tấm nilon che làm phép, môi ướt đầm vẫn nóng bỏng lúc chạm vào nhau.

Vậy đó. Cuối cùng thì trên mỗi bước thiên di đời người nào cũng cần một nơi chốn để tìm về, soi tâm tưởng mình vào đó. Luôn luôn, nơi chốn đó là không gian thời gian tuổi trẻ, mỗi người hi vọng thất vọng cùng những khát khao riêng. Đấy có phải mới thực là quê hương của mỗi người không nhỉ ?

Nhưng quê hương... Với tôi đôi khi đơn giản mà vời vợi. Là cái miền kí ức vui buồn đắng đót, ngậm ngùi bao nỗi cơ hàn một thuở cả nước hát đồng ca, một thuở cả dân tộc đồng phục mặc chán ra rồi một vẫn là quần áo lính. Mà kì quặc, lại là thứ quân phục hồ lớn : mũ cối của bộ đội miền Bắc, áo rằn ri anh là lính đả tình miền Nam, mùa đông thiếu nắng có thời đàn ông Hà Nội lại ưa cái áo khoác toàn túi may theo kiểu áo chiến Mỹ.

Sao âm đạm thế mà lòng vẫn nhớ. Nên tuổi sang đầu 4 rồi, mừng cho trai gái bây giờ xả láng hát tình ca thời đại kiểu *chiều nay sao anh không meo meo cho em*, mà lại tiêng tiếc họ. Thiếu những không gian lặng im cùng gió nắng, thiếu nỗi nhớ một thời phải chia sẻ chịu đựng bớt cho nhau bao nỗi khổ buồn, liệu có đạt đến tận cùng mình không, để hiểu sâu xa hai chữ cảm thông ?

Nhưng chắc là đã sắp lằm chằm lo chuyện đo áo cho voi, sắp gái già lo chuyện toàn cầu hóa. Thư từ với bạn bè cũ mới, với học trò một thời, tôi cứ ngạc nhiên trong khi những giá trị cũ (của tây thì coi như đã được bảo đảm) được người mình vẫn một mực nâng niu thì quá khứ rất gần chả mấy ai muốn một lần ngoái lại. Lớp trẻ trong ngoài tuổi ba mươi, kể cả những anh những chị chữ nghĩa đầy miệng, thì có vẻ còn tàn nhẫn khi hắt quá khứ đó sang một bên, không cần biết đó là đời sống của nói chi thời ông bà cho xa, mà là của chính bố mẹ mình thời trẻ, mà là chính cái tuổi thiếu thời chưa biết nhớ của mình. Và nói cho cùng, có nên coi đó là quá khứ không ? Khi tất cả : cái nghèo, cái tủi, sự bần cùng cơm áo, bần cùng tri thức... còn nguyên. Sẽ có người bảo tôi xa rời đời sống, rằng hôm nay khác lắm. Biết chứ, nhất là khi đi trên phố lạ ngay giữa quê mình, những con phố mới tinh cây còn lảng khảng chưa có bóng mát, xây dựng bằng đồng tiền vay nước ngoài, bụi và khói xe mù mịt. Và ở đó, hơn thời bao cấp ở chỗ không còn bị ám ảnh bởi thiếu đói kinh niên, nhưng con người, khi không còn đồng đảng bởi sở gạo thì khoảng cách giữa nhau nhiều lúc thành hố thẳm, chia bởi chức vụ và tiền bạc. Hố chia cắt đó, đôi khi hiện hình chỉ qua một chữ, chẳng hạn chữ *ôm*. Ngày trước, buồn cười, gọi nhau là cán bộ và nhân dân, bây giờ thì là quan chức và nhân dân. Quan chức thì được *ôm* (*karaoke ôm, tắm ôm, thơ ôm...vân vân ôm*), nhân dân thì bị *ôm* (*xe ôm*).

Trong một nghĩa nào đó, tôi biết mình không sung sướng, nhưng mà hạnh phúc. Giản đơn thôi : ngoài kia, một khoảng gió nắng đùa trong tán lá ven đường.

Bếp

Lí lịch trích ngang :

Tôi : Đàn bà, sắp sang tuổi 45, nghề nghiệp nội trợ. (Cũng có thể gọi là Osin không lương).
Nơi làm việc thường xuyên : Bếp.

*

Việt Nam, nói ngang nói dọc, tôi thấy có mỗi một nơi đủ tiêu chuẩn thành quảng trường : Không gian trước lăng Hồ Chủ Tịch, ngày xưa là quảng trường Ba Đình.

Nên thấy một nữ sĩ danh tiếng tuyên bố khát khao được / và thấy (các đôi tình nhân khác) ôm hôn nhau trên quảng trường, ngạc nhiên lắm. Không lẽ lại kéo nhau ra trước lăng. Nghĩ đi nghĩ lại, thấy khát khao này có lí. Ai cho đứng đó mà hôn tập thể. Để biến thành hiện thực đã chẳng thành khát khao.

Sao không ước anh/ ông/ cụ người yêu về nhà thấy mình tung tăng trong bếp thì sà vào ôm vội và hôn cho tóc gáy dựng ngược dưới mắt cụ bà nhà người ta. Khát khao ấy, khế ước văn hóa Việt Nam không dành chỗ, nên chẳng nhỏ.

Nói vậy, vì sự hôn với tôi nó quan trọng và thường xuyên phải được thực hiện, bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu. Thêm, đã khai ở trên, bếp với tôi cũng là nơi chốn mệnh mông bạc nhất, cũng là quảng trường.

Cũng đã khai ở trên, tôi, tuổi qua đầu 4, đã sống trong ngoài xa gần chí ít cũng ba cuộc chiến tranh gắn với hai chữ Việt Nam. Chiến tranh Nam Bắc Mỹ Việt, chi li phải tính thành mấy cuộc chiến tranh thời vụ khác nhau, từ can thiệp tới bắn phá ra bên ngoài biên giới Việt Nam Cộng hòa, tới thay màu da cho xác chết, xác chết chỉ được phép mang màu da vàng ; chiến tranh Tàu Việt, chiến tranh Miên Việt.

Ba mươi năm đầu đời, ba cuộc chiến tranh. Dù chẳng phải lọ mọ ngay giữa tâm điểm cuộc chiến, thì có định nói rằng vẫn sướng cũng khó. Sướng thế nào được mà sướng, khi hết sơ tán lần thứ nhất thứ hai, vừa đủ lớn trở về với phố là lo nỗi lo xếp hàng vì cơm gạo dầu mỡ hàng ngày. Nói gì cũng không ra khỏi biên - giới - bụng, biết tầm thường lắm nhưng khi chưa là triết gia thì không thể giả ngây thơ quên bém sự đời. Nghĩa là, đời người Việt, buồn vui sướng khổ quay trong bếp, đo bằng sự đầy vơi thiếu đủ rộng hẹp của cái bếp.

Cái bếp đầu tiên mà tôi nhớ được là cái chái dựng giữa vườn. Tôi nằm sấp trên tấm giát tre kê trên mấy cái chân mế mà bà tôi cứ có dịp nào để nhắc là nhắc ngay : " Ông mày/ ông nhà tôi... đóng đây ". Hồi làng là vùng tè nó đi hoang qua những mấy nhà, mãi sau bà tôi mới tìm ra xin lại và đó là di vật duy nhất của ông tôi. Nhà lúc đó đã xây lại rồi, bà tôi nhận được tin ông hi sinh, không tính đường trở ra Hà Nội sau hòa bình lập lại, mặc dù từng lên bờ xuống ruộng hồi cải cách ruộng đất ở quê. Chái bếp y như cái mụn cóc giữa vườn chính là nơi bà trú ngụ hồi cải cách. Không hiểu sao bà không đập quách khi xây nhà gạch, và cứ lọ mọ trong đó thổi nấu cho tới tận lúc không ai buồn gọi lại cái mái bếp tã hộ bà.

Tôi luôn nhớ tôi nằm sấp trên cái giường kê bằng chân mế ông nội đóng, nhìn bà gỡ thịt lợn nấu cháo chống bệnh còi xương cho tôi. Vị cháo tôi quên, hơi nóng tôi quên, chỉ nhớ hai đầu gối gầy bà chụm lại đầy ý tứ khi ngồi già mấy cái xương lợn lấy nước ngọt. Chắc chắn khi đó tôi chưa đầy bốn tuổi. Vậy thì tôi nhớ điều gì nhỉ ? Một ảo giác về một điều kì diệu và sao mà buồn bã ? Bà ơi ! Tuổi thơ ơi !

Ở với bà, tôi di cư từ bếp giữa vườn qua bếp chái nhà. Hôm rồi chat với thằng cu cháu, may thế nào lại gặp bà cô ra tỉnh ăn cưới. Bà kể chuyện con trai đã xây bếp mới, nhà tắm, nhà vệ sinh tự hoại, bể lọc, những trăm triệu. Ngạc nhiên lắm, được mấy ngày cái bếp kia không ám bồ hóng hả giờ. "Ấy không cháu ạ, trong quê bây giờ chả mấy nhà rơm củi nữa. Anh cả nhà cô xây bếp là để lên đời thổi nấu bằng ga như nhà các bác ngoài này đấy."

Thế thì sướng rồi. Nhà quê đất rộng, bếp to, mùa hè rải chiếu cả nhà ngồi ăn cơm trong bếp, trên đầu quạt trần vù vù, ngoài sân gió nắng đùa với lá có mái gà nhon nhón dẫn con nhào ra bới thóc, vừa ăn vừa xùy gà, vừa dăm điều ba chuyện, chung cư biệt thự cửa sắt cửa kéo cửa từ nào bằng.

Vậy là già từ bỏ hóng, già từ nổi lo rạ ướt củi hết, già từ nổi sợ rơm đơm lửa quá con cái không quen việc khéo làm cháy bếp cháy nhà. Bếp ga, đèn điện, thì cũng không thể có chuyện người ở cạnh gà cạnh lợn như ngày xưa nữa. Tôi bây giờ mới phì nhiều theo tuổi, chứ hồi nhỏ thì còn còi lả, ở nhà quê nhưng lại không phải nhà nông, có chăn nuôi cũng chỉ mấy con gà, luống rau cuối vườn mép ruộng vừa đủ miệng mấy bà cháu, thành thử đồng trăm tôi hãi, chuồng lợn lép nhép phân với nước, con lợn to như cái cọt thóc sắp bực tôi cũng hãi.

Tôi chỉ mê mấy mái gà. Mái nâu giản dị, nhanh nhẩu, ưa đi đứng một mình. Mái hoa mơ chân dài, cánh úp lẳng lơ, dáng đi son sẻ đầy quyến rũ, chuyên môn bị con gà trống thiến sót nhà bên theo đuổi. Mấy con gà mái ấy đến khi nổi hứng nằm áp thì ôi thôi. Chuồng gà là một góc bếp xây quây lại, kín bưng. Mùa đông rét mướt, thích ngồi ăn cơm bên bếp lửa thì cứ chuẩn bị tinh thần chiến đấu với ngựa. Do mặt gà. Mấy cái con bọ chíp ấy thế mà công phá da dê người rất khiếp. Bị nó đốt, lại ngồi bên bếp lửa nóng thì càng thêm ngứa. Ngứa phải gãi. Gãi đúng chỗ ngứa chưa chắc sướng bằng gãi vào chỗ định vị sai. Khoái cảm bắt đầu từ công đoạn quay cổ vẹo người trong cái áo bông to xù và kết thúc lúc buông bát, chạy ù ra vườn chuối mà hóng gió bắc.

Nói thì nói vậy thôi. Cũng là để thương lại một thời khó nhọc cho biết ngày hôm nay sung sướng cỡ nào. Chứ thật, có lúc nào nhớ lại những năm tháng bé bỏng vào ra quanh những bếp nhà quê, lòng lại buồn bã quá chừng. Thương, cái bếp nhà quê một thời, bước vào là đủ thứ mùi, mùi khói, mùi rơm phơi nở, mùi dưa kháng cà khú. Thương, cái giá bếp chất đầy bồ hóng. Trên đó, chúng tôi nuôi vụng bà mấy con ốc nhồi. Mấy con ốc cứ ngày một đen nhem và cứ sống, không biết nhờ đâu. Thương, bóng bà ngồi ngoài mình bên bếp lửa, tay cần trọng xoay xoay chai mỡ cho chảy để lấy cái cơm nước hàng ngày. Chai mỡ phân biệt nhà tôi với các nhà trong xóm, nếu có mỡ mà xào rán thì âu mỡ đó thường khét lẹt, vì để dành từ hôm ba mươi tết ngả lợn. Chai mỡ là kỉ tích hàng tháng xếp hàng mua thịt bằng phiếu, lọc rán kĩ càng của bố mẹ tôi và của nhiều cán bộ công nhân viên nhà nước một thời. Bố mẹ chẳng dám ăn, dành dụm đóng chai đem về tiếp tế cho con ở nơi sơ tán.

Bây giờ, ăn chỉ mong ngon mà không quá chất, để giữ mình đây, nên mỡ màng phải thanh trừng ra khỏi bữa ăn hàng ngày, có ai nhớ giọt mỡ vương sợi rau gầy, đánh lửa mắt đỏ, một thời ông bà ta, cha mẹ ta, và của chính ta ? Tôi không phẫn nộ vì nổi có những người sung sướng, sung sướng vì trí tuệ cao mà năng lực nhớ thấp, lên án chuyện ôn cố tri tân như là thói lảm cẩm không của người rách việc thì cũng là người thất bại. Nhưng cứ ngạc nhiên. Quá khứ, hiện tại và tương lai liền mạch, không đứt đoạn và không dễ đổi chiều. Không biết sẽ chia cùng quá khứ, làm cách nào để thụ cảm cho hết từng ngày tuyệt diệu, làm cách nào để chia sẻ với tương lai ?

Bếp nhà quê, bếp thành phố, với tôi là hai thời kế tiếp, thời chiến tranh đánh phá và thời hết chiến tranh. Anh chị tuổi tròn tròn tứ thập ngũ thập chưa ? Nhớ không những tối theo lệnh bố mẹ xách phích ra tổ phục vụ nước sôi 5 xu một lít, đứng xếp hàng bên cái lò than đá nóng bỏng, thơm thơm. Nhớ không những buổi trưa ra bếp phục vụ nhận xoong cơm, âu canh, đĩa đậu rán mẹ gửi nhờ bếp nấu. Mùi bếp than phục vụ này đã vương suốt bao nhiêu phố nhỏ những sáng trưa chiều Hà Nội hãnh diện vì đói khó và chiến công.

Đến tuổi sinh viên, Hà Nội đã quay về với bếp riêng nhà ai nghèo nhà nấy chịu, tôi vẫn ưa hình mũi hóng mùi than đá vương trong không khí buổi sớm lẫn mùi dậu da xoan ra hoa mùa này đây, chớm hạ. Và vẫn nghẹn ngào, khi cúi nhìn bánh xe đạp quay quay đê lên vệt than đêm đêm những xe bò kéo ì ạch đi qua để rớt xuống mặt phố. Có hẳn nhớ thế là do mình chưa bao giờ

thành đạt không nhỉ? Hay mình không là người thành đạt bởi cứ ưạ nhớ thế này? Nhưng, biết nói thế nào, khi trong lòng chưa vẹn vẹn, là tôi sướng.

Than đá. Than quả bàng. Mùn cưa. Củi vụn. Giấy dầu. Lá rụng. Tất cả là thử thách với một thế hệ trẻ con Hà Nội một thời. Nấu than còn dễ. Nhưng mà tay bầy tám tuổi mà phải hàng ngày tự đóng bếp mùn cưa thì khó lắm. Quá chặt tay, lò không lên lửa, xào rán sẽ có mùi oi khói và nấu nướng xong bỏ lò cháy không phí phạm. Quá lỏng tay, cơm vừa lục ục muốn sôi thì lò sụp, thế nào cũng xơi cái cũng vào đầu của bà chị gái lo trước chuyện bố mẹ đi làm cả ngày vất vả lại phải ăn cơm trương dở sống dở chín. Không làm thì không thể biết. Làm nhiều, khổ thì có khổ, nhưng lớn lên lại được một điều : không ngại khổ và biết thu vén, và bớt được cái tính vị kỉ có tự thuở nhân chi sơ. Trong những điều lứa trẻ hôm nay làm được, có bao điều người đi trước nên lập tức nghiêng mình kính ngưỡng. Nhưng những người trẻ tuổi, có khi nào bạn tự quên được mình một chút, ngay cả là quên đôi ba ước ao riêng để vì những ràng níu nhiều khi hết sức nhỏ nhặt trong đời, với con người ?

Những khổ nhục của một thời bao cấp quạt qua cái bếp mỗi nhà, quét đi cả một văn hóa sống, không đơn giản là chuyện ăn gì uống gì. Thói quen quýt cho xong, lấy sự ăn chỉ đơn giản là để tiếp tục thở ra hít vào nấy nời từ cái thời này. Khẩu vị con người không được làm cho phong phú hơn, mà là sai lệch. Thỉnh cái xoong nhỏ nhem nhem thiu vào giữa mâm nhôm vừa nhón vừa xước, bát đĩa cặp kên mỗi thứ một chủng loại, ăn nhai chộp chộp, thò dũa bầy cả tảng rau, (bây giờ có thể là một thân cá chép), cắn quả cà vọt cả hạt vào mặt người đối diện, những điều như thế, ở một bếp nghèo nhà quê một thời tôi vẫn nghe dạn dỏ để tránh, cũng như vẫn nghe dạn dỏ món nào nhất thiết phải đi với món nào trong một bữa cơm, gừng cay muối mặn ra sao, riêng nghệ hành tỏi lúc nào thì dùng tới, cái muối múc canh bày trên mâm phải xoay về đâu. Những nguyên tắc trong cái bếp một gia đình cho thấy nếp sống của mỗi nhà, của một thời.

Thời bây giờ í a? Là thời a công, thời tình online, thời lên sàn (nhảy và chứng khoán), thời đại gia thiếu gia liêu lĩnh bị mình bị đời hơn cả trong chương "cứng". Nên liêu mình tranh luận với con gái Hà Nội hẳn hoi mới ra nước ngoài về chuyện ăn uống của người Hà Nội, rồi cũng đến thở ra và buồn.

Năm trước, ông khách đồng hương phố từ Pháp qua kể chuyện về Hà Nội ra quán xơi thịt gà chấm nước mắm dấm ớt. Tuần trước lại nghe bảo phố Hà Nội phải 24 vị thì mới hoành tráng, và không thể thiếu rau mùi tàu, là cái thứ mọc hoang cùng lá lốt ở mọi xó vườn quê. Hôm qua thì nghe một người Hà Nội già nổi cáu giảng giải cho một người Hà Nội trẻ rằng bánh tôm của em là bánh - tôm - gòn - Hồ - Tây chứ không phải là bánh tôm Hồ Tây. À, bánh tôm của người sành điệu bây giờ hóa ra khác thật, dĩ nhiên cái món tôm siết làm sao có được, nhưng bánh tôm mà chỉ có tôm với bột, không có những sợi khoai lang giòn tan dọc ngang ôm ấp những bột với tôm ấy thì...

Cái nếp bếp núc của mình, cứ nói là đồng hương nước Việt với nhau, tiếng vậy mà mỗi miền mỗi khác. Cách nêm nếm, gia giảm của một người đàn bà Huế rắc khác lắm cách của một người đàn bà Hà Nội, mà lại giống nhau ở một điểm : Món ăn Huế và Hà Nội thể hiện cái ổn định cao ngạo và tinh tế của một truyền thống lâu đời, không cho phép những thử nghiệm táo bạo, càng không dung thứ những phá cách liêu lĩnh. Bát bún mọc Hà Nội nấu ở bếp nhà không thể có chuyện bày sẵn rồi dội ùm ùm nước " dùng " vào. Đến cả cái cọng rau mùi tàu thơm rất dễ thương kia cũng thành không thương nổi trong một bát bún gà đích thực là bún gà bếp nhà Hà Nội. Nhưng mà ai nấu một nồi bún Huế mà nước lại không sóng sánh cái màu đỏ vương giả, lại trong veo như nước bún mọc thì mời ai chứ mời tôi không đất. Trong cái ổn định ngon lành của truyền thống bếp núc này, có chứa hiểm họa của sự tuyệt diệt. Nó khác cái sức sống của truyền thống bếp núc nhiều miền đất khác, đặc biệt là phương Nam. Chẳng phải tìm minh chứng ở đâu xa, cứ ngắm nghía một nồi lẩu miền Nam bốc khói. Khó mà định được mùi của nó, chỉ biết là bổ béo một cách giản dị, với sự tham gia của những cá cùng tôm và vô số các loại rau theo

kiểu lương tâm tùy mạng mỡ. Ra khỏi miền Nam, nước nôi lẩu hào hùng chinh phục các tâm hồn ăn uống bằng khả năng thích nghi mạnh mẽ và trọn vẹn. Ở nhiều gia đình Hà Nội, lúc tôi về, thấy mọi người nấu lẩu hay thay vị sả bằng vị nắm hương rất đổi cổ bản xứ Bắc. Sà vào quán lại thấy nôi lẩu có vị khác, vị dưa chua nấu cá lẩn với nhiều chủng loại rau nhúng cũng hay hay. Khẩu vị hóa ra chẳng phải là chuyện của một cái miệng hay của một miền, nó thay đổi theo những bước thăng giáng của đời sống kinh tế và xã hội.

Mà nếu vậy thì có khi muốn ăn một món truyền thống nào đã tự khẳng định sức sống ổn định của nó chừng năm bảy mươi năm, e phải ra xứ người. Bạn của con tôi đến nhà chơi nhận xét rằng cứ tới nhà người Việt là thấy mùi giống nhau. Hóa ra là mùi bếp. Đơn giản lắm, cứ tương vài ba giọt nước mắt vào một món xào nào đó là đậm mùi xứ sở ngay. Nhưng nói chuyện truyền thống bếp núc sâu xa, chính nơi cái lười cái dạ dày của mỗi con dân Việt tha hồ thường thức tinh thần đoàn kết dân tộc qua đủ kiểu nấu Bắc Trung Nam tụ lại chốn quê người, tôi để ý có những người nhất quyết không chịu nấu theo kiểu cải cách, cứ phải món phương nào ra phương ấy.

Ở Berlin, được mời đi ăn khắp nơi, nhưng tôi đặc biệt thú vị ở một bếp nhà. Cứ ngỡ bà chủ bếp chỉ biết văn chương chữ nghĩa và các linh kiện phụ đi kèm một đời nghệ sĩ, là rượu và thuốc. Thế mà ở đó có dưa có cà, có rau xào, có đậu rán, có tôm rang me, có cá bỏ lò, có thịt bò cuộn hấp... món nào cũng sành điệu cả. Cái bếp này với tôi là một góc nhìn khác để nhận diện người đàn bà nghệ sĩ này, người có lẽ giàu có năng lượng sống, năng lượng sáng tạo và năng lượng gây hấn nhất trong giới nghệ sĩ Việt đương đại.

Thú vị không kém, nhưng cách khác, là một cái bếp tập đoàn - bếp câu lạc bộ phụ nữ - câu lạc bộ của những mảnh đời đàn bà Việt đa đoan. Người chị của cả nhóm là một phụ nữ rất đặc biệt, không phải vì từng được mấy cái huân chương chữ thập của Đức, cũng chưa phải vì khiếu thẩm mỹ không giống một ai có một mái tóc nhất quyết chia hai tiền liền ông hậu liền bà, mà vì cá tính như nước lủ. Chẳng ai ngờ người đàn bà rất đổi hằm hồ này lại là một nghệ sĩ đích thực khi đứng bếp. Bánh tôm Hồ Tây, bánh chuối, bún thang, bún ốc, chả cá Lã Vọng... tất cả, tôi đều đã từng thưởng thức ở cái bếp đặc biệt này. Ngoài kia là mưa phùn, ngoài kia là nắng mới, ngoài kia là gió nổi. Như hồ Tây chiều hè, như góc phố xưa đầu mùa gió lạnh, như một giêng hai tíu tí, như tất cả ngày xưa không thể nào tìm lại được ngay ở quê nhà. Bà chị chẳng nấu món ăn Hà Nội trên cả tuyệt vời, mà món ngon của những miền đất khác cũng tuyệt vời khác lạ. Từ bánh trái Huế, tới món cá kho, lúc kiểu mấy bà già trầu. lúc kiểu mấy chị làng chài vùng gió Lào cát trắng. Lạ nhất, người nấu thật ra lại không biết ăn nhiều thứ, ví như mắm tôm trong một bữa chả cá Lã Vọng, mà bàn tay điệu nghệ thay được hẳn vị giác, cực kì tinh tế. Món nào ra món ấy, đúng vị, đúng chất mỗi miền phong thổ yêu thương.

Đất nước mình bây giờ có khác. Tội biệt thự thì khó, nhưng chung cư đời mới thì với nhiều nhà đã ở trong tầm tay sau mấy đận mở công ti trách nhiệm hữu hạn hay nhảy lên nhảy xuống sàn chứng khoán. Bếp núc đời mới phải như tây, tủ treo tủ đứng hoành tráng. Những cái mùi cà dưa một thuở lấy đầu chỗ mà di trú trong bếp nữa, kể cả ở bếp nhà quê. Nhà quê, như quê tôi, đến bữa vác bát ra đầu ngõ mua cà mua dưa y như ngoài Hà Nội. Ngồi ăn hàng ngày, cũng không mấy ai phải gập bụng khập chân gồng người lấy thế. Mâm nhôm mâm chõng đã thay bằng bàn ghế sành điệu. Đại quý.

Nhưng lại nghe ngay cả ở thành phố thì tỉ lệ người có điều kiện sống như thế mới chỉ chừng 30%. Con số này tôi nghi ngờ, khi nhìn vào những khu chung cư cũ nát đáng đặt thuốc nổ giật sập từ lâu vẫn hiên ngang đứng đó, lại còn được lên tầng do nhân dân tự lo, khi nhìn lượng dân buôn thúng bán bưng làm ăn kiểu vất mũi đút miệng đồ từ nhà quê ra tỉnh, khi chỉ cần đi ra khỏi Hà Nội Sài Gòn dăm ba chục cây số... Chưa hết, nghe nói chuyện bếp cao cấp đời này nửa năm chủ nhà dùng không hết một bình ga không phải là chuyện hiếm. Thế mà chuyện từ trong bếp ra lại là chuyện đời, chuyện thời.

Liệu có phải mình trầm trọng hóa không nhỉ ?

Trịnh Công Sơn - Tại sao?

...Đêm ấy, 30 tháng 4 năm 75, Hà Nội vẫn mất điện. Trong bóng tối hầm hập, tiếng loa truyền thanh không dễ định vị như lúc ban ngày, vang xa hơn, chói lói hơn. Hai chị em Ngân kéo kẹt đèo nhau về nhà trên cái xe đạp cũ. Từ bệnh viện K nơi mẹ và những bệnh nhân ung thư nằm - những người mà người thân đang cố giấu họ một cách vô ích chần đoán vô vọng của bác sĩ, nơi chỉ có những mắt nhìn mỗi một của người sống và hoang vu của người đang chết - trở ra phố, Ngân có cảm giác thế giới này không có thật. Người như nước tuôn về phía Bờ Hồ. Như cả thành phố dồn về đây, để đứng bên nhau, để cùng lắng nghe. Đoạn Hai Bà Trưng - Hàng Bài tắc cứng. Không rõ mặt ai trong tối. Chỉ những hơi thở nóng, nặng nề. Chỉ những tiếng lầm bầm xin lỗi của những người bị mắc xe đạp vào nhau hay sợ ý giẫm phải chân nhau. Bay náo nức trên tất cả, trên đám người không rõ mặt, trên vòm lá bắt đầu lồng lộng gió là những âm giai nao nức. 'Việt Nam trên đường chúng ta đi - Nghe gió thổi đồng xanh quê ta đó - Nghe sóng biển ầm vang xa tận tới chân trời - Nghe ầm lòng những khi đang dồn bước mà vui sao ta chẳng nói nên lời... Chẳng đường xa ta đi giữa mùa xuân - Ta đi giữa tình thương... chiến trường xa dồn dập bước... Việt Nam... Việt Nam...' 'Yên hàn thật rồi.' Ai nói lầm thảm như mơ. Đột ngột vang lừng một giai điệu chưa bao giờ nghe... 'Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng - Lời Bác nay đã thành chiến thắng huy hoàng...' Lại Việt Nam. Lại Hồ Chí Minh. Có cái gì cảm động lắm, vừa cảm động vừa ghen ngào vừa kỳ quặc nở dần ra trong bóng tối của ngày đại thắng.

Khi đó Ngân chưa biết Trịnh Công Sơn. Chị cũng chưa biết tự hỏi mình nếu vào lúc đó hoặc trước đó người Hà Nội đã biết chẳng hạn 'Một buổi sáng mùa xuân' của Trịnh thì ấn tượng về ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh đằng đẵng ấy đối với mỗi người sẽ như thế nào?

Đại hội Đảng lần thứ tư sẽ diễn ra sau đó một năm. Trước đó là cuộc diễu binh lớn chưa từng thấy. Nhà Ngân chật cứng bà con ra tỉnh xem duyệt binh. Mẹ vẫn nằm bệnh viện, đang heo hắt những hơi thở cuối. Ai ra Hà Nội cũng vào thăm mẹ và mẹ vẫn cố hết sức để mỉm cười, để diễn tả niềm vui có thật trong lòng khi biết mình sẽ chết. Rằng con mình đã sống và sẽ sống. Vì đã hòa bình. Nhưng, trong hòa bình đã bắt đầu một cái gì đó còn khó khăn hơn cả thời bom đạn. Sau này, ký ức về những ngày đó trong trí Ngân cứ tự xóa từng vệt. Chỉ còn duy nhất một ấn tượng: hè năm đó ve sao mà nhiều thế, và mậu dịch bán nhiều chanh thế. Ve ran ran đêm ngày như một lời tiên cảm về những mùa khô khát chưa tới. Chanh đỏ từng đồng bên hè phố, thơm mát đường trưa tháng sáu, rồi úa đi, nẫu đi, bốc mùi. Tại sao Ngân lại nhớ điều nhỏ nhặt ấy? Tại sao Ngân không mấy khi nghĩ tới những buổi trưa hai chị em lủi thủi đi xuyên thành phố mang cơm cho bố đang trông mẹ trong bệnh viện? Tại sao Ngân không nhớ những tiết học đột nhiên nhãng hẳn lời thầy giảng, trái tim đập nặng như muốn ngừng vì ý nghĩ có thể trên cái giường sắt đó ở viện mẹ đã tắt thở? Đấy có phải là phản ứng tự vệ để leo đẹo cho hết cái phần đời chưa kịp sống?

Lúc đó, trong đầu óc cô gái mười ba tuổi không còn chỗ cho Trịnh Công Sơn. Mà có lẽ, với những người khác thì cũng thế. Đại hội Đảng IV thành công rực rỡ. Báo đăng. Đài nói. Công viên Thống Nhất thành rừng ánh sáng. Nghị quyết về các chỉ tiêu kinh tế đất nước phải đạt tới trong kế hoạch năm năm tiếp đó... Những con số... 'Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng...' Hai một triệu tấn lương thực thành mục tiêu trên giấy cho bà con nông dân hướng tới... 'Hợp lý.' 'Nhảy vọt.' Đài nói. Báo đăng. Có thể đoán chắc chuyện ngò vực không có trong lòng người dân bình thường. Cái chính là đang sống, còn sống. Và chẳng đánh Mỹ còn được thì làm gì chả được. Đã ở nước nào đại sứ Mỹ phải cuốn cờ cấp nách cút đầu. Không ai thấy chuyện giang sơn thu về một mối mà vào tìm thân nhân trong miền đất vừa giải phóng vẫn cần có đủ thứ giấy chứng nhận thân nhân của cơ quan phường phố là điều bất thường. Nếu có ngờ ngàng thì chỉ là ngờ ngàng về một miền Nam phần vinh lắm đồ nhựa xanh xanh đỏ đỏ, lắm máy móc gia dụng

cũ, lắm vải mỏng đẹp tuyệt mà vừa giặt vài ba nước đã rách và vào chợ Bến Thành không biết cách mặc cả thì chớ có mua bán gì. Nếu có ngờ vực thì chỉ là sự ngờ vực kín đáo trước những người đàn bà miền Nam ra thăm chồng đi tù, áo bà ba vải mỏng tang mà nét cắt trông cứng cứng, quần ống rộng đen nhấp nháy, dép lưới, đội mũ vải thay vì nón lá, miệng lúc nào cũng hờm sẵn một nụ cười giữ ý chẳng ăn nhập gì với cái nhìn căng thẳng, buồn bã. Họ luẩn quẩn trong căn phòng chật của người bà con Hà Nội, lo xếp xếp sắp sắp những gói những lọ những hộp bốc mùi thơm lừng. Toàn những mùi xa xỉ tra tấn mũi và lưỡi và dạ dày của đám con chủ nhà cùng chúng bạn. Ngoài phố, tiếng loa truyền thanh vẫn vang vang dội ngược vào nhau. Náo nức. '...Chưa có bao giờ đẹp như hôm nay - Non nước mây trời lòng ta mê say...' '...Từ ngày hôm nay chỉ còn những tiếng ca...' '...Từ thành phố này Người đã ra đi - Bao năm ước mong đón Bác trở về...' Cũng đã chen vào những âm thanh mới của những cuộc chiến mới. Nức lòng. Hùng tráng. '...Chẳng kẻ thù nào ngăn được bước ta đi - Khí thế tiến công mang sức mạnh thần kỳ - Lời Tổ quốc vẫn âm vang sông núi...' '...Chúng con lên đường hình Tổ quốc trong tim...' Trịnh Công Sơn phản chiến của cuộc chiến đã qua không thể chen chân trong dòng chảy này của đời sống. Còn tình ca? Tình ca thích hợp với một cuộc chiến nhất định thắng chỉ có thể hát về những nỗi nhớ hai đầu, hai đầu dòng sông, hai đầu núi biếc, hai phương trời cách biệt, là sự chia xa thực chứ không phải là tưởng tượng, và không bao giờ là cô đơn. Vẫn còn nguyên trong trí nhớ Ngân giọng nữ trung nồng ấm và rạo rực của Vũ Dậu: '...Rất dài và rất xa là những ngày thương nhớ... Anh đang mùa hành quân pháo lặn dài chiến dịch - Bồi hồi đêm xuất kích chờ nghe tiếng pháo ran - Ngôi sao như mắt anh trong những đêm không ngủ - Giáo án em vẫn mở cho ánh sao bay vào - Ngày và đêm xa nhau những đêm dài thương nhớ - Thời gian trong cách trở vẫn cháy ngời tình yêu...' Vẫn còn nguyên... giọng hát và ánh mắt... gửi trao... hò hẹn... rụt rè... liều lĩnh... Quang... chiều Đại Lải năm nào: '...Một tiếng chim ngân - một làn gió biển - một sớm mai xuân bên cửa hầm đã chiến thấy trời xanh xao xuyên... ta vẫn thắm hái hoa tặng nhau...' Không một nhấp nháy xao xuyên trước tấm tình ấy, nhưng Ngân nhớ, nhớ tới bây giờ và chắc mãi về sau nữa, về người bạn cùng lớp sẽ hy sinh chỉ sau đó ít ngày, dù Ngân đã chồng con, đã mệt nhọc lắm bỡ ngỡ vì phải sống. Lứa tuổi Ngân khi ấy chưa có tình ca cho riêng mình. Vẫn phải ăn đong tình ca của các thế hệ trước. Tiền chiến là cái gì đó chỉ lờ mờ nghe 'các cụ' âm ư rồi thờ dài sau những bữa ăn chiều còn hơn là đạm bạc. Còn cái món ỉ ôi sướt mướt 'Thi ơi Thi Thi có biết biết không Thi khi con tim yêu đương thắm chết...' nhà hàng xóm khuân từ miền Nam ra nghe lén qua cái Akai cũ to như hòm lương khô, cái món ấy làm cho xương thịt thiếu ăn cứ muốn rã ra và những trưa hanh hao Hà Nội đậm khó thờ. Khi đó Ngân chưa biết Trịnh Công Sơn. Mà biết, liệu Ngân đã biết để mà mê đắm? Cô gái mười sáu tuổi không hề nghĩ rằng chỉ sau đó mấy năm thôi mình sẽ đổi khác hoàn toàn. Càng thiết tha bao nhiêu thì càng có vẻ ờ hờ. Càng nồng nhiệt bao nhiêu thì càng cô độc. Trịnh Công Sơn? Rồi Ngân sẽ biết nhưng không phải ngay lập tức đã cảm được. 'Biển nhớ.' 'Tình nhớ.' 'Cuối cùng cho một tình yêu.' 'Rừng xưa đã khép.' '...Tình yêu như trái phá con tim mù lòa... Một mai thức dậy chợt hồn như ngắt ngây... Chợt buồn trong mắt nai... Tình yêu như vết cháy trên da thịt người... Tình xa như trời... Tình gần như khói mây... Tình yêu như nỗi chết cơn đau thật dài... Tình cho nhau môi ấm một lần là trăm năm...' Tình nào mà chẳng như tình nào. Có gào thét than van cho lắm cũng có khác gì nhau lắm. Ngân sẽ còn phải nhắm mắt lần đời mình qua những đam mê và khó nhọc của ngày sống thời hậu chiến rồi mới hiểu ra rằng những than van, những gào thét, những day dứt giữa những cơn say dài những cơn say vui của Trịnh cần phải cảm không phải bằng trái tim đau khổ vì yêu hay vì đã chán yêu mà phải bằng trái tim hoang mang của người biết mình là duy nhất, lớn lao và nhỏ bé, tốt cùng. '...Từ lúc đưa em về là biết xa ngàn trùng...' Đấy không còn là nỗi thiết tha tuyệt vọng của kẻ đang yêu. Đấy là nỗi bi thảm của người - xa - lạ, mến thương cuộc đời này, mê đắm cuộc đời này, cô độc tuyệt đối trong cuộc đời này và mỗi mỗi tình sống qua, mỗi người tình quen thêm chỉ là thêm một bước, vào hoang vu. Ngân hiểu ra điều ấy hơi bị sớm. Nhưng cần một buổi chiều, một cơn gió bời bời khua trong vòm sáu làm chao nghiêng một chiếc lá bên trời, một mùi hương thơm ngát của tách cà phê

quán vắng, một con người sẽ bước ra khỏi đời Ngân, điều mà cả Ngân và người ấy khi chia tay đã không hề nghĩ.

*

... Trời trở lạnh đột ngột. Phong phanh trong cái áo mỏng đứng run cầm cập giữa đám người chen chúc trước cửa hàng chất đốt, Ngân buồn nản nghĩ tới cái cổ họng nhạy cảm và lồng ngực ốm yếu của mình. Bài tập lớn chưa làm. Sắp thi điều kiện rồi. Rồi sau đó là kỳ thi tốt nghiệp. Nhưng trước mắt sẽ là những đêm không ngủ không chạy đâu cho thoát vì khó thở, sẽ là những ngày nằm bẹp dí trên giường kẹp giữa hai chồng sách sẽ đọc và đã đọc. Nhưng cũng không thể bỏ về. Đã xếp hàng suốt từ trưa tới giờ. Bìa chất đốt chiều nay hết hạn. Bỏ đi làm. Chị đi thực tập. Không còn trông được vào đâu. Ngân không chờ đợi cái tin ấy vào đúng lúc ấy.

Việt dừng xe sát bên Ngân, nhẹ giọng: 'đặt lên đây' và đỡ lấy can dầu nặng trĩu trong tay Ngân. Có cái gì thương mến lắm trong mắt Việt. Ngân không biết khuôn mặt trắng xanh, cái áo cũ mỏng Ngân vừa co hai vạt quần chặt tẩm thân thanh mảnh, mái tóc dày buông lơi của mình đã siết lấy trái tim Việt trong khoảnh khắc đó của buổi chiều đó. 'Vừa lĩnh học bổng. Muộn muộn Việt tới. Đi nhé!' Vẫn là thương mến, nhưng thêm một chút gì như gượng nhẹ, như vui thầm trong mắt Việt, khi Ngân gật đầu. Việt không lên nhà, trước khi quay xe, Việt ngần ngừ rồi bảo: 'Phan viết thư về kể chuyện có cô bạn nhà ở gần gần đây'. Mặt Ngân không thể tái hơn được. Ngân mỉm cười. Cả ba là bạn cũ...

Đen hay nâu? Ngân dừng uống đen. Nâu nhé! Vẫn Việt nói. Việt ngồi quay lưng ra cửa. Ngoài kia gió vẫn bồi bồi. Lá sấu quay tròn lấp loáng trong sắc trời xám sáng chỉ có vào những ngày cuối thu gió trở như thế này. Ngân cầm cái thìa, gầy một chút bơ vào tách cà phê chị chủ quán vừa mang tới, chăm chú nhìn giọt bơ loang. Mùi cà phê ngày ngày và khắc khoải. Việt vẫn nói, vẫn nói. 'VẬY ĐẤY. Phan đã có một cô bạn. Khi nói một cô bạn thì đã không còn là bạn. Phan đang xoay làm chuyển tiếp sinh...' Ngân lắng nghe, nghĩ, tưởng như mình thờ ơ. 'Không một ai biết chúng mình đã viết cho nhau những lá thư như thế nào. Cả Việt nữa. Nhưng lẽ nào Việt không biết chúng mình...' Ngân ấy năm Ngân thân tình với bao nhiêu người nhưng không thân thiết riêng một người nào. Không hẹn thề, không gì cả, nhưng những lá thư mang màu sắc một trời xa và những lá thư Ngân gửi đi bằng con tem mua từ đồng học bổng chất bốp dán bằng côm nguội đã riết Ngân vào trong ảo giác về một cái gì tuyệt đối và vĩnh viễn. Có thể gọi là tình bạn. Cũng có thể là tình yêu. Bởi vì chỉ có hai người, chỉ có khát khao, cảm hiểu. Thánh thiện. Nguyên chất. Tất cả bạn bè đều nghĩ thế. Mà đến hai gia đình cũng nghĩ thế. Việt chắc càng nghĩ thế. Vì Việt thân với Phan đến thế và vẫn là người chuyển thư Phan cho Ngân. 'Mấy năm rồi nhỉ? Chẳng bao lâu nữa tất cả sẽ ra trường...' Ngân xoè bàn tay hất mái tóc vướng về phía sau lưng, cố gắng rời mắt khỏi một chiếc lá sấu đang vật lộn trong gió tìm cách đậu xuống hè phố: 'Việt vừa bảo gì Ngân? À, Việt được dự kiến ở lại trường? Tuyệt!...' Việt cắt ngang lời Ngân, thô bạo: 'Việt bảo Việt muốn có Ngân. Việt muốn sống cùng Ngân khi bọn mình ra trường. Việt không muốn cứ phải làm hộp thư sống hộp thư chết của Ngân với những ai ai! Ngân nói đi!' Việt chộp lấy bàn tay Ngân: 'Nói đi! Nói đi!' Ngân ngần người, tỉnh hẳn. Quán vắng. Chỉ có hai người và chị chủ quán đang hí hoáy thay băng mới. Trịnh Công Sơn! Sao lại Trịnh Công Sơn lúc này? '...Đời sao im vắng... Người về soi bóng mình giữa tường trắng lặng câm... Có đường phố nào vui cho ta qua một ngày... Có sợi tóc nào trôi trong trí nhớ nhỏ nhoi... Không còn không còn ai... Ta trôi trong cuộc đời... Không chờ không chờ ai...' Ngoài trời mưa giăng tự lúc nào. Ngân khẽ khàng rút những ngón tay ra khỏi bàn tay Việt, với tách cà phê nguội uống ực ực. Chua loét. Vô duyên. '...Có những ai xa đời quay về... về lại nơi cuối trời làm mây trôi...' Việt nhìn vào mắt Ngân, vẫy chị chủ quán rồi lạng lẽ ra mở khóa xe. Ngân ngồi nhìn phố chiều đông dần lên, nhìn những dáng người mãi một trong mưa lất phất. Phía bên kia ngã tư, người ta đang dựng một tấm pano mới. Bác. Mặt gầy và mắt sáng. Tay chống nạnh. Và phía dưới là hàng chữ to đùng: 'Bác đang cùng chúng cháu hành quân.' 'Bác đang cần chúng cháu hành quân...' Ngân lắc đầu, xua đi một nỗi nhớ. Phan. Phan hay gào câu hát láo lếu ấy. Cứ tưởng như Phan thì khó sống. Vậy mà lại chính Phan là người biết cách hòa hợp trước với cuộc đời này. '...Ngày ra đi với gió - ta nghe tình đời mùa...' 'Đâu rồi ôi những non tơ?'

Sau này, Ngân không biết nên ơn hay nên oán Trịnh Công Sơn. Liệu không có Trịnh Công Sơn xót xa và giản dị đến ma quái, liệu không có giọng hát rền rền mê mệt một nỗi ai hoài trống trải của Khánh Ly, không rõ Ngân có chú tâm hơn không khi nghe Việt nói lời yêu dấu ấy. '...Ngày ra đi với gió... Ta nghe tình đời mùa... Rừng đông rơi chiếc lá... Ta cười với âm u... Trên quê hương còn lại ta đi qua nửa đời không thấy một ngày vui... Đường trần rồi khăn gói... mai đây chào cuộc đời... nghìn trùng cơn gió bay...' Không bao giờ họ trở lại câu chuyện cũ, dù vẫn đến nhà nhau chơi, vẫn lang thang cùng nhau, vẫn lo lắng cho nhau. Nhưng buổi chiều ấy vĩnh viễn trở thành màn sương mưa phủ lấy một cõi chung riêng tư nhất mà không một ai muốn vén. '...Nhìn lại nhau con mắt lo âu xin vãn về muôn yêu dấu... Nhìn lại nhau che những cơn đau...' Trịnh Công Sơn bất chợt, đã buộc Ngân phải soi ngắm lại cuộc sống quanh mình, phải nhìn thẳng vào từng ngày sống của mình.

Đây là những ngày kì quặc và buồn thảm. Nhưng hầu như không ai nhận thấy. Có biết một cuộc sống khác hơn đâu để mà ao ước rồi buồn. Chỉ những lo là lo. Toàn chuyện áo cơm phải từng ngày đối mặt. Niềm vui chiến thắng, đúng hơn là niềm vui yên hàn đã nhòe mờ theo thời gian. Niềm tin thì, không ai muốn nói và dám nói, nhưng cứ từng ngày mai một. Làm sao có thể tin vào một sự đổi thay kì diệu, rằng 'thắng giặc Mỹ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày xưa' khi thành phố hình như mỗi ngày một xao xác và nghèo hơn, khi định lượng gạo còn cỗi thế mà mậu dịch cũng không thể cung ứng. Làm sao có thể yên tâm khi chiều chiều nghe tiếng reo à à của bọn trẻ con là phải buông tất cả sách vở chạy ra chen lấn đổi bánh mì tem phiếu. Những cái bánh mì khô, rắn và chua mậu dịch bán thay gạo ấy Ngân lèn trong thùng gạo rỗng, vài ba hôm lại chờ lúc nhọ mặt người bê đi bán tống bán tháo được đồng nào hay đồng ấy cho mấy bà phe phẩy đầu ngõ. Những giờ học triết, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học và lịch sử Đảng trở thành lạ lẫm. Cái cần nhất là nhập tâm, không đối chiếu so sánh với đời sống hàng ngày làm gì cho mệt. Chân lý của chủ nghĩa là một cái gì đó không thể và không nên tìm cách chứng minh, bởi vì nó nằm ở thì tương lai, của những thế hệ sau nữa. Không lẽ thế hệ trẻ của dân tộc này lúc nào cũng phải thực hiện kỳ vọng vào tương lai của thế hệ già? Nghĩa là không một thế hệ nào được sống cho đúng nghĩa! Ý nghĩ này Ngân không bao giờ dám chia sẻ với một ai trong đám bạn bè. Học hành trở thành gánh nặng vô nghĩa, càng vô nghĩa khi biết chắc tốt nghiệp rồi sẽ không mấy đưa thi thố nổi. Sẽ có những đứa chễm chệ trong cơ quan một bộ nào ngay giữa Hà Nội nhờ vào thân thế ai đó. Còn những đứa như Ngân, hôm nay no đói thế nào ra phố vẫn tóc ngang vai, guốc cao, quần áo là kỹ lưỡng và vẫn rủ rê nhau cà phê cà pháo khi trong túi có tiền, ngày mai chưa biết bị bắn về phương trời nào của Tổ quốc, để rồi chết dí ở đấy với đồng lương đưa nhỏ, bao nhiêu điều học được cứ chột dần đi. '...Nơi em về trời xanh không em...?' Không ai có thể hỏi một câu như thế vào lúc ấy, ngay cả để trêu chọc nhau. Cho nên câu hát càng hoang mang, ứa một khát khao. Bao nhiêu lần lang thang trên phố, ngang qua mấy hàng thuốc lá có cô bán hàng xinh xắn, bao nhiêu lần Ngân tự hỏi đây có phải là một nữ sinh viên đã tốt nghiệp chống lệnh công tác hay không? Đã tự hỏi liệu mình có dám đánh đổi tất cả cho một cuộc sống yên bình nửa vời và thắm đặm như thế ở thành phố thân thương này? Mà vẫn tự biết '...vai em gầy guộc nhỏ... như cánh vạc về chốn xa xôi...' Từ buổi chiều gió trở Việt bỏ về trước còn có bao nhiêu lần Ngân như thế một mình. '...Buổi chiều ngồi ngóng những chuyến mưa qua... Trên bước chân em âm thầm lá đổ...' 'Những chuyến mưa qua...' Ôi Trịnh! Phải, Hà Nội mùa thu nhiều mưa lắm, hết mưa ngâu, hết bão rồi lại những cơn mưa dầm, lững thững đến rồi đi. Những cơn mưa buộc người ta ngồi lại, lặng lẽ nơi này, để, đôi khi, chỉ đôi khi thôi mà đau đớn mãi '...nhìn lại mình đời đã xanh rêu...', dù còn rất trẻ, chưa sống được bao nhiêu. Giống như là mộng mị. Vẫn sống đấy, vẫn lo toan đấy, vẫn nói cười đấy, vẫn yêu đương loạn xạ đấy, nhưng không thiết tha với một cái gì, ngoài khao khát về một cái gì tuyệt diệu lắm tồn tại đâu đó, có thật, nhưng mà mong manh, có lẽ còn vô nghĩa và vô ích giữa cuộc đời toàn những bước chải không đáng như thế này. Không còn là lý tưởng đã hồi thúc mấy thế hệ liên suốt mấy chục năm qua, đã một thời non trẻ hết mình tin tưởng. Những trang sách đẹp chỉ làm cho nỗi thiết tha thêm tuyệt vọng. '...Đôi khi ta lắng nghe ta... nghe sóng âm u dội vào đời...' Những ngày ấy đã tạo ở Ngân thói quen lang thang phố vắng một mình. Bao chiều. Bao đêm. Sương buông

mờ phở nhỏ. Mùi lá dốt quện trong sương buông lúc chiều hôm bình thản. Là cái gì chỉ thành phố này ngày ấy mới có. '...Gió heo may lại về... Chiều tím loang vĩa hè... Rồi mùa thu bay đi... Trong nắng vàng chiều nay...' Đèn đường bật sáng héo hắt dưới ánh chiều còn rớt lại và nhoe dần đi trong sương cuối thu mỗi lúc một phủ dày hơn. Hoa sữa dậy một vùng hương ấm cơn gió lạnh vừa xộc tới. Đã mấy mùa thu sang như thế. '...Đêm khuya nhìn đường phố... thành phố hoang vu...' Không phải một lần Ngân cảm giác được cảm giác của người nhạc sĩ ấy. Cuối phố đằng kia, nơi có hàng cây cao chứa đầy ánh sáng xanh tái của những bóng đèn cao áp mới được lắp, có đôi lần Ngân thấy Việt đạp xe rất chậm, cũng một mình, và Ngân đã rẽ sang lối khác. Đồng điệu ư và ích gì cho nhau? Nói gì với nhau? Rằng từ đấy đã yêu nhiều lần lắm rồi chẳng? Rằng dù thế vẫn chưa biết thế nào là mê đắm? Rằng vẫn không thể cùng nhau! Hay không dám! Sợ làm xước những tin yêu. Vì không thể sống khác! Không thể từ bỏ đam mê, đam mê một cái gì rất đẹp, có thực mà vô ích. Như màu nắng hanh kia. Như tiếng vọng trong lá kia của gió. Như một con người vĩnh viễn trượt qua đời mình, vĩnh viễn mang đi mất của mình chút hy vọng, chút ảo giác vào một cõi sống bình yên, trong trẻ, lãng đãng. Và bởi thế, mọi mối tình đều dần tàn lụi, tắt ngấm. '...Từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ... Ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa...' Không ai có lỗi. Chỉ có điều sống thật khó. Từng ngày rời rã, từng ngày hoang mang. '...Màu nắng hay là màu mắt em... Mùa thu mưa bay cho tay mềm... Chiều nghiêng nghiêng bóng nắng qua thềm... Bàn tay xanh xao đón ưu phiền... Ngày xưa sao lá thu không vàng... Em qua công viên bước chân âm thầm...' Là thật đấy, rất thật, mà vẫn như là hoang tưởng giữa những ngày rất nhiều sự kiện, kì quặc và buồn thảm ấy. '...Ngọn gió hoang vu thổi suốt xuân thì...' Thầm thì cùng Khánh Ly, bao giờ Ngân cũng kinh ngạc. Người nhạc sĩ ấy đã sống thế nào trước đó, ở một miền đất với Ngân cho đến bây giờ vẫn là một miền đất lạ để viết nên bài ca đó. Như là cho cả thế hệ Ngân sau này, ở một miền khí hậu khác, với một nhịp sống khác. Ngân đã không thể nghĩ về Phan như cũ, nhưng không bao giờ Ngân tiếc nữa. Có lẽ mọi sự sẽ không thể là như thế nếu giữa hai đứa đã có một chút gì, một ước thề, chẳng hạn. Nhưng đã không hề có một điều gì như thế, cũng như không một lần triu mến nắm tay, cũng như không một lần nói lời gì tựa tựa như thương mến. Sau này, nhiều lần Ngân gặp lại Phan. Và cũng như với Việt, không bao giờ câu chuyện dài xưa được nói lại. Nhưng cái cảm giác hiểu nhau đến tận cùng, đến độ như thể chẳng hề trôi qua khoảng đời vừa bình thản vừa run rẩy tin yêu ấy thì vẫn còn lại đó, mặc dù Ngân rồi sẽ dần quen chấp nhận cái hữu hạn của con người. Sự lặng im đầy cẩn trọng của Phan, với Ngân, như một lời xin lỗi, xin lỗi khát khao xưa, đã vô tình để cho Ngân hiểu Trịnh Công Sơn, theo một cách nào đó. Người nhạc sĩ ấy đã đến và ở lại trong trí nhớ khắt khe của thành phố này, của Ngân, không phải bằng những bài ca phản chiến, không phải bằng tình ca viết cho một người con gái tuổi tên nào. Rất mỏng và rất nhẹ, mà dai dẳng, đầy ám ảnh là những bài ca Trịnh viết dường như cho chính mình, như về chính mình, kể sau này cuối đời sắp về lại nơi cuối trời còn tự dặn 'đừng tuyệt vọng tôi ơi đừng tuyệt vọng.' Câu ấy, ở tuổi xuân thì bọn Ngân không tự biết để mà nói. Cũng chưa có để mà hát. Nhưng đã sống nó một cách vô thức, bởi dù sao thì vẫn không thể chết, vẫn muốn biết '...ta là ai mà còn nghe dấu lệ... ta là ai mà còn trần gian thế...' Ta là ai? '...Ôi áo xưa lỏng lẻo đã xô dạt trời chiều...' sao vẫn thiết tha thương nhớ, như vẫn nhớ thương niềm vui hiếm hoi buổi sáng năm học cuối cùng ở ngôi trường ấy, gió đầu hè mát rượi đưa từ phố xa vào lớp học lời ca làm rung lên trong cả lũ con gái con trai mười bảy mười tám tuổi một cái gì mệnh mang không thể đặt tên, tuyệt vời, diệu vợi. '...Gọi nắng trên vai em gầy đường xa áo bay... Gọi cho nắng chết trên sông em dài... Gọi tên em mãi suốt cơn mê này... Đời xin có nhau... Áo xưa dù nhau cũng xin bạc đầu gọi mãi tên nhau...' Không có những gian nan của thời hậu chiến, mà trước hết, không có cái hoang mang bất buộc chứ không phải là bất chợt, chứ không phải là vì rùng mớ bởi chuyện trầm tư của những ngày sống ấy, khi người ta luôn phải cúi nhìn hốt thẩn giữa những điều trông thấy nghe thấy, chưa chắc Trịnh Công Sơn ở lại được với thành phố kiêu bạc này, như đã. Cũng như nếu không phải là Khánh Ly ma mị, rã rượi mà không suorút suorút, quạnh quẽ cơ hồ lãnh cảm, cứng cáp mà tan hoang, như đang lục lợi chính tâm hồn mình, đã chắc gì ngay lập tức... Thành phố này từ ấy có thêm một nỗi yêu thương: Trịnh; có thêm một nỗi

nhớ: Trịnh Công Sơn. Giá không phải là như thế! Khi những thế hệ sau vẫn cứ luôn phải soi bóng mình, vẫn phải đau đớn vì đời im vắng, vẫn thấy dường như nỗi lòng mình đang được hát ca trong nhạc Trịnh, vẫn tìm tới Trịnh Công Sơn không phải như tìm tới một quý báu còn đọng lại thì điều đấy chỉ có nghĩa là cuộc sống không có đời đời, như lẽ ra phải thế. Trịnh Công Sơn không nói hộ ai điều gì, không gửi gắm gì ai điều gì. Trịnh làm thức dậy trong mỗi người cái điều bao lâu rồi bị nén bẹp dí, là ý thức về phía sâu khuất của mình và cuộc đời, để có thể níu vào chính mình mà sống tiếp, khi miền man thẳm thì rên siết một nỗi hoang mang, khi day dứt mãi nỗi phù du tuyệt kỳ của kiếp. '...Ôi cát bụi tuyệt vời...' Ai biết sỏi đá không đau?

... Mãi mãi về sau này, rất nhiều khi Ngân còn bàng hoàng ngỡ trong lồng ngực mình vẫn đập mãi trái tim mười sáu tuổi. 'Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi... Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt...' Lời ca réo gọi, nhắc mãi, rứt mãi về tuổi thiếu nữ hoang vu ấy. Chi hiểu rằng Trịnh ám ảnh còn hơn một tình chung. Và cay đắng. Sẽ không bao giờ, không có ai đạt tới được nỗi cô đơn ấy của người nghệ sĩ ấy. Trịnh bắt mỗi người phải nhìn cho ra đỉnh cô đơn của chính mình. 'Đâu là đỉnh cô đơn của mình?' Lần đầu tiên hiểu ra rằng Trịnh không phải là tri kỷ của ai ngoài Trịnh, và mình, cũng chỉ mình là tri kỷ của mình thôi, Ngân kinh hoàng. Ngày Trịnh mất, Ngân đã ở rất xa những buổi chiều nắng thủy tinh nơi quê nhà. Đi rồi... Tưởng rằng được quên thương nhớ... Mà không! '...Lòng thật bình yên mà sao buồn thế...' Nghe nói đám tang Trịnh là một đám tang huyền thoại, với cả biển người đưa. Nghe nói, người ta đồng thanh nhạc Trịnh trước nấm mồ chưa lấp. Nghe nói, có cả đoàn tăng ni đã đến nghiêng mình trước linh cữu Trịnh và xin hát gửi theo linh hồn gió nhẹ ấy 'Một cõi đi về'. Bài hát từ đó được người Sài Gòn coi là 'Chùa ca'. 'Mình sẽ hát thăm bài gì vào lúc ấy?' Chọn lựa này khó biết chừng nào. 'Tại sao mình không thể xúc động như bao người?' Ngân tự hỏi, tự hỏi. 'Liệu mình có đi viếng Trịnh nếu như có thể?' Nhưng ngay lúc tự hỏi mình như thế, Ngân đã biết rằng mình sẽ lại xử sự một cách không bình thường trong mắt bạn bè, quá ư là bình thản, y như năm nào những Nguyễn Tuấn những Lưu Quang Vũ mất. Họ đã sống một cuộc đời không bình thường, với những đau đớn và vui sướng không thường, với những hi vọng và tuyệt vọng cao vút sâu hút. '...Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi... Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt... Đường chạy vòng quanh một vòng tiêu tụy... Một bờ cỏ non một bờ mộng寐...' Giờ họ không còn phải than van vì đôi vầng nhật nguyệt trên vai cùng những day dứt của cõi sống hư hao này. Giờ họ được bước thẳng vào cõi chết. Nơi đó chắc có màu bình an sương mù. Sao không để cho họ nhẹ nhàng đi vào cõi ấy. Những lập lờ rục rờ, những thống thiết trong lễ tưởng niệm bây giờ và và vui vẻ (chắc chắn) trong những lễ kỷ niệm năm năm mười năm hai mươi năm họ mất có phải dành cho người đã khuất? Chắc chi...
Trích từ 'Gió của thời khuất mặt'

Không nhìn một hướng

Hai mươi ba hôm sau H. đi hẳn. Trong hai ba hôm ấy, hôm nào chúng tôi cũng thèm nhau. Tôi gầy rộc, mệt lử. H. cười tôi tham lam quá độ, nhưng tôi biết H. cũng vậy. H. bảo sẽ thiếu tôi và tiếng đàn. Tiếng đàn tạo thêm kích cỡ cho tôi.

H. bảo giữa tháng em đi. Tôi tò mò đi đâu nhưng chẳng hỏi. Thật ra vấn đề nằm ở câu hỏi đi với ai. Nhưng tôi không hỏi, không vì ý thức tự trọng mà vì sự an toàn cá nhân. Không có thỏa thuận gì trong cuộc sống chung này. Ngay từ đầu đã vậy. Tôi và H. như hai cái lá tấp vào nhau. Khô, thì một hơi gió cũng đủ xoáy lên lời về hai ngã. Ướt, thì dính tịt, cùng mủn vữa. Mà cũng không phải vậy. Như chó người ra mùi chó mèo người ra mùi mèo, gặp nhau, khói mịt mù đen đổi màu tít mù các đôi rậm rịt, tự dưng ngán, ngồi xuống, nói đôi lời, cốc ai người đó uống không cần nêm

câu thiếu chủ ngữ ý gì gì. Thêm một lần gặp nhau. H. hỏi anh về chỗ em hay em về chỗ anh chỗ anh có vẻ rộng hơn. *O. K. Minh sẽ bàn tiếp chi phí chung. O.K em yêu. Có yêu không hỏi để làm gì, thế này đủ dễ chịu. Ở chung, chẳng phải từ bỏ cái gì, chẳng phải nhận thêm thiên hạ sự gì, chỉ chia đôi tiền nhà, chia đôi việc, những việc vẫn phải làm hàng ngày cho chính mình. Hay ! Mà đêm lại có chấn 37 độ. Có thêm hơi thở giọng nói tôi không ham lắm. Đêm đánh răng sáng dậy hắt hơi còn chả chịu được mùi của chính mình nói gì mùi kẻ khác. Giọng thì một cái ti vi là đủ dùng. Nhưng mà hơi ẩm của mông lưng bụng ngực vân vân, mông lưng cuống quýt, và sau đó, còn hơn là leo ngược mười tầng nhà ngủ không còn biết mộng寐 trần trọc âm lạnh đất trời tinh người...*

H. bảo em phải dọn dẹp. O.K. Từ thế nằm này từ cái góc đi vắng này nhìn mông H xoay lác dưới cái áo tơi lũng thùng trong các động tác dọn dẹp là một hiểm họa tuyệt diệu và tôi phải lật mình nằm sấp. Nằm sấp trước ti vi thật khó chịu cho cổ và lưng. Và cả ánh nắng chói lòa vì tuyết phủ này nữa. Giá mà mùa hè này có thể trở về có thể đi biển nằm ngửa nhìn sao trên mặt cát còn hơi nắng. Vào tuổi mười chín bực bội vì một đứa con gái cùng bày tôi đã nằm như thế đã... Sao biển sáng và sắc. Mây biển đen và nặng. Tôi mệt lử khi nhớ cái hông hẹp bó trong mảnh vải đồ hực của đứa con gái, nhớ mình đã phải nhảy bổ vào sóng như thế nào. Tưởng như xương sống bị rút. Phún thạch phụt thẳng và tôi đã trừng trừng nhìn đúng một ngôi sao vào đúng lúc đó.

Ja ja xin chờ một chút... Anh yêu !

Rồi tháng sau H. dọn nhà đi và chúng tôi còn xưng hô như thế này hai mươi ba ngày nữa. Vâng ông là... A hóa ra... Trời sao tôi chả biết gì vâng vâng đi làm về tôi có thói quen đi Sauna về thường muộn... Vâng một phút nữa tôi thay đồ lên ngay.

Ông ấy là ? H. hỏi. H. hỏi ông cụ trên ấy chết rồi sao. Tôi không biết H. có nghe được câu trả lời không khi đập cửa hơi bị mạnh. Nói chung những cử chỉ lời nói bình thường giờ rất dễ bị hiểu lầm là bất thường là hàm ý là làm phiền nhau. Ngay cả bây giờ, tôi tự hỏi, nếu mình yêu H. thì có nên ngỏ lời không có nên để H. băn khoăn khi vẫn tiếp tục dọn nhà.

Căn hộ tầng trên nửa quang quẻ nửa tan hoang. Thảm mới nhưng loang lổ toàn vết bẩn. Tường cũng toàn vết tay lần sờ. Niềm thương cảm bắt chợt dấy lên trong lòng tôi. Nhưng không phải là thương hai con người vừa ra khỏi ngôi nhà chung này mà là thương những con người khốn khổ vì tàn tật. Anh ấy có khả năng của lãnh tụ chúng tôi, anh ấy có thể có một tình thương bao la nhưng không phải dành cho con người cụ thể như chúng ta. Người đàn bà trước H. đã tươi cười nói vậy trong một buổi party ở hăng. Đây là lí do tôi ra khỏi đời cô dù rằng tôi đã có ý định cầu hôn, không phải vì điều cô đã nói nhiều lần, mà là vì cô đã nói như thế ở nơi ấy. Bình thường cô nói điều đó một cách tức tối chứ không tươi cười. Tôi thích vẻ thành thật đó. Cô đã về nước và tôi không biết gì thêm về cô. H. có vẻ không tin khi tôi nói quên rồi trước tất cả những câu hỏi ngược quá khứ. Tại sao lại còn hỏi khi đã nhanh nhẹn đến với nhau như vậy ? Tôi tự hỏi, nhưng chưa hỏi H. bao giờ

Còn lại một số đồ gỗ và máy móc gia dụng trong bếp trong nhà tắm. Người đàn ông chia cho tôi một chai bia : Vì linh hồn người đã chết. Vì ông bác của tôi.

Người đã chết là bà cụ. Chết ở tuổi 76, vì tình. Liệu có người đàn bà nào ở thời này còn muốn có một kết thúc lãng mạn đến thế. Hai ông bà già ở căn hộ ngay trên căn hộ của chúng tôi. Hầu như đi đâu về tôi cũng gặp ông già, không đang lọ mọ lấy mấy chai bia dưới tầng hầm thì lại trấn cửa chào hỏi tất cả mọi người ngay từ khi người ta mới ngoặt vào cổng. Phải tới cả tháng chào hỏi nhau tôi mới nhìn ra ông già mù. Thảo nào. Cái cười ngơ ngơ và cái tai thính đặc biệt ở tuổi đó.

Bà già thì thường chờ taxi trước cửa. Một anh lái taxi quen khi chở tôi về đã lâu nhàu. Tiền thuế của chúng ta được bà hàng xóm của anh tiêu hàng ngày đấy. Tôi không hiểu tại sao đã mù như thế mà bà ấy rất thích đi chơi xa. Không tuần nào tôi không chở bà ấy đi đây đó. Bà cụ thích nhất là tới những pháo đài lâu đài nổi tiếng. May mà vùng chúng ta đang ở cũng lắm nơi để dân du lịch tới nhìn ngó. Lần nào cũng như lần nào, xuống xe lần dò tới gần đám người du lịch rồi đứng ngong ngóng đó, cười.

Cũng là một cách chơi. Tôi thì thích đi tham quan từ cái chỗ nằm dễ chịu trên đi vắng hơn. Không phải lúc nào cũng có H. bên cạnh để ôm để vầy vẩn. Nhưng khi xong việc, việc cuối cùng H làm sẽ là ngồi trong toalet đọc tiểu thuyết, rồi đứng lên đánh răng nặn mụn xoa kem và ra sà xuống bên cạnh tôi. Như một phần xạ có điều kiện. Tôi không biết cái gì là điều kiện, chương trình ti vi, giờ ngủ, hay là bàn tay tôi sẽ lùa xuống chiếc áo ngủ rộng và ngắn của H, luôn lên trên một chút nơi xương cụt và H. sẽ rùng mình. Chỉ biết ở tôi cũng hình thành một phần xạ có điều kiện khác. Bao giờ tôi cũng ngửi ra mùi phân tươi thoang thoang theo bước chân của H. và tôi thường ngả người cười âu yếm để tạo một khoảng cách trong khi bàn tay lùa luôn.

Bộ bàn ghế thể mà nặng. Còn tốt nhưng đầy vết ố, của bia rượu của vật dụng nóng đặt lên trên. "Anh có cần cái gì không thì lấy đi. Ông bà già mới dọn về đây có hơn hai năm, xã hội mua toàn đồ mới cho đấy. Tôi định khâu cái máy giặt với cái bếp về tổng xuống Keller ai cần thì sẽ cho. Hai ông bà cụ mù, chỉ có người giúp việc mới thỉnh thoảng động đến cái bếp. Nấu nướng gì mấy đâu. Anh nhìn xem, mới nguyên." Người đàn ông nói, thờ dài rồi cười. "Ai có ngờ ông bác tôi lãng mạn đến thế này. Giết người chỉ vì ghen."

Em yêu, có chuyện để kể cho em để bàn luận với nhau trong những ngày sống chung cuối cùng đây. Tình yêu và thù hận. Chúng ta chia tay không thù hận phải không... Bất chợt tôi choáng người : Ta đã từng yêu chưa ?

Rồi vài ba hôm nữa H. đi. Rồi thì tôi cũng phải lo thu dọn căn hộ của mình như thế này. Sau một khoảng sống chung tôi thường rời bỏ nơi sống chung đó. Chẳng vì đau buồn bực bõ gì. Chỉ là tôi thích bắt đầu một đoạn đời mới ở một nơi mới tinh không thể tìm lại được nhau. Sẽ có người nào nhìn vào những đồ đạc những vết tích trên tường dưới nền để đoán ra những gì đã đổ vỡ đã phai tàn. Mà thật ra chẳng có gì đổ vỡ hay phai tàn giữa chúng tôi, bởi vì ngay trong cung cách bắt đầu chúng tôi đã ngầm thỏa thuận cách kết thúc.

Không như hai cụ già vừa giết nhau này. Hai con người gần như cả cuộc đời là một sự chấp nối những ngày dài trong viện điều dưỡng dành cho người tàn tật với những khoảng thời gian ngắn ngủi ra sống riêng với một người yêu nào đó. Cứ như lời người đàn ông kể thì trong cuộc đời mù lòa toàn phần của mình bà cụ có bốn người đàn ông trước khi gặp ông bác của ông ta. Bốn người đàn ông đó không phải tất cả đều mù. Họ đã sống rất hạnh phúc với nhau cho đến khi cuộc sống chung giữa hai kẻ mất mờ chân chậm trở thành nguy hiểm cho chính họ. Thường thì là vì một người quá ốm hoặc quá già và người kia bất lực trong việc chăm nom cho bạn tình. Người đàn ông chia cho tôi cái búa : "Đập gãy đi anh, cho vừa cầu thang máy lát nữa bê xuống nhà dễ. Chúng ta chia tay nhau đơn giản là vì không muốn ở với nhau và tự tin rằng một mình mình cũng có thể làm nên một cái gì đấy. Còn họ, họ luôn phải chia tay vào đúng cái lúc thiết tha với nhau nhất cần đến nhau nhất. Kể cũng sợ. Tôi có bà vợ thứ hai cưới nhau cũng hơn mười năm. Ở nhà thì phát ngán lên vì bà ấy nói nhiều quá mà bà ấy vào viện mấy hôm cũng mất ngủ đấy anh ạ. Có bao nhiêu đồng hồ trong nhà tôi phải tháo pin ra bằng hết." Tôi cười. Người đàn ông cười. Căn hộ trống khuyếch đại tiếng cười làm chúng tôi giật mình. Dù sao thì ở đây từng có một vụ giết người, từng có một người ra khỏi nơi đây trong bộ dạng của một cái xác không đẹp và một người lần đầu tiên không phải sờ soạng, có người dắt dẫn thì đi từ đây vào trại giam. "Còn giấy dán tường có phải...". Tôi hỏi. Người đàn ông ngoái cổ "Có nhưng tôi sẽ làm sau. Cô bạn của anh chắc sẽ không bằng lòng nếu tôi giữ anh lại chỗ này quá lâu. Hình như anh chị cũng đang chuẩn bị chuyển nhà ? Ờ vâng, anh xem trên tường có cái khung tranh khung ảnh gì thì gỡ nốt cho tôi để tôi quăng nốt."

Tôi đi rào qua mấy căn phòng. Lại có thể có tranh ảnh ở nhà người mù sao? Giật mình. Có. Một tấm duy nhất, treo ngay trên chỗ máy tiếng trước còn là cái giường đôi. Sao lúc này tôi đứng phá giường ngay đây mà không để ý nhỉ ? Ông cụ bà cụ kề vai, đầu hơi nghiêng về nhau, hai đôi mắt mù nhìn về hai hướng, nụ cười đại đại ngượng ngùng. Tôi không biết ông bà già nghĩ gì khi đưa nhau đi chụp ảnh kỉ niệm thế này. Và cái thằng thợ ảnh nghĩ gì khi nó bấm máy. Nhưng tôi tưởng như thấy đôi tình nhân già ngồi cứng đờ trên ghế, những ngón tay run rẩy lần tìm nhau trong ánh sáng choang của studio, cơ mặt giật giật vì độ nóng của làn sáng bất thường. Họ đã chụp tấm ảnh này vào thời điểm nào trong cuộc tình già của họ. Lúc mới quen

nhau trong viện điều dưỡng hay lúc đã ăn ở với nhau đến mức quen hơi bén tiếng đến mức có thể nổi cơn ghen. Hay thật. Tại sao cái trạng thái hưng phấn tuyệt diệu ấy chẳng bao giờ đến với tôi. Họ đã mong mỗi những gì ? Khi biết kết cục sẽ lại là chia biệt. Chia biệt, trong tuổi của họ, trong đời sống buồn tẻ khác thường của họ sẽ là những ngày mòn còn lại, là cái chết. Chắc họ tiên liệu được hết, trừ kiểu chết của bà cụ như vừa rồi.

Kì cục. Người đàn ông cầm tấm ảnh quảng thẳng vào cái thùng các tông to tướng đã gần đầy đồ đạc vật vãnh giờ biến thành rác rưởi. *Anh có thấy kì cục không ? Ông bà cụ sống với nhau 8 năm, giờ ông cụ 82 tuổi và ngồi trong trại tạm giam vì giết người vì ghen. Ghen với một ông cụ rất dễ thương vẫn chờ người yêu của bác tôi trở về viện điều dưỡng. Tôi không biết ông bác tôi nghĩ gì. Ông ấy từng đã có một thời trai trẻ, từng biết thế nào là nhan sắc. Vâng vâng cụ không bị mù bẩm sinh, chỉ từ chiến tranh thế giới thứ hai.*

Tôi đi xuống cầu thang trở về căn hộ của mình. H. đã dọn gần xong đồ, đang nhặt nhanh nốt mấy khung ảnh nhỏ trên piano. Cái áo đàn ông mở đến mấy khuy trễ một bên vai. Vạt áo bên cao bên thấp để lộ đôi chân gầy. Tôi biết bên dưới vạt áo đó là đôi mông nàng trần truồng lạnh lạnh. Tôi đi vào nàng, cuồng dại. H. đau, nhưng đột nhiên nàng mềm mại lại, đầm đìa. Nàng cúi người. Một bàn tay chống xuống phím đàn. Tôi dồn dập theo những hợp âm khốc liệt.

Hai mươi ba hôm sau H. đi hẳn. Trong hai ba hôm ấy, hôm nào chúng tôi cũng thèm nhau. Tôi gầy rộc, mệt lử. H. cười tôi tham lam quá độ, nhưng tôi biết H. cũng vậy. H. bảo sẽ thiếu tôi và tiếng đàn. Tiếng đàn tạo thêm kích cỡ cho tôi.

Tôi không kể cho H. về tấm ảnh. H. hoàn toàn không biết vì sao tôi thèm nàng. Mà chính tôi cũng không biết. Chẳng lẽ lại chỉ vì như thế, vì một tình cảm có thật, đơn giản, tầm thường, tội nghiệp, điều tôi không có và vẫn nghi ngờ.

Nguyễn Mộng Giác

Rồi sẽ có một ngày, anh, nhà nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam đương đại, sẽ không phải ngần ngại quay trước quay sau khi thừa nhận sự tồn tại của dòng văn học Việt ở nước ngoài, đề cao những giá trị nó mang lại cho sự phát triển của chữ nghĩa Việt. Hiện thực ấy khi anh đề cập sẽ được tranh cãi, nhưng trên bình diện học thuật chứ không phải chỉ trên những bình diện ngoài khoa học văn chương.

Anh sẽ xúc động không chỉ vì những trang, những dòng, những tác phẩm dài ngắn. Muốn hiểu tất cả, không thể nào khác hơn, anh phải biết và xúc động trước khao khát, trì chí nuôi nấng chữ nghĩa Việt nơi quê người, của những người ngày ra đi không nghĩ mình sẽ có một ngày về.

*

Vậy thì anh sẽ dành cho ông một đánh giá như thế nào?

Một trong những người giữ lửa âm thầm của chữ nghĩa Việt bên ngoài nước Việt bằng những hoạt động báo chí cần mẫn?

Một tác giả của những tác phẩm dài hơi đáng kể trong văn học Việt đương đại, không giới hạn ở văn học Việt ngoài nước?

Tôi nói dài hơi, không phải vì độ dày đáng nể của các tác phẩm được gọi là trường thiên tiểu thuyết. Những tác phẩm mà ở đó người ta thấy rõ nhất dung mạo nghệ thuật của kẻ sinh thành. Cái ràng nít ông nhiều nhất, cũng là cái để lộ rõ nhất nội lực sáng tạo của người viết này là cảm hứng lịch sử. Mà phải là những thời kì bão nổi. Thì hãy đọc chậm tên mấy tiểu thuyết của ông: Sông ... mùa lũ; Mùa biển... động. Rất nhiều thú vị khi ta lần ngược từ tên tác phẩm đến tác giả. Có lúc có cảm giác đứng trước một cánh cửa đã mở. Nhiều khi không biết thêm gì. Như trong trường hợp này.

*

Cái ông mê sông biển và những mùa bão táp này bề ngoài lành đến phát ngại lên được. Chín chu, mực thước, thư thái, ông làm cho tôi trong một lần gặp gỡ duy nhất suốt mười năm quen biết qua những bức thư lang thang trên trời có cảm giác mình lại ngồi trước một ông thầy. Câu chuyện chữ nghĩa với ông không có những gút mắc để có thể cười phá lên mà lan man, chậm rãi trên từng ý tưởng. Ông không phải chai Coca có thể dốc tuột cho đã khát, ông như phin cà phê rỏ từng giọt nhỏ nhỏ, sốt ruột thì không thể biết được cái vị đúng độ của đắng và nóng. Nói chuyện với một người như thế mà dám bảo người ta rằng tác phẩm viết trước của ông lớn hơn tác phẩm viết sau thì kể có quá bất nhã. Kể bất nhã là tôi mười năm trước. Khi lần đầu đọc *Sông Côn mùa lũ*.

Phải nói ngay rằng *Mùa biển động* hấp dẫn hơn, dễ đọc hơn, cuốn hút hơn, vì các sự kiện được tái thẩm định còn phòng căng tính thời sự. Sức hút của *Mùa biển động* được tiếp viện từ lịch sử còn nóng hổi, từ đời sống riêng đầy thăng giáng của mỗi người, mỗi gia đình Việt Nam trong khoảng lịch sử bi thảm ấy. Bi thảm, bởi như một người Việt Nam chúng ta không thể rạch ròi phân định thắng thua bằng cách đếm xác hay đếm súng. Đời sống ấy là đất sống của văn chương.

Mỗi nghệ sĩ sẽ đứng chân trên đời sống ấy theo cách của mình.

Văn học giải phóng (theo cách phân định chính thống) có một tác phẩm một thời được say mê, viết về một thời điểm được mô tả trong *Mùa biển động*. *Dòng sông phẳng lặng*, của Tô Nhuận Vĩ. Tôi cũng từng mê. Có chút gì đấy, chẳng biết có Huế rặc không, nhưng rất khác lạ ở cuốn sách này. Đam mê mà lặng lẽ, dịu dàng mà dữ dội, tác phẩm ca hát về những ngày khói lửa ở thành phố này gần bốn mươi mùa xuân trước. *Mưa lâm thâm như một lời nói thầm xao xuyến*.

Đoàn quân đi về phía ngoại ô. Đêm kinh thành đứng hiên ngang trong lửa – ta thêm yêu người biết mấy Huế ơi... Giọng ai run run trong đoàn quân đang bước. Lãng mạn và bi tráng biết bao nhiêu. Chúng tôi, những người trẻ sinh ra lớn lên trên miền Bắc, tuổi nhỏ hui hút nơi làng quê sơ tán ngày chiến tranh được nuôi dưỡng bởi những hiện thực như thế này. Không hề biết một hiện thực khác đang xảy ra ngày ấy, ở thành phố ấy. Và bây giờ, nhớ lại, tôi ngờ chính người viết những trang văn một thời được say mê kia cũng không tin có một hiện thực khác hiện thực mà ông mô tả. Chữ không đánh lừa được con người. Chỉ cần một giọt hoang mang thôi, hiện thực không thể nào có lửa để thúc hối người đọc như thế.

Kể, để biết *Mùa biển động* đã gây một cơn choáng phản vệ trong tôi như thế nào!

Đây là tôi đã có những thông tin phi chính thống về mùa xuân 1968 tại Huế.

Đây là tôi đọc *Mùa biển động* giữa những ngày tuyết đổ.

Nếu người đọc ở Việt Nam được đọc tác phẩm này! Trong điều kiện mới chỉ biết hiện thực từ một phía!

Đây là một giả định thiếu cơ sở. *Mùa biển động* bao quát một khoảng thời gian lịch sử nhạy cảm nhất thời hiện đại. Ai có thể cho phép xuất hiện công khai một sự thẩm định quá khứ gần xệu định hướng chỉ bởi hiểu biết và chính trực, dù là trong văn chương như thế này, trong khuôn khổ Việt Nam ta, từ cái phía chỉ mới mấy năm trước mới được phong là Việt kiều yêu nước! Xuất hiện không có nghĩa là được thừa nhận. Nhưng văn chương đảng hoàng có thể làm bật ra những câu hỏi không phải phép, đáng ngại với quyền lực ngay cả trong những xã hội dân sự đảng hoàng.

Còn quá khứ xa?

Như một *Chiến tranh và hòa bình* của Việt Nam, nếu có thể so sánh, *Sông Côn mùa lũ* có số phận khổ trước sướng sau. Khổ, bởi cảm hứng sáng tạo nó phải cạnh tranh với những buồn vui gạo tiền vụn mọn. Khổ, bởi tác giả phải tìm kế để công khai sự tồn tại bản thảo của mình, trong lúc mình tự xóa sổ mình bằng một chuyến vượt biển mù mờ lạnh dữ. Sướng, vì được nâng niu giữ gìn bởi một người đàn bà. Sướng, bởi tới được với người đọc nhờ sự liều mạng của một người đàn bà. Chữ nghĩa có thể tự hào khi được cân nhắc với đời sống thiết thân như thế này. Thú thực, nếu tôi ở vào địa vị người đàn bà kia, ngay cả nếu đó là tác phẩm của chính tôi, chưa chắc tôi dám đèo bồng theo cái bọc chữ to tổ bố này.

Sông Côn mùa lũ dường còn vì sinh ở xứ Trung kì Việt Nam nhưng lại khai sinh từ nước Mỹ, nơi mà nó không chịu sự kiểm duyệt nào ngoài sự khất khe của chính người viết. Và từ Mỹ, tác phẩm đánh đường quy cố hương. Như một giá trị của văn học Việt Nam hải ngoại, tác phẩm vừa được tái bản lại trong nước. Là một biệt lệ, nó dự báo một thông lệ: tác giả Việt không còn phải chia người đọc chữ Việt theo biên giới của Tổ quốc mình. Hồn cốt văn học Việt liệu có tốt tươi như một cái cây nhiều nhánh lắm rễ không đây? Ai có thể trả lời, ngoài những kẻ tự biết mình không ra khỏi vòng lụy cái thứ tiếng chỉ có chừng 80 triệu người trên thế giới này lấp bấp. *Sông Côn mùa lũ* không phải là sự tái hiện lịch sử theo cái cách bấy lâu người đọc dị ứng trầm trọng: viết tiểu thuyết lịch sử là *giã sử* (J). Tác phẩm dường như cũng không dừng tham vọng ở việc dựng chân dung một người anh hùng để lại dấu ấn sâu đậm bậc nhất trong lịch sử Việt Nam, người đuổi chúa Nguyễn chạy trốn chết và chỉ trở về được nhờ kẻ thù của dân tộc cả trăm năm lịch sử sau này, người đập đổ ngai vàng kết liễu cả một triều đại từng rất đổi oanh liệt, người đánh đuổi xâm lược phương bắc chạy không kịp lên yên ngựa, người đã dựng dậy uất khí của những người dân nghèo khổ thành sức mạnh khôn lường, khiến ai cũng biết lật thuyền dân như nước chảy mà vẫn bàng hoàng. Người, ta không biết nếu còn sống được vài mươi năm nữa thì lịch sử Việt Nam sẽ huy hoàng máu như thế nào.

Tôi vẫn không tự giải thích được đam mê cất nghĩa lịch sử ở nhà văn có vẻ ngoài rất mô phạm này. Ca ngợi phong trào Tây Sơn, ông không mới. Cảm thông sâu xa với người cần lao thừa đó trong việc vùng lên chống lại quyền lực vua chúa được đảm bảo từ trời, cũng vẫn chưa mới. Nhưng khi để lộ lòng xót thương những người nông dân vô danh trên đường thiết lập một trật tự mới, cũng là ổn định trị an cho một triều đại mới, nhưng khi soi sáng sự bất lực của những người áo vải trước bão táp mà chính họ dấy lên trong những năm đầu cai trị của chính quyền Quang Trung, ông đã để lộ trước người đọc một cái nhìn khác lạ, thông qua mắt nhìn của một kẻ mặt trắng lãng đăng giữa cơn bão táp. Cái nhìn ấy là cái nhìn nghệ sĩ, để mình bị thuyết phục bởi lịch sử sống động, nhưng không đứng hẳn được về phía quyền uy, ngay cả khi quyền uy đó được thiết lập bằng những con đường chính đáng, tất yếu.

Bởi quyền uy nào cũng không tự duy được bằng *lòng tốt nhỏ* *, kiêu lòng tốt vô bờ mà khất khe, không phổ biến, dường như chỉ là đặc sản của một tốp người ở mọi thời: nghệ sĩ.

Kẻ mặt trắng, không tài sản, không quyền lực, vì một mối ân nghĩa xưa mà bỗng chốc đứng giữa cơn cuồng phong lịch sử, thâm thấu nó, ghi nhận nó: Lãng. Giữ Lãng bên mình, người anh hùng áo vải Tây Sơn gắng giữ lấy cái phần người thường của chính mình. Lãng như là lương tâm một thời, giúp Nguyễn Huệ tự cân bằng giữa cơn bão mình tự dấy. Gạt bỏ Lãng, cá nhân lịch sử Nguyễn Huệ đã bước qua lằn ranh người anh hùng áo vải, thành kẻ chuyên chế.

Từ cái buổi day dứt mãi vì câu *cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu* tới lúc vẫn trong tư cách học trò giải thích cho ông thầy cũ về lẽ phải phá hết và xây mới để khỏi bị nhận chìm trong dòng lịch sử đang cuộn thành lũ, tới cái lúc gạt bỏ những bối rối tình nghĩa, giữ nguyên lời hịch kẻ tội vua anh trước lúc nã đạn vào thành Quy Nhơn, lấy mục đích rửa tội cho phương tiện, tới cái lúc thành công tột đỉnh, cấm diễn vở chèo Lúa, Nguyễn Huệ đã đi qua một chặng đường dài, vượt ra khỏi vòng tay bảo bọc lãnh đạo của Nguyễn Nhạc, bác bỏ triệt để chiến lược đánh chúa Nguyễn ít nhiều mang tính kẻ cướp theo mùa, đón đầu lịch sử, làm cuộc nhất thống vĩ đại và bảo vệ được sự nhất thống đó bằng một cuộc kháng chiến thần tốc, để rồi lại bị lịch sử túm đầu, dẫm bước vua anh. Lo ngại trước một biểu tượng anh hùng của những người dân cùng khổn mà chính mình từng tâm đắc, và đã từng là một phóng chiếu, là nỗi sợ quyền uy thất thoát, là sự tự biết tương quan mới thống trị và bị trị giữa mình và nhân dân, cũng là cái bước thế thời phải thế của những anh hùng thành danh và thành công. Tâm vóc Nguyễn Huệ phải được xác lập trong điều kiện lịch sử thời ông sống. Sự vĩ đại của ông là điều không phải bàn, như một người anh hùng áo vải. Điều đáng nói: Nguyễn Huệ còn hiện diện như một bạo chúa tiềm năng. Tư cách này của ông có vĩ đại không? Có! Không là một bạo chúa, trong những thời điểm lịch sử quyết định làm sao trưng dụng được sức dân. Phát hiện ra tư cách này của Nguyễn Huệ, lí giải được chiều hướng phát triển của nó bằng việc phân tích những vận động tự thân hoặc bị cưỡng chế của lịch sử, tác giả *Sông Côn mùa lũ* đóng được con dấu của riêng mình.

Vậy Nguyễn Huệ chết vào lúc nào? Như một con người mà nhân dân thời ông sống yêu mến, người anh hùng của chúng ta đã chết khi cấm giáo phurong diễn vở chàng Lía, vở tuồng mà chính ông đã gọi hứng sáng tác và vì nó ông đã phải đương đầu với vua anh Nguyễn Nhạc lúc đó chỉ muốn yên thân như một sứ quân. Như một vị vua của một triều đại báo hiệu nhiều biến đổi nhưng vẫn không vượt được khỏi vòng quy phạm phong kiến, cái chết yếu của triều đại ông tạo lập chỉ ít lâu sau ngày ông băng hà mới thực là cái chết của ông.

Mỗi tác giả khi cùng đi vào một đề tài lịch sử phải cho người đọc thấy một người anh hùng của riêng mình. Trong nghĩa đó, Nguyễn Huệ có nhiều biến thái về tính cách. Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Tường, của Chu Thiên đẹp về đẹp của nhân vật chính diện không phải bàn cãi, mang tính quy ước ít nhiều. Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Thiệp uy dũng có thừa mà tầm thường một cách khác thường, thành quái dị. Trần Vũ đẩy ra sân chơi chữ nghĩa một Nguyễn Huệ đầy ẩn ức và cũng vì thế mà không kém phần quái. Nguyễn Huệ ở *Sông Côn mùa lũ* không có sự chuyển đổi gay gắt giữa những nét tính cách phạm tục với phi phạm, tự xác định bằng khả năng tự nhận thức vừa sắc sảo vừa xảo quyệt. Cái vĩ đại ở người anh hùng phát triển từ một cái nền bình dị chưa thánh hóa hay quý hóa mà cái phần cao cả nhất, cũng là phần bình thường nhất của ông luôn được soi chiếu qua nhân vật đa cảm, trong trắng, khờ khạo, được hư cấu hoàn toàn: Lãng.

Tất cả là sự tái hiện lịch sử, nhưng tất cả cũng là hóa thân của một người: tác giả.

Nguyễn Huệ và Lãng, nhân vật nào là nhân vật tâm đắc nhất, nhân vật nào chuyên chở nhiều nhất ý thức về lịch sử của ông?

Ông giáo Hiến cha Lãng là người lót đường buổi dựng nghiệp của anh em Tây Sơn. Nhưng quan niệm về chữ *hành* của ông chưa bao giờ được anh em Tây Sơn thật lòng dung nạp. Sự bị thải hồi ở ông thật ra chỉ là bước tự đào thải, bởi lý tưởng ông muốn truyền bá thay vì phải là mục đích lại chỉ đóng vai trò như một phương tiện mang tính thời điểm của một phong trào lịch sử do những người đối lập với tầng lớp của ông đẩy lên. Vai trò của nhân vật này vì thế hoàn toàn khác vai trò của đứa con út: Lãng, trong quan hệ với người anh hùng áo vải. Lãng và Nguyễn Huệ, không biết phải vậy hay không, nhưng trong nhận cảm của tôi giống như hai nửa của một con người lịch sử phải có nhưng chưa bao giờ có. Hai nửa ấy đã có những thời kì đồng nhất, trùng hợp, dẫn dắt, ủng hộ nhau về mặt tinh thần. Nhưng rồi Lãng thất sủng. Đấy không hẳn là sự thất sủng rất thường xảy tới cho các sử quan. Cũng không phải là chuyện cũ lặp lại kiểu Câu Tiễn triệt hạ thủ túc một thời. Gạt bỏ Lãng là Nguyễn Huệ từ bỏ những giá trị sâu thẳm, miên viễn, chấp nhận quá trình tự tha hóa / bị lịch sử tha hóa.

Tôi thích kiến giải này về vị anh hùng dân tộc lớn bậc nhất, gần gũi bậc nhất trong lịch sử của chúng ta.

Chắc nịch ý tưởng, khả năng thăng hoa của tác phẩm nằm ở sức thuyết phục của quan niệm về lịch sử, về người anh hùng, về thiên hạ, hoàn toàn không phải ở chữ nghĩa xào diêu hay cấu trúc mới. Thật ra nếu cần phải giạt mình thì phải dừng ngay ở *Sông Côn mùa lũ* chứ không cần chờ tới *Mùa biển động*. Ở bản tụng ca này, tôi đọc thấy lời ngợi ca sức mạnh của những người áo vải, nhưng còn cả nỗi buồn vì sự tự tha hóa của biểu tượng anh hùng, hơi thở ngò vực quyền uy, lời chất vấn cá nhân lịch sử, là những điều hoàn toàn vắng bóng trong văn chương chính thống. Thiếu nội lực văn hóa, thiếu khả năng đa đoan với cuộc đời, khó mà trường hơi để viết trường thiên như thế này...

Nhất là viết mà biết không thể nào in.

Nếu không có quyết định ra đi một sống một chết.

Anh, người nghiên cứu văn học Việt Nam đương đại, hãy nói cho tôi biết tính chuyên nghiệp của nhà văn Việt Nam rút lại nằm ở đâu nhỉ? Sự lựa chọn thể loại? Khao khát cách tân và hòa đồng cùng thế giới? Hay giản dị là khả năng cặn mình cùng chữ của mỗi nhà văn?

Dù thật tình chữ lắm lúc chỉ mang thêm lụy.

19. 1. 2006

Berlin

Chân dung nhà văn

Rồi sẽ có một ngày, anh, nhà nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam đương đại, sẽ không phải ngần ngại quay trước quay sau khi thừa nhận sự tồn tại của dòng văn học Việt ở nước ngoài, đề cao những giá trị nó mang lại cho sự phát triển của chữ nghĩa Việt. Hiện thực ấy khi anh đề cập sẽ được tranh cãi, nhưng trên bình diện học thuật chứ không phải chỉ trên những bình diện ngoài khoa học văn chương.

Anh sẽ xúc động không chỉ vì những trang, những dòng, những tác phẩm dài ngắn. Muốn hiểu tất cả, không thể nào khác hơn, anh phải biết và xúc động trước khao khát, tri chí nuôi nấng chữ nghĩa Việt nơi quê người, của những người ngày ra đi không nghĩ mình sẽ có một ngày về.

*

Vậy thì anh sẽ dành cho ông một đánh giá như thế nào?

Một trong những người giữ lửa âm thầm của chữ nghĩa Việt bên ngoài nước Việt bằng những hoạt động báo chí cần mẫn?

Một tác giả của những tác phẩm dài hơi đáng kể trong văn học Việt đương đại, không giới hạn ở văn học Việt ngoài nước?

Tôi nói dài hơi, không phải vì độ dày đáng nể của các tác phẩm được gọi là trường thiên tiểu thuyết. Những tác phẩm mà ở đó người ta thấy rõ nhất dung mạo nghệ thuật của kẻ sinh thành. Cái ràng níu ông nhiều nhất, cũng là cái để lộ rõ nhất nội lực sáng tạo của người viết này là cảm hứng lịch sử. Mà phải là những thời kì bão nổi. Thì hãy đọc chậm tên mấy tiểu thuyết của ông: Sông ... mùa lũ; Mùa biển... động. Rất nhiều thú vị khi ta lần ngược từ tên tác phẩm đến tác giả. Có lúc có cảm giác đứng trước một cánh cửa đã mở. Nhiều khi không biết thêm gì.

Như trong trường hợp này.

*

Cái ông mê sông biển và những mùa bão táp này bề ngoài lành đến phát ngại lên được. Chín chu, mực thước, thư thái, ông làm cho tôi trong một lần gặp gỡ duy nhất suốt mười năm quen biết qua những bức thư lang thang trên trời có cảm giác mình lại ngồi trước một ông thầy. Câu chuyện chữ nghĩa với ông không có những gút mắc để có thể cưỡi phá lên mà lan man, chậm rãi trên từng ý tưởng. Ông không phải chai Coca có thể dốc tuột cho đã khát, ông như phin cà phê rõ từng giọt nhỏ nhỏ, sốt ruột thì không thể biết được cái vị đúng độ của đắng và nóng. Nói chuyện với một người như thế mà dám bảo người ta rằng tác phẩm viết trước của ông lớn hơn tác phẩm viết sau thì kể có quá bất nhã. Kể bất nhã là tôi mười năm trước. Khi lần đầu đọc *Sông Côn mùa lũ*.

Phải nói ngay rằng *Mùa biển động* hấp dẫn hơn, dễ đọc hơn, cuốn hút hơn, vì các sự kiện được tái thẩm định còn phòng căng tính thời sự. Sức hút của *Mùa biển động* được tiếp viện từ lịch sử còn nóng hổi, từ đời sống riêng đầy thăng giáng của mỗi người, mỗi gia đình Việt Nam trong khoảng lịch sử bi thảm ấy. Bi thảm, bởi như một người Việt Nam chúng ta không thể rạch ròi phân định thắng thua bằng cách đếm xác hay đếm súng. Đời sống ấy là đất sống của văn chương.

Mỗi nghệ sĩ sẽ đứng chân trên đời sống ấy theo cách của mình.

Văn học giải phóng (theo cách phân định chính thống) có một tác phẩm một thời được say mê, viết về một thời điểm được mô tả trong *Mùa biển động*. *Dòng sông phẳng lặng*, của Tô Nhuận Vĩ. Tôi cũng từng mê. Có chút gì đấy, chẳng biết có Huế rặc không, nhưng rất khác lạ ở cuốn sách này. Đam mê mà lặng lẽ, dịu dàng mà dữ dội, tác phẩm ca hát về những ngày khói lửa ở thành phố này gần bốn mươi mùa xuân trước. *Mưa lâm thâm như một lời nói thâm xao xuyên*. *Đoàn quân đi về phía ngoại ô*. *Đêm kinh thành đứng hiên ngang trong lửa – ta thêm yêu người biết mấy Huế ơi...* *Giọng ai run run trong đoàn quân đang bước*. Lặng mạn và bi tráng biết bao nhiêu. Chúng tôi, những người trẻ sinh ra lớn lên trên miền Bắc, tuổi nhỏ hui hút nơi làng quê sơ tán ngày chiến tranh được nuôi dưỡng bởi những hiện thực như thế này. Không hề biết một hiện

thực khác đang xảy ra ngày ấy, ở thành phố ấy. Và bây giờ, nhớ lại, tôi ngờ chính người viết những trang văn một thời được say mê kia cũng không tin có một hiện thực khác hiện thực mà ông mô tả. Chứ không đánh lừa được con người. Chỉ cần một giọt hoang mang thôi, hiện thực không thể nào có lửa để thúc hối người đọc như thế.

Kể, để biết *Mùa biển động* đã gây một cơn choáng phản vệ trong tôi như thế nào!

Đây là tôi đã có những thông tin phi chính thống về mùa xuân 1968 tại Huế.

Đây là tôi đọc *Mùa biển động* giữa những ngày tuyết đổ.

Nếu người đọc ở Việt Nam được đọc tác phẩm này! Trong điều kiện mới chỉ biết hiện thực từ một phía!

Đây là một giả định thiếu cơ sở. *Mùa biển động* bao quát một khoảng thời gian lịch sử nhạy cảm nhất thời hiện đại. Ai có thể cho phép xuất hiện công khai một sự thâm định quá khứ gần xệu định hướng chỉ bởi hiểu biết và chính trực, dù là trong văn chương như thế này, trong khuôn khổ Việt Nam ta, từ cái phía chỉ mới mấy năm trước mới được phong là Việt kiều yêu nước! Xuất hiện không có nghĩa là được thừa nhận. Nhưng văn chương đảng hoàng có thể làm bật ra những câu hỏi không phải phép, đáng ngại với quyền lực ngay cả trong những xã hội dân sự đảng hoàng.

Còn quá khứ xa?

Như một *Chiến tranh và hòa bình* của Việt Nam, nếu có thể so sánh, *Sông Côn mùa lũ* có số phận khổ trước sướng sau. Khổ, bởi cảm hứng sáng tạo nó phải cạnh tranh với những buồn vui gạo tiền vụn mọn. Khổ, bởi tác giả phải tìm kế để công khai sự tồn tại bản thảo của mình, trong lúc mình tự xóa sổ mình bằng một chuyến vượt biển mù mờ lạnh dữ. Sướng, vì được nâng niu giữ gìn bởi một người đàn bà. Sướng, bởi tới được với người đọc nhờ sự liều mạng của một người đàn bà. Chứ nghĩa có thể tự hào khi được cân nhắc với đời sống thiết thân như thế này. Thú thực, nếu tôi ở vào địa vị người đàn bà kia, ngay cả nếu đó là tác phẩm của chính tôi, chưa chắc tôi dám đèo bồng theo cái bọc chữ to tổ bố này.

Sông Côn mùa lũ sướng còn vì sinh ở xứ Trung kì Việt Nam nhưng lại khai sinh từ nước Mỹ, nơi mà nó không chịu sự kiểm duyệt nào ngoài sự khắt khe của chính người viết. Và từ Mỹ, tác phẩm đánh đường quy cổ hương. Như một giá trị của văn học Việt Nam hải ngoại, tác phẩm vừa được tái bản lại trong nước. Là một biệt lệ, nó dự báo một thông lệ: tác giả Việt không còn phải chia người đọc chữ Việt theo biên giới của Tổ quốc mình. Hồn cốt văn học Việt liệu có tốt tươi như một cái cây nhiều nhánh lắm rễ không đây? Ai có thể trả lời, ngoài những kẻ tự biết mình không ra khỏi vòng lụy cái thứ tiếng chỉ có chừng 80 triệu người trên thế giới này lấp bấp. *Sông Côn mùa lũ* không phải là sự tái hiện lịch sử theo cái cách bấy lâu người đọc dị ứng trầm trọng: viết tiểu thuyết lịch sử là *giã sử* (J). Tác phẩm dường như cũng không dừng tham vọng ở việc dựng chân dung một người anh hùng để lại dấu ấn sâu đậm bậc nhất trong lịch sử Việt Nam, người đuổi chúa Nguyễn chạy trốn chết và chỉ trở về được nhờ kẻ thù của dân tộc cả trăm năm lịch sử sau này, người đập đổ ngai vàng kết liễu cả một triều đại từng rất đổi oanh liệt, người đánh đuổi xâm lược phương bắc chạy không kịp lên yên ngựa, người đã dựng dậy uất khí của những người dân nghèo khổ thành sức mạnh khôn lường, khiến ai cũng biết lật thuyền dân như nước đầy mà vẫn bàng hoàng. Người, ta không biết nếu còn sống được vài mươi năm nữa thì lịch sử Việt Nam sẽ huy hoàng máu như thế nào.

Tôi vẫn không tự giải thích được đam mê cắt nghĩa lịch sử ở nhà văn có vẻ ngoài rất mô phạm này. Ca ngợi phong trào Tây Sơn, ông không mới. Cảm thông sâu xa với người cần lao thừa đó trong việc vùng lên chống lại quyền lực vua chúa được đảm bảo từ trời, cũng vẫn chưa mới. Nhưng khi để lộ lòng xót thương những người nông dân vô danh trên đường thiết lập một trật tự mới, cũng là ổn định trị an cho một triều đại mới, nhưng khi soi sáng sự bất lực của những người áo vải trước bão táp mà chính họ dấy lên trong những năm đầu cai trị của chính quyền Quang Trung, ông đã để lộ trước người đọc một cái nhìn khác lạ, thông qua mắt nhìn của một kẻ mặt trắng lãng đãng giữa cơn bão táp. Cái nhìn ấy là cái nhìn nghệ sĩ, để mình bị thuyết phục bởi lịch sử sống động, nhưng không đứng hẳn được về phía quyền uy, ngay cả khi quyền uy đó được thiết lập bằng những con đường chính đáng, tất yếu.

Bởi quyền uy nào cũng không tư duy được bằng *lòng tốt nhỏ* *, kiểu lòng tốt vô bờ mà khắt khe, không phổ biến, dường như chỉ là đặc sản của một typ người ở mọi thời: nghệ sỹ.

Kẻ mặt trắng, không tài sản, không quyền lực, vì một mối ân nghĩa xưa mà bỗng chốc đứng giữa cơn cuồng phong lịch sử, thâm thấu nó, ghi nhận nó: Lãng. Giữ Lãng bên mình, người anh hùng áo vải Tây Sơn gắng giữ lấy cái phần người thường của chính mình. Lãng như là lương tâm một thời, giúp Nguyễn Huệ tự cân bằng giữa cơn bão mình tự dấy. Gạt bỏ Lãng, cá nhân lịch sử Nguyễn Huệ đã bước qua làn ranh quy định người anh hùng áo vải, thành kẻ chuyên chế.

Từ cái buổi day dứt mãi vì câu *cửa nhà hầu nhân nghĩa thiếu gì đâu* tới lúc vẫn trong tư cách học trò giải thích cho ông thầy cũ về lẽ phải phá hết và xây mới để khỏi bị nhận chìm trong dòng lịch sử đang cuộn thành lũ, tới cái lúc gạt bỏ những bồi rối tình nghĩa, giữ nguyên lời hịch kể tội vua anh trước lúc nã đạn vào thành Quy Nhơn, lấy mục đích rửa tội cho phương tiện, tới cái lúc thành công tột đỉnh, cấm diễn vở chàng Lía, Nguyễn Huệ đã đi qua một chặng đường dài, vượt ra khỏi vòng tay bảo bọc lãnh đạo của Nguyễn Nhạc, bác bỏ triệt để chiến lược đánh chúa Nguyễn ít nhiều mang tính kẻ cướp theo mùa, đón đầu lịch sử, làm cuộc nhất thống vĩ đại và bảo vệ được sự nhất thống đó bằng một cuộc kháng chiến thần tốc, để rồi lại bị lịch sử tùm đầu, dẫm bước vua anh. Lo ngại trước một biểu tượng anh hùng của những người dân cùng khổn mà chính mình từng tâm đắc, và đã từng là một phóng chiếu, là nỗi sợ quyền uy thất thoát, là sự tự biết tương quan mới thống trị và bị trị giữa mình và nhân dân, cũng là cái bước thế thời phải thế của những anh hùng thành danh và thành công. Tâm vóc Nguyễn Huệ phải được xác lập trong điều kiện lịch sử thời ông sống. Sự vĩ đại của ông là điều không phải bàn, như một người anh hùng áo vải. Điều đáng nói: Nguyễn Huệ còn hiện diện như một bạo chúa tiềm năng. Tư cách này của ông có vĩ đại không? Có! Không là một bạo chúa, trong những thời điểm lịch sử quyết định làm sao trưng dụng được sức dân. Phát hiện ra tư cách này của Nguyễn Huệ, lí giải được chiều hướng phát triển của nó bằng việc phân tích những vận động tự thân hoặc bị cưỡng chế của lịch sử, tác giả *Sông Côn mùa lũ* đóng được con dấu của riêng mình.

Vậy Nguyễn Huệ chết vào lúc nào? Như một con người mà nhân dân thời ông sống yêu mến, người anh hùng của chúng ta đã chết khi cấm giáo phường diễn vở chàng Lía, vở tuồng mà chính ông đã gọi hứng sáng tác và vì nó ông đã phải đương đầu với vua anh Nguyễn Nhạc lúc đó chỉ muốn yên thân như một sứ quân. Như một vị vua của một triều đại báo hiệu nhiều biến đổi nhưng vẫn không vượt được khỏi vòng quy phạm phong kiến, cái chết yếu của triều đại ông tạo lập chỉ ít lâu sau ngày ông băng hà mới thực là cái chết của ông.

Mỗi tác giả khi cùng đi vào một đề tài lịch sử phải cho người đọc thấy một người anh hùng của riêng mình. Trong nghĩa đó, Nguyễn Huệ có nhiều biến thái về tính cách. Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Tường, của Chu Thiên đẹp về đẹp của nhân vật chính diện không phải bàn cãi, mang tính quy ước ít nhiều. Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Thiệp uy dũng có thừa mà tầm thường một cách khác thường, thành quái dị. Trần Vũ đẩy ra sân chơi chữ nghĩa một Nguyễn Huệ đầy ẩn ức và cũng vì thế mà không kém phần quái. Nguyễn Huệ ở *Sông Côn mùa lũ* không có sự chuyển đổi gay gắt giữa những nét tính cách phạm tục với phi phạm, tự xác định bằng khả năng tự nhận thức vừa sắc sảo vừa xảo quyệt. Cái vĩ đại ở người anh hùng phát triển từ một cái nền bình dị chưa thánh hóa hay quý hóa mà cái phần cao cả nhất, cũng là phần bình thường nhất của ông luôn được soi chiếu qua nhân vật đa cảm, trong trắng, khờ khạo, được hư cấu hoàn toàn: Lãng.

Tất cả là sự tái hiện lịch sử, nhưng tất cả cũng là hóa thân của một người: tác giả.

Nguyễn Huệ và Lãng, nhân vật nào là nhân vật tâm đắc nhất, nhân vật nào chuyên chở nhiều nhất ý thức về lịch sử của ông?

Ông giáo Hiến cha Lãng là người lót đường buổi dựng nghiệp của anh em Tây Sơn. Nhưng quan niệm về chữ *hành* của ông chưa bao giờ được anh em Tây Sơn thật lòng dung nạp. Sự bị thải hồi ở ông thật ra chỉ là bước tự đào thải, bởi lý tưởng ông muốn truyền bá thay vì phải là mục đích lại chỉ đóng vai trò như một phương tiện mang tính thời điểm của một phong trào lịch sử do những người đối lập với tầng lớp của ông dấy lên. Vai trò của nhân vật này vì thế hoàn

toàn khác vai trò của đứa con út: Lãng, trong quan hệ với người anh hùng áo vải. Lãng và Nguyễn Huệ, không biết phải vậy hay không, nhưng trong nhận cảm của tôi giống như hai nửa của một con người lịch sử phải có nhưng chưa bao giờ có. Hai nửa ấy đã có những thời kì đồng nhất, trùng hợp, dẫn dắt, ủng hộ nhau về mặt tinh thần. Nhưng rồi Lãng thất sủng. Đây không hẳn là sự thất sủng rất thường xảy tới cho các sử quan. Cũng không phải là chuyện cũ lặp lại kiểu Câu Tiễn triệt hạ thủ túc một thời. Gạt bỏ Lãng là Nguyễn Huệ từ bỏ những giá trị sâu thẳm, miên viễn, chấp nhận quá trình tự tha hóa / bị lịch sử tha hóa.

Tôi thích kiến giải này về vị anh hùng dân tộc lớn bậc nhất, gần gũi bậc nhất trong lịch sử của chúng ta.

Chắc nịch ý tưởng, khả năng thăng hoa của tác phẩm nằm ở sức thuyết phục của quan niệm về lịch sử, về người anh hùng, về thiên hạ, hoàn toàn không phải ở chữ nghĩa xảo diệu hay cấu trúc mới. Thật ra nếu cần phải giết mình thì phải dừng ngay ở *Sông Côn mùa lũ* chứ không cần chờ tới *Mùa biển động*. Ở bản tụng ca này, tôi đọc thấy lời ngợi ca sức mạnh của những người áo vải, nhưng còn cả nỗi buồn vì sự tự tha hóa của biểu tượng anh hùng, hơi thở ngờ vực quyền uy, lời chất vấn cá nhân lịch sử, là những điều hoàn toàn vắng bóng trong văn chương chính thống. Thiếu nội lực văn hóa, thiếu khả năng đa đoan với cuộc đời, khó mà trường hơi để viết trường thiên như thế này...

Nhất là viết mà biết không thể nào in.

Nếu không có quyết định ra đi một sống một chết.

Anh, người nghiên cứu văn học Việt Nam đương đại, hãy nói cho tôi biết tính chuyên nghiệp của nhà văn Việt Nam rút lại nằm ở đâu nhỉ? Sự lựa chọn thể loại? Khao khát cách tân và hòa đồng cùng thế giới? Hay giản dị là khả năng cạnh mình cùng chữ của mỗi nhà văn?

Dù thật tình chữ lắm lúc chỉ mang thêm lụy.

19. 1. 2006

Berlin

Chú thích:

*Chữ của Nguyễn Huy Thiệp.

Bánh trái nhà quê

Bánh trái quê nhà với tôi phải là bánh trái nhà quê. Là những ổi, khế, dâu da, hồng bì, là bánh đa khoai bánh đa vừng, bánh rán tằm mật để trong lọ thủy tinh trên cái chõng tre của một quán nhỏ dọc đường đi sơ tán, là bánh gù, bánh rọm. Bánh rọm, gọi theo tiếng người Hà Nội Mới quê tôi thật ra là bánh nếp của dân Hà Nội Cũ, có điều bột không pha phách điều trác, để người ăn vẫn không có cảm giác bị dày mình, bở bở. Còn bánh gù, thật ra tôi không nhớ, hình như cũng làm từ của nếp, gói lá chuối tươi, nhờ một thao tác dứt khoát và uyển chuyển, người gói làm gù lưng bánh. Có một con bé tuổi lên năm lên sáu theo bà đi sơ tán thích tập tành làm kinh tế, mở doanh nghiệp nuôi hai con gà mái mơ bằng thóc của bà thì gà toàn đi bụi ra bờ sông, chết tức tưởi vì chồn hương cắn cổ, đành khóc méo xin bà chuối rằm trong buồng đem bán. Có mà bán cho ma. Còn nhớ có mỗi một lần bộ đội dừng xe đầu cầu là cơ hội được đem chuối đi quyền góp. Và thi thoảng, có bà già bạn thời con gái của bà dừng chân đứng cười rồi vừa mắng vừa dúm cho mấy đồng năm xu hai xu có lỗ ở giữa. Tiền được ủng hộ, không đủ để mua bánh gù bánh rán hay bánh rọm chia nhau, tôi ủng hộ luôn cho bà bán kẹo bột ngồi bên. Mấy chiếc kẹo thơm mùi gừng, bọc trong mảnh giấy vờ học trò tím màu mực dỏm, ăn kẹo rồi ăn sang chuối, hết nốt rồi xách mẹ đuối nhau hét văng lên "*bà ơi cho cháu năm xu cháu mua bánh gù cháu gửi vào nam bố cháu đi làm mẹ cháu ở nhà khổ lắm bà ơi*". Cụp kì vô nghĩa lí. Vì ngày đó "*bố cháu*" nào mà vào Nam thì là đi đánh nhau, tự hào lắm, chứ không phải bố cháu vào nam "*bán thân đổi mấy đồng xu thịt xương vùi gốc cao su*" như bài học trong sách giáo khoa mà tủi phận.

Nhưng mà có nghĩa, trời ơi, hơi lá gió bờ đê, màu xám bốc lên từ mặt nước dưới sâu kia, ngày tháng vô tư lự vì ngây ngô giữa một thời đất nước mình giông bão.

Bánh đa, bánh gù, bánh rọm, rồi bánh kê, bánh giầy kẹp giữa những miếng lá chuối xinh xinh cắt hình tròn tròn, thứ ăn với chả béo ngậy, thứ lăn qua đậu xanh ngọt ngọt bùi bùi, bánh chuối, bánh khoai, bánh rán nhân mặn nhân ngọt vớt thẳng từ chảo rán ăn ngay hè phố lúc thành phố lên đèn, bánh gio chằm mật ngày tháng ba hoa dâu da xoan mới nở, bánh trôi bánh chay hay bánh trôi tàu, ăn buổi sáng hay lúc Hà Nội về khuya gió mùa bời bời trên phố... ngon khủng khiếp, nhưng tất cả là hàng quà, có thể mua, dẫu ở tỉnh hay quê.

Có một thứ bánh, ngày ấy, theo trí nhớ bắt đầu lẫn lẫn vì chồng già con dại của tôi, chỉ được ăn trong một khoảng thời gian nhất định. Là tết, và là bánh nhà trồng. Ấy là bánh tẻ.

Không biết bà già nào cô con gái nào ngày xa xưa đã nghĩ ra món bánh này. Khéo léo thì đã hẳn, nhưng chắc nhà nghèo. Bánh chưng chí ít còn phải có nếp có đậu, nhà đủ ăn quanh năm không đứt bữa mới có thể gói dăm ba chục chiếc ngày tết nhất. Bánh tẻ chỉ làm từ gạo tẻ, gói lá dong, nhân thông dong chút mỡ chút hành. Nhưng bánh này đích thị là thứ công nhiều của ít. Thì có gì đâu. Gạo tẻ cho vào cái vại đem ngâm nước cho đến khi hạt gạo mềm lòng, rồi mang tới nhà nào trong xóm có cái cối đá xay nhờ. Chỉ với cối đá mới xay được thành bột nước, ăn mới mềm mới mượt về sau. Bột ấy, đổ vào cái vại sành mà ngâm và ngày nào cũng phải vớt cái vại ấy ra mà thay nước mới, bột sẽ mượt và không chua. Không phải là đàn bà lam làm buông dằm cầm chèo cả ngày, không thể nào nhớ nổi cái việc tỉ mỉ này để mà làm cho đều đặn. Gà lên chuồng rồi, cánh đàn ông buông đũa ngồi rung đùi ôm cái điếu bát rồi, còn mẹ với con gái giục nhau đóng cửa chuồng gà, rửa bát và cuối cùng là hỏi với nhau thay nước cho vại bột chưa. Cứ thế mười ngày, vại bột thôi không dùng đục, chỉ còn tinh bột trắng mịn màng nằm dưới lớp nước trong trong. Bánh nọ bánh kia, thường mang gạo đi xay, bột nước hay bột khô bắt quá cũng chỉ nửa chiều là được. Bánh chưng, có công lưng rửa lá, đồ đậu, ướp thịt và ngâm gạo dằm ba tiếng, đặt được nồi bánh lên bếp cũng chỉ hôm trước hôm sau. Bánh tẻ, từ lúc hạt gạo biến thành bột ẽ a khéo cả chục ngày. Mà để ý xem, cứ những món nhà nghèo là công lênh lắm. Như món bánh bột lọc miền Trung, có cô con gái Quảng Bình bảo tôi tên là bánh lòn, nói giọng nặng nặng nghe rất ... hấp dẫn, không nhồi bột kĩ thì bánh bở bùng bục như vữa trát tường ở nhiều công trình xây dựng đời nay, mà gói lại còn phải là lúc bột nóng giãy tay. Nói thật là tôi biết cách làm mà chịu không qua nổi cái công đoạn nhồi bột đừng nói gói, dù mê ăn lắm.

Cũng phải quấy trước như khi làm bánh bột lọc, bột bánh tẻ trưa hay chiều ba mươi tết đặt lên bếp để "ráo" lửa riu riu, mà đẹp nhất phải là đóng rằm lõi ngô hay trấu, tay quấy đều đều.

Tưởng việc nhẹ mà hóa ra rất nặng. Nóng ruột đầy thêm cảnh củi vào bếp, khơi lửa to lên là hồng, bột sẽ bị bén nồi, bốc mùi khê. Vứt. Đến lúc bột quánh, từ màu trắng đục đã trong trong lại, cứng cả cánh tay mới đẩy được cái đĩa cả tiếp tục diều hành quanh nồi. Chỉ tới lúc đó thì mới mang ra gói.

Gói bánh tẻ người quê tôi dùng lá chít. Thì cũng là của đồng rừng, nhưng nhỏ hơn lá dong, nên cái công rửa lá nghe chừng mất lắm thì giờ hơn. Thêm chút hành hoa, chút mỡ phần luộc rồi xắt rối làm nhân. Cái bánh tẻ nguyên màu lá xanh tươi, lật giang tước nhỏ vận xéo quanh mình, chặt chiêm, chỉ nhìn hơn đầu ngón tay cái người lớn, dài áng chừng nửa đũa. Khác bánh chưng gói trong có một ngày, bánh tẻ ăn ngày nào ngày ấy mới đem "ráo" bột, gói xong với cái lật buộc thành từng xâu chục chiếc, rồi đem luộc. Bóc hết lớp lá đã đi qua nước lửa nóng nhánh màu lục thẫm, nuộc lật trắng cũng sẫm màu theo, cái bánh còn thanh mảnh nữa, màu bột trắng trắng xanh xanh, và trong, nhìn rõ nhân hành. Thế nên đã gói là phải gói không trăm chiếc thì cũng dăm ba chục. Cái thửa xóm làng còn chưa bê tông hóa như bây giờ, quen lắm cảnh ngày tết vào nhà ai trong làng cũng thấy dăm ba túm bánh tẻ luộc rồi hoặc chưa, móc trên vách đứng nâu xám màu bùn. Nhà ai cũng gói cũng luộc, rồi đem biếu quanh nhau. Họ hàng gần thì có xâu bánh đặt trên mâm, bên bát miến trương vì nguội, đĩa xôi đĩa thịt đĩa lòng... Tết nhất đường làng tất tưởi người đội mâm đi biếu trong lúc trẻ con châu chực ở nhà chờ ăn cỗ. Họ hàng ở xa nhau thì sau bữa cơm tất niên hay mừng một, xếp xâu bánh mới luộc vào cái đĩa, lại

ra đi. Không biết cỗ nhà quê bây giờ ra sao, thủ tục biểu xén có còn giữ hay không. Kể cũng diệu vợi rầy rà, nhưng nếu tất tần tật tung hô thì cũng tiếc.

Bánh tẻ ăn nóng ăn nguội đều ngon cả. Tôi thích nếm bánh tẻ người ta đem biểu, chỉ còn âm ấm lòng tay. Bóc hết lá, cầm cái bánh xem độ cứng mềm, gặt gù bắt chước bà đoán thử bánh nhà ai người nào làm. Bánh ấy, chấm với nước mắm hạt tiêu loại một, là thứ đồ ăn lẽ ra phải rất "thường thôi" với người Việt mình, nhưng lại là đặc biệt, phải mua theo bia tiêu chuẩn gia đình, mà cũng chỉ trong dịp tết nhất long trọng ở cái thời đất nước mình giống gió. Bạn đọc trong ngoài tuổi ba mươi hôm nay có lẽ sẽ mỉm cười thương cái bà tưởng sắp tới cái tuổi "tri" được tất cả chẳng cứ gì thiên mệnh, mà hóa ra lại ngăn ngõ, viết lách gì loay hoay vẫn cứ bước chân năm tháng theo về. Biết làm sao, khi trở lại được với một ngày xưa chưa hoàn toàn xa xôi mà lòng vẫn vẹn nguyên những xao xác theo mùa theo đời, tôi thấy mình vẫn trẻ, tôi biết mình vẫn trẻ.

Nhưng ngon nhất vẫn là bánh tẻ của bà tôi. Lột lột bóc lá rồi, cái bánh mảnh khảnh giữa hai ngón tay không gãy mà uốn mình vũ nữ, mềm mượt khác vị bánh giò, bột không trong veo như bánh bột lọc, nhưng để nguội cũng không đục lại, vị cực kì thanh cảnh, dù vẫn gạo ấy lá ấy củi lửa ấy mà thôi.

Mà hình như món gì bà tôi chạm tay vào cũng ngon hơn. Chum tương, vại cà, vò mắm tép, không cứ một mẻ bánh nếp bánh tẻ. Điều này được cả xóm bình sau khi kiểm. Chú Ba con ông Lúa hàng xóm, người đi qua tháng 4.1975 yên lành để rồi gục chết vì một quả lựu đạn bên hòm phiếu bầu cử quốc hội sau ngày thống nhất, cứ mỗi buổi từ đồng về lại bê bát cơm nguội sang nhà tôi xin tương, dù nhà chú có đến bốn chum tương đội nón mê đứng thù lù góc sân, chính chú cũng bảo bánh tẻ bà làm ngon nhất. Tại sao? Có phải vì được chấm nước mắm nhà nước là thứ bà con nông dân ngày ấy gần như không bao giờ được nếm? Hay là...? Nhưng bây giờ thì tôi hiểu, món ăn nhà quê bà làm ngon vì được lọc qua khẩu vị quen với cái ngon kĩ càng, giản dị của người sống gần hết đời nơi phường phố. Và tôi, cứ thèm nhớ vô vọng một bữa ăn bên bà với những món bà nấu nướng thật ra là thèm trải lại trong veo tháng ngày đã khuất. Cô đơn tuổi thiếu thời ời!

Chứ thực ra món ăn của miền đất nào nấu nướng đúng kiểu cách của người nơi ấy cũng đều ngon cả. Vẫn là cái bánh tẻ ấy, một trưa mùa hè năm ngoái tôi đã mua cho con tôi ngay cửa chùa Mía. Cái bánh không mảnh khảnh thì con gái như bánh của bà, dáng vóc đậm đà hơn, nhân là thịt nạc băm với mộc nhĩ, và không gói bằng lá chít mà bằng lá chuối, nghe nói đúng kiểu ngày xưa còn phải là lá chuối khô đượm nắng gió hanh hao. Con lớn con bé không ham những món đặc sản thời nay trong các nhà hàng Hà Nội, vậy mà ăn lấy ăn để hết chiếc này chiếc khác. Về nhà còn tiếc rề lẽ ra phải mua nhiều nhiều. Nó không có một chiếc bánh ấu thơ như tôi để mà so sánh. Còn tôi, ăn bánh tẻ chùa Mía, biết không, tôi nhớ một đứa bạn kết thân suốt một năm trời nằm viện Đông Y Nguyễn Bình Khiêm hồi lên chín lên mười. Cái Lan, đen đúa, gầy gò, bị thấp khớp không đứng nổi vì suốt ngày lợi đồng chần vẹt. Ngày tết, bệnh nhân nhi được về quê ăn tết, trở lại, nó mời tôi món bánh tẻ Sơn Tây. Hai tay giữ hai cái ghế con con để lê đi, ngửa mặt như cóc cụ nhìn tôi xơi bánh, nước da không phải lợi đồng vì nằm viện bớt phần đen đúa nhưng đậm thành bệch bạc, mắt nó sáng ngời, răng nó trắng lóa. Cứ nhớ bánh tẻ, rồi vẫn vợ sang nhớ thành Sơn chiều nắng nghiêng đá ong mít mật là nhớ nó. Bây giờ ở đâu Lan? Con gái nhà quê mà lại bị cái bệnh không đi không đứng được lúc trái gió trở trời, chắc chuyện chồng con khó nói.

Gần được như bánh tẻ của bà, ngày sắp rời Hà Nội, tôi được nếm lại ở một nơi chỉ vừa tới đã thấy thân quen lắm. Bà chủ nhà vốn là đạo diễn truyền hình, hưu rồi mà nhan sắc vẫn ứng với nhan sắc cô gái trong tấm ảnh đen trắng treo trên tường, là nhan sắc của một diễn viên điện ảnh thời những Phương Thanh, Thanh Quý. Nhà đời mới, cổng vào có tấm biển cà phê Cúc Tần, ốp gạch trần nâu đỏ tựa tựa nhà cửa xứ hoa tulip, đầy vẻ nhà quê bắt mắt. Bên lối vào nhà, một cái lều nhỏ vách thưng nửa chùng, trong đặt cái cối xay và cối giã gạo be bé, là đồ chơi như đồ thật, nhắc một quá khứ dằng dặc đã bị / được chặt đứt với đời sống cơ giới bây giờ. Những chum những vò những hũ những lọ gốm meo mó - thể phẩm của các lò gốm Bát Tràng thời

đường làng tường nhà còn chất còn ốp đầy than quả bàng than tổ ong phục vụ các mẻ nung, kết quả truy lùng hào hứng của bà chủ nhà nghệ sĩ - lặn lội một cách cố ý trên mảnh sân đất nện, dưới những khóm hoa. Trong tương quan xưa và nay, cái khổ, cái buồn của một đời sống chậm chạp, đặng đặng, chông chất lên bao nhiêu đời người bỗng trở thành biểu tượng của một bình yên khắc khoải.

Chõng tre đặt bên cái lò sười kiểu tây, nước vối và ngô nếp khoai lang luộc, và bánh tẻ, tiếng chim lích tích trên cây ổi mỡ quả trĩu tàn lá rậm, con xiến tóc bắt từ sân nắng vào bờ hoang mang trên nền nhà. Ngon mắt và ngon miệng. Bà cụ mẹ chủ nhà tỉ mỉ kể từng công đoạn làm bánh tẻ của quê mình, bùi ngùi khi tôi nhắc bánh tẻ quê tôi, những làng dọc triền sông Đáy xuôi về Khu Cháy là nơi cụ hoạt động thời kháng chiến. Ông anh chồng tôi, chẳng phải đại gia nhưng tuyệt đối không nghèo, giáo sư ngành silicat lặn lội với những bao nhiêu vùng gốm sứ, cứ tiếc rẻ mãi chuyện mình chỉ quan tâm tới thành phẩm của các lò gốm mà không để ý về đẹp rất trầm của những mẻ nung không thành. Ra về, ngó thẳng cháu Việt kiều con ăn rồi còn xin bánh tẻ mang theo, nhìn lại những cối những chày những thúng mủng giần sàng cùng lũ vò hũ lỏm ngổm ngoài sân nắng, ông bác gật gù bụng nhõn hai chữ "biết chơi". Phải quá, không "biết chơi" như thế, không biết giữ gìn cái đẹp của một thời những đời chân lấm tay bùn, người nghệ sĩ ấy sẽ không thể phần nộ đến thế khi kể cho tôi nghe về những đau khổ mới của những người nông dân đời mới, lúc đứng níu cành ổi sát khu đất dự án mệnh mông phía sau nhà. Đất ấy, những ông chủ không ai biết đang rao bán. Đất ấy, hàng xóm nhà quê của bà đã mất. Thế mà, cái bánh tẻ cầm từ nhà chị về rất giống cái bánh tẻ ngày xưa.

Ngon thì vẫn ngon, nhưng bánh tẻ bây giờ thiếu cái mướt cái mềm ngày cũ. Không phải vì khẩu vị đàn bà tuổi già khó tính, mà vì đặc sản đó giờ đã trở thành hàng hóa. Người ta không còn ngâm bột lâu như trước nữa, bánh vì thế mà bở hơn. Lên Phủ Tây Hồ, thấy rất nhiều hàng quán trưng biển bán bánh tẻ nhân thịt lạc. Đã bực vì chón thâm nghiêm bán cả đồ ăn mặn, lại buồn cười vì hai chữ thịt lạc. Tưởng cũng giống giống chuyện đủ thứ biển báo trên phố phường Hà Nội bây giờ, biển "Dịch vụ sản xuất thương binh" kẻ sát biển "Mời tắm thuốc bắc", biển "Ôi giới ơi rẻ..." ở đâu quanh quanh chỗ ngất ngưỡng biển "Tòa nhà FPT", thịt nạc thành thịt lạc, có gì mà âm ỉ, lổ ở cái lưỡi, khổ thẳng nghe chứ khổ gì thẳng nói. Hóa ra có bánh tẻ nhân thịt + lạc thật. Tiếc chỉ vì tự ái nghề nghiệp trước tám biển ngõ viết sai chính tả, lại cũng sợ thánh vật cho vì tội ăn mặn chón thiêng nên không ném thứ bánh tẻ này, nhưng bản khoăn không biết cái nhất thiết phải mềm phải mướt của bột bánh tẻ giao lưu thế quái nào với cái lẩn nhẩn bùi của lạc.

Và, phải cho tôi ỉ ôi thêm một chút, thiếu một thoáng mưa phùn, thiếu hơi xuân phơi phới và ẩm ướt, thiếu một dòng sông hăm hụi những con thuyền khảm cát lên mạn ngược, nơi có một chiều thời con gái bà về quê cấp thúng bánh giầy cùng chị em bạn gái gọi đồ dọc xuôi về bến Đục giung giăng giềng hai, thiếu cái tắt tả thanh nhân ngày tết nhất, bánh tẻ thời nay với tôi dường như khó thành thềm nhớ mới, dù vẫn là ngon.

Có còn hơn không! Có còn hơn không!

Mà thôi!

Con gà của bà

Kể tuổi tác thì chị mái này đã sắp thành lão bà trong làng gà. Chẳng biết vì sao mà bà lại quý nó đến thế. Ngay cả trong thời son trẻ nó cũng chẳng nhan sắc gì cho lắm. Lông độc một màu vàng phờ phệch. Càng tuổi tác càng phờ phệch. Được mỗi cái dáng son sè, chân ngắn, đầu nhỏ, mỏ to. Và mẩn đẽ. Đến một nửa đàn gà là con cháu của nó. May cho bọn gà, trời không phú cho cái khả năng tự hào nhớ ơn vợ vắn. Chứ không, suốt đời chịu đựng bà cụ tổ già cốc đế mà vẫn tinh anh sống sờ sờ bên cạnh thì cũng tàn một đời gà.

*

Đàn gà là niềm tự hào của bà. Nhớ năm ấy chiến tranh đánh phá lần thứ nhất vừa dừng. Từ một cái làng có những người đàn ông đàn bà tóc lỏa xoã quanh vai đi lại thoăn thoắt trên những con đường cỏ mọc thẳng từ ruộng lầy bước mỗi bước lại rùng rờ rùng rinh, bà dẫn bầy cháu lít nhít trở về. Nhà của bà, bộ đội đóng quân vừa rút đi, trống huơ trống hoác từ mái cho tới nền. Bà làm một mâm cơm cúng ông, rồi sai mấy chị em xếp gạch vỡ quây một góc bếp lại, đặt mấy thanh củi gỗ lên trên. Rồi bà trịnh trọng tháo lạt chằng cái rọ vốn dùng nhốt lợn con đem bán ở chợ, nắm hai cổ chân chị mái vàng kéo ra, thả vào đó. Không biết bà xin giống nhà ai, nhưng lúc đó con mái vàng đã lớn và chỉ mấy hôm sau nó đã quen chuồng rồi nhảy ổ. Lần sơ tán sau, cách đó mấy năm, ngoài bầy cháu và mấy cái tay nải, đi đâu bà cũng sai chị Ty xách theo cái rọ nhốt con mái vàng. Bà cứ một mực là giống nó tốt. Tốt gì mà tốt. Về già, con mái vàng đẻ trứng bé như trứng chim. Có đập cả lứa trứng của nó rán ăn một bữa cũng chẳng đủ cho ba cái mồm háu đói của mấy chị em. Đã thế, con mái vàng lại mắc tật ấp bóng. Cứ được vài trứng là nó nằm xem xệp trên ổ, xùy thế nào cũng chỉ 'tục tục' hết sức thảm thiết nhưng nhất định không chịu nhảy xuống. Mấy lần bà đã phải túm căng nó mang ra sông dim nước cho quên cái thói ấp vô tội vạ.

Trừ cái tội ấp bóng này con gà già chả có vẻ gì là lắm cảm. Mấy con ngan ục ịch vẫn nằm vầy bùn chỗ nhà hàng xóm đặt chum nước hết sức kính nể nó. Con mèo mướp thì sợ nó hết hồn. Chú mướp thường nằm lim dim hong nắng ở góc sân, nhưng hễ con gà già vỗ cánh lạch phạch rời gốc chuối là mèo ta lừ lừ lảng. Sợ mẹ mái già này là phải. Hồi mấy bà cháu tha nhau vào sơ tán trong Đồng Mít, con gà già đã lập chiến tích đánh nhau với cả quạ làm lũ trẻ con sợ hãi mê tơi quên cả nhảy xuống hầm lúc máy bay tới. Nó không hãi cả con cày hương tai quái ở rệ đê đã cắn cổ không biết bao nhiêu gà trong xóm. Bọn trẻ trong nhà, từ chị Ty trở xuống, nó coi khinh, cứ thản nhiên mỗ ngô phơi trên cái nia đặt đầu mé sân, không thèm để mắt tới cái sào gậy rơm chị Ty tự trang bị. Điều quan trọng nhất khiến con gà già được tất cả bọn chó mèo vịt ngan kính nể là sự bảo vệ rất không công bằng bà dành cho nó.

*

Ở nhà quê, gà què sẵn nhưng là để bắt mang ra chợ kiếm món tiền trang trải vào trăm ngàn việc. Năm thì mười họa các nhà mới làm thịt một con. Còn thì toàn chờ đến lúc có dịch gà toi mới lo xơi cuống xơi cuống. Bà thì hơi khác. Tại vì trong nhà từ bố mẹ cho tới các cô chú ai cũng thoát ly đi công tác ngoài Hà Nội cả. Bà nuôi gà chỉ để tiếp tế cho người nhà nước lương ba đồng ba cọc. Những lúc chỉ có mấy bà cháu, bà hay lên cái chợ đầu cầu mua tép đánh giặm, hay chờ chiều tối đón thuyền chài hỏi mua cá về kho tương với lá gừng ăn quanh với rau cỏ trong vườn. Rau muống, rau dền, lá sắn, ngọn khoai, rau ngót, rau cần... Cùng lắm thì vài ba lá mảnh cộng, dền cơm, rau muối nấu láo nháo với dăm ba lá ớt. Ăn thế cũng đủ để mấy chị em chưa hết tháng đã đã hết tiêu chuẩn gạo mì bố mẹ đưa về. Nhưng những khi bố mẹ với cô chú về hay lúc có khách thì bà phóng tay bắt gà. Con thì thịt, con thì bà lấy rơm trói căng treo dốc đầu ghi đồng xe đạp cho mọi người mang ra Hà Nội. Lúc thì bạn bố mẹ tiện đường lên nơi sơ tán thăm con cái tạt qua thăm mấy bà cháu. Lúc lại là người cùng làm một chỗ với cô với chú đi công tác ghé qua cho biết nhà. Bà chẳng để ai về tay không. Mãi sau này mấy bà cháu mới biết các cô chú khách đó chẳng phải ai cũng thật vì tiện đường mà ghé, mà là người của chi bộ đi thẩm tra lý lịch để xét kết nạp Đảng mấy cô chú trong nhà. Có khách, bà thịt gà làm cơm ngon, bót hẳn món khoai khô độn, còn ngoài ra, từ thời mấy bà cháu trung thành với cá mú. Mà nói cho đúng, cá mú chỉ béo mồm mấy chị em, bà thì chỉ hai vục cơm với mấy quả đỗ non, hạt lạc kẹ, hay mấy đợt lá núc nác đắng teo lười bỏ nồi cơm hấp lên.

*

Thành thử ở nhà quê mà mấy chị em chỉ nhớ độc có một lần ăn thịt gà chua cả răng. Đó là hồi chạy lụt. Trận lụt năm ấy đến là to. Nhà bà ở ngay bên bờ đê, nhưng chỗ đất cao. Kể nước có dâng nữa cũng chưa mùi mẽ gì nếu không có chuyện chia lũ về sông Đáy cứu Hà Nội khỏi ngập. Chạy lụt, chợ búa không có, rau cỏ cũng không, chẳng có gì nuôi gà, mang được con nào

theo bà thịt bằng hết cho các cháu trong nhà và trẻ hàng xóm ăn. Ăn thế dĩ nhiên là chẳng còn ngon lành gì.

Nếu không tính cái lần ăn thịt gà trừ rau ấy ra thì sau lúc từ giã bà trở ra Hà Nội, mỗi bận thịt gà đều là sự kiện với chị em Tâm và trẻ con hàng phố vào cái thời cả lũ vẫn phải thay bố mẹ đi xếp hàng mua lương thực thực phẩm chất đốt và đũa nào cũng thuộc tem phiếu hơn cả thuộc bài. Bao nhiêu ngày tháng đã qua, và Tâm vẫn khản ăn, thế mà những điều bé nhỏ như thế Tâm nhớ mãi. Như mỗi lần thịt gà. Thường là ngày nhà có giỗ. Hay cảnh thằng bạn bị mẹ tát cho lệch cả mặt khi hãnh diện khoe có ông bác được treo ảnh ở Bờ Hồ. Thằng bạn chưa biết chữ không biết ông bác vượt tuyến vào Nam không hề có tên trong lý lịch của bố mẹ nó, cũng không biết là ông bác vừa bị bắt sống trong chiến dịch gì đó mùa khô năm đó, và cái ảnh ông bác được phóng to to trên bảng tin thắng trận treo ở phía trước câu lạc bộ Thống Nhất, to đến mức đứng đầu Hàng Khay cũng nhìn rõ đã làm cả nhà nó sợ rúm rúm, họa chẳng chỉ có ông bà nó là mừng.

Thằng bạn và Tâm thân nhau từ hồi bé bằng cái mắt muối. Một tình bạn phải đi vào bí mật để trốn những lời chế của bọn trẻ cùng ngõ thành thử vô cùng sâu sắc và đầy sè chia. Nên cái cẳng gà và nắm xôi được mẹ dành riêng trước bữa bao giờ Tâm cũng mắt trước mắt sau đem cho nó, dù rằng thèm đến mức không dám nhìn nó ăn. Mỗi lần nhà thịt gà như thế đều là một sự kiện có khả năng phát triển tình bạn bé nhỏ và đẹp đẽ giữa hai đứa. Nhưng Tâm nhớ những lần đó như một sự kiện trước hết là bởi cái chết của con gà già.

*

Cái hôm đó chú về bắt chột. Suốt cả tuần nghe phong thanh Hà Nội bị B52 rải thảm, ruột gan mấy bà cháu nóng như lửa đốt. Tâm và ông anh kể thì chỉ mới biết sợ. Bà hét đứng lại ngồi lại loanh quanh lên đầu cầu ngóng tin. Còn chị Ty thì ra sau vườn củ bột ngồi khóc thảm. Chú về báo tin bố mẹ và các cô chú khác, mấy bà cháu nhẹ hẳn người. Bà mừng, luỳnh quỳnh suốt quên cả chuyện đi giúp một nhà có đám. Quay ra quay vào mấy lượt, lúc thì đập điếm lại nòi cá vừa kho, lúc lại châm thêm nén hương đặt vào thúng chuối rằm đất đèn thúc cho mấy nải chuối chín nhanh, cuối cùng bà hạ lệnh:

'Hôm nay bà đi ăn cỗ một mình. Mấy đứa ở nhà chơi với chú. Rồi chốc nữa mấy chị em lấy nắm thóc lừa bắt con gà chú cháu thịt mà ăn. Đừng có phần bà nhé - Bà moi từ thất lưng đồng bạc đưa chị Ty - Bảo em chạy ù lên chợ đầu cầu mua lấy rá bún về. Bà ngâm măng để giỗ ông, chắc được ăn rồi. Con luộc qua rồi nấu bún măng cho chú với em ăn. Chặt gà nhớ để cho em cái cẳng.'

Bà tong tả gánh hai cái thúng bên đựng gạo bên đựng buồng chuối xanh đi đến nhà có đám. Cái viễn cảnh được gặm ít nhất là một trong hai cái chân gà làm Tâm khuấy ngay nổi thất vọng không được theo bà. Mấy chị em râm ran vâng dạ, rồi lại vâng vâng dạ dạ nhưng bớt phần râm ran hơn khi ông chú trẻ cân nhắc một hồi rồi ra chỉ thị thực hiện lệnh của bà:

'Thôi! Con Ty đi nấu cơm. Có biết nấu cơm độn mỳ không? Chú mới mang về. Thử thử xem mì tháng này có ngon không? Kia kia. Con gà già ngủ gật ở gốc chuối kia kia. Ra lấy cái lồng chụp nó mang vào chú thịt. Thịt gà rang gừng, đợi chiều bà về ăn cùng. Được chưa? Còn giờ thì ăn cá kho. Góm, chạy bom chạy đạn có cái mà ăn thế là bố tướng rồi - chú cười cười nhìn Tâm bùng xụng bùng xịu - chúng mày được ở với bà, chứ đi sơ tán cùng bọn trẻ con cơ quan bố mẹ chúng mày ấy à...'

Con gà già tự tin đến nỗi không thèm rảo cẳng khi chị Ty vác cái lồng đi tới. Kết quả là chị Ty chụp một phát đã trúng. Nồi thịt gà rang thơm phức kích thích mấy chị em suốt cả chiều. Bóng bà xiêu xiêu đầu ngổ lúc trời nhập nhoạng làm cả mấy chị em mừng. Bà vào nhà, cõ cái bao lưng dũi chỉ thất vào những dịp đi đám cưới đám giỗ trong làng, lần lần móc từ trong đó mấy miếng cau nhặt ở đám về, rồi ngồi xuống bên cái mâm chõng, giục giã:

'Mấy chú cháu ăn đi chứ chờ bà làm gì! Mà có mỗi con gà sao không ăn hết từ trưa lại còn để rang gừng nhiều thế này?'

Chị Ty áp úng:

'Con gà già bà ạ...'

Bà quên cả mấy miếng cau:

'Cái gì? Con gà già làm sao? Mày thịt con gà già của bà rồi à? Sao lại thịt con gà già?'

Chú vui về:

'Con bảo các cháu đấy mà u. Nó già quá rồi còn gì. Đẻ trứng chả ra trứng. Dai nhách. Mấy đứa tỳ nữa có gấp ăn khéo phải đập chân vào tường mà rút. U tiếc nó làm gì. Gà cả đàn. Lần này đi con chỉ xin trứng thôi, không mang gà của u theo nữa đâu.'

'Ồi giờ ơi con ơi. Nào có phải mẹ tiếc đâu. Nuôi gà không để mà ăn thì để thờ à. Nhưng sao mày không bảo chúng nó bắt con khác, để con gà già ấy sống cho u...'

Bà lẩm bẩm, thần người ra, và không hề động đũa một lần đến đĩa thịt gà, cứ bần thần như thế suốt bữa. Chú thờ mạnh đến mức cả mâm nghe rõ. Mấy chị em Tâm cảm cúi ăn, cảm giác rõ ràng không khí quanh mâm y như lúc trời ỳ ạch nổi giông. Ông chú trẻ phát cáu thật:

'U không thích ăn thì cũng gấp lấy một miếng cho bọn trẻ nó ăn. Mấy đứa ăn mạnh dạn lên chứ sao lại ngồi nhảm nhót thế. Cái con TuTy này... Đưa bát đây chú cho miếng đùi... Đàng nào thì cũng thịt nó rồi. Không lẽ u lại thích cung phụng con gà già này cho đến lúc nó chết thì đem chôn. Nó sống thế cũng gần hết tuổi trời cho rồi. Hơn cả bao nhiêu người. Kìa kìa. Mới tuần rồi Hà Nội bị B52. Tận ngày hôm qua con với anh cả vẫn còn phải cùng anh em tự vệ dọn dẹp Khâm Thiên....'

Bà luống cuống:

'Ấy ấy con. Đừng to giọng thế các cháu nó sợ. U hôm nay ngồi cùng mâm với mấy bà, các bà ấy cứ gấp cho, thịt mỡ mỡ là, không muốn cũng phải cố ăn, giờ vẫn còn đầy bụng chứ không phải là... là... U có tiếc gì con gà. U chỉ thương nó. Con gà già đã sống sắp hết đời nó rồi. Thời buổi này... Biết đâu nó sống được hết tuổi trời, nó lại chẳng được hóa kiếp...'

'U thì chỉ... Nếu có kiếp sau thì chết kiểu gì mà chẳng hóa được. U muốn con gà già được hóa thành kiếp gì? Kiếp người nhé! Hoá kiếp người thì được ăn thịt gà như thế này là cùng chứ gì? Rồi theo nhau chết cả đồng. Rồi lại hóa kiếp. Kiếp gì?'

Chú nói nửa than vãn nửa cãi già. Trong nhà chưa lần nào chưa có ai dám ăn nói với bà như thế. Mấy chị em Tâm im thin thít, quên cả nhai. Bà mắng chú, rất nhẹ lời:

'Anh này ăn nói đến hay. Khổ nhục thế nào thì cũng là người. Biết sống ra người thì chết thế nào cũng vẫn lại được làm người. Nói thế phải tội con ạ.'

Chú im. Bà nhìn mấy chị em Tâm, nhìn chú, đưa đũa về phía đĩa thịt gà. Gió thốc vào căn nhà nhỏ của bà. Ánh đèn dầu chập chờn. Mấy chị em lén nhìn, sợ sệt. Cái gì như nước lóng lánh trên gương mặt của cả bà và chú.

10. 2000

Gió biếc

'Ngọn gió nào đi qua cuộc đời chúng mình ...Cũng thành gió biếc...'(1)

Nghĩa rền rĩ trong khi dí kính vào cái thời khóa biểu mới ông hiệu phó chuyên môn vừa dán ở phòng hội đồngThụy từ nãy giờ chúí đầu vào cuốn 'Từ vi tướng pháp' ngược lên nhỏ nhẹ 'thật à?' Cái nhếch mép thì đều. Nhưng mắt nhìn thì buồn bã. Cả đám giáo viên đang quây quanh cái ấm giờ cười phá. Chân cũng cười băng quơ. 'Sao ở đâu cũng như ở đâu?'

Chân đổi về trường này đã hai năm. Trước Chân dạy ở Trung Hà. Trước nữa, ưu tiên tốt nghiệp thủ khoa, Chân được phân công vào Lâm Đồng, khu Kinh tế mới Hà Nội. Đi hai năm là được ra. Mẹ bảo 'thôi cứ từ từ'. Mẹ hãi cảnh con gái bà bạn đi Lâm Đồng hai năm sốt rét rụng tóc. Hàng ngày Chân mang gạo ra đầu Hàng Da xay bột về làm bánh trôi bánh chay bán quanh cho đàn bà

trẻ con trong ngõ, bạn bè tới thì khao luôn. Cũng có đồng ra đồng vào không phải lựa lúc xin mẹ. Nhưng càng ngày càng chán. Mãi bố mẹ mới xoay được cho về Mê Linh. Rồi về Trung Hà. Không phải qua sông, tiện đường ô tô hơn. Đùng cái, nhà nước lại tách nhập tách, Mê Linh Trung Hà từ già địa vị Hà nội can - nơi dừng chân của những đứa bị phân công công tác xa Hà Nội mà không thể đi như Chân.

Vậy là lại thêm một lần các cụ nhà Chân phải đấu tranh chính trị với phòng tổ chức sở Giáo Dục. Bao nhiêu là lý do được đưa ra với vẻ vừa kéo nèo vừa khấn nài vừa cùn: Bố mẹ lâu năm trong ngành, nhiều năm đi xa tít mù tấp tận Tây Bắc, và cuối cùng mẹ Chân chấp nhận về hưu, tiếp quản cái bàn bán bánh trôi của con gái để con gái được theo nghề. Nhích thêm chẳng được mấy cây số đường chim bay về đất nội thành. Nhưng cái chính là lần này về Hà Nội thật.

Trường nằm giữa cánh đồng, mùa đông gió bắc lồng lộn, thầy trò run như giế. Đầu hè thì ong ong một màu nắng trắng, đi được từ bến xe vào trường mắt đỏ hoa cà hoa cải. Học sinh nói đủ thứ giọng. Giọng Kê. Giọng Mỗ. Giọng Nhỏ. Lại còn mấy đứa thi chuyển cấp thiếu điểm vào trường gần nhà phải xin học trái tuyến nói giọng Trích Sài. Buổi đầu Chân nghe cứ như nghe tiếng nước ngoài. Gọi học sinh lên bảng, học sinh riu rít liền thoáng một hồi, Chân làm mặt tỉnh cho sáu điểm. Đứa nào cũng hớn hờ khi nhận lại vở từ tay cô. 'Cô mới hiền ghê. Hồi đọc một câu là cho về chỗ'. Ra bến xe, Hải dạy thể dục nham nhở ghé mặt choắt mắt ốc nhồi vào sát mặt Chân, đôi vai nần nẫn như vai đàn bà no đủ còn cổ tình nghiêng xuống: 'Hiền với mình thôi bạn ạ. Chớ có hiền với học trò. Học trò là quỷ dữ'. Chân bước lùi, chẳng quen ngồi hàng quỳ vật mà cũng tụt dếp sà xuống trước chị bụng chửa bán mía: 'Chọn cho em một cây ngọt ngọt vào chị.' Xong lại hốt hoảng nhìn quanh xem có đứa học trò nào lảng cháng gần: 'Dạ không. Em mua về nhà. Chị dẫn ra cho em đừng róc.'

Về trường mới, Chân đổi lại được nghề cũ. Dạy văn. Và dạy phổ thông trung học như được đào tạo. Đứng phúc trùng lai. Trước, xin về Trung Hà, mẹ giục già và Chân gặt đại trước đôi mắt mệt mỏi của ông cán bộ phòng tổ chức nguyên đồng nghiệp với mẹ từ thời ở Tây Bắc Lai Châu: 'Vâng dạy chính trị cũng được chú ạ. Thì cứ theo nghị quyết chứ gì chú!' Về trường, thêm một lần thay đổi. Hai giáo viên sử nghỉ để. 'Cô Chân thay nhé. Tám tiết chính trị khối bảy. Mười tiết sử khối chín. Dạy văn mới cần cảm hứng chứ sử thì cứ sách giáo khoa mà nện!' Ông hiệu phó nói cười ha hả trước khi nhồm người gọi với bà lao công 'này đun ngay cho tôi siêu nước có khách' và Chân hiểu rằng cuộc gặp mặt với ban giám hiệu đã hết.

Về trường mới, Chân nôn nao như lên bục giảng thực tập thời sinh viên khi nghĩ tới Ngày mai. Ngày mai, Chân sẽ viết lên bảng hai chữ giảng văn. Ngày mai, theo chương trình Chân sẽ dạy 'Tiếng hát con tàu'. 'Ngày mai cả tổ sẽ dự giờ của giáo viên mới đấy nhé!' Tổ trưởng Hợi cao to đẹp mã vợ để toàn con gái réo giữa văn phòng. 'Vâng ạ'. Chân rụt rè cười. Cái cười hơi ngơ ngác của người cận thị.

Từ hồi đi dạy xa Chân tập thói đeo kính. Trước, ngõ chỉ bỏ kính khi hôn nhau như bạn bè đùa. Nay, Chân bỏ kính thật. Dạy vùng xa, nơi học trò sáng đi học chiều dậm dụi ngoài đồng, bố mẹ học trò đến trường theo lời mời của giáo viên ống quần còn quần quần nếp xắn từ đầu gối trở xuống, tiếng cười vừa xởi lởi vừa khiêm nhường 'thôi thì chúng tôi trăm sự nhờ các thầy cô giáo', đeo kính thấy kỳ kỳ. Rồi cũng quen với cảm giác mờ ảo của cảnh và người. Chỉ những lúc một mình trong căn phòng tập thể của trường Chân mới đeo kính lại. Rất xa đằng kia là Bát Bạt nghĩa trang Yên Kỳ Hà Nội. Mùa xuân, đám bạn đi thăm mộ người nhà hay tạt qua trường Chân. 'Eo ơi! mà cả tháng ở trên này thì đời lên mốc mọt.' 'Mốc chỗ nào. Có càng ở thì càng teo như cái mộc nhĩ được nắng ấy.' Linh cũng cười, đóng hoàn hảo vai bạn lên thăm bạn, tuyệt nhiên không biểu lộ một thái độ sở hữu nào trong khi Chân loay hoay với cái bếp dầu gia công nấu mì đái bạn. Linh đã đồng ý với Chân rằng bỏ nghề ở nhà thì phí và buồn chết đi được.

Linh đã mừng rỡ khi bố mẹ xoay được cho Chân về trường này: 'Rồi vài năm thì 'Tiến về Hà Nội.' Hai đứa tưởng tượng như thật một cảnh gia đình trẻ. Vợ giáo viên ở trường huyện cùng con nhỏ. Chồng giảng viên đại học, cuối tuần tha lương thực thực phẩm quà cáp của ông bà nội ngoại lên với vợ con. 'Vài năm thôi. Đến khi Chân về lại được nội thành thì cứ gọi là...' Chân đã bao nhiêu lần mơ màng 'Chứ gì nữa! Cứ gọi là...' Nhưng bây giờ, Linh nói cười vui vẻ và mắt nhìn trống rỗng. Lòng Chân rỗng không. Ngoài kia, gió xuân vờn trên cánh đồng thuốc lá. Lá cây thuốc lá lật mình trong gió xám bạc dưới bầu trời mùa xuân mưa phùn xám bạc.

Có hai đứa trẻ lang thang ở đầu kia cánh đồng. Thằng lớn dừng chân đứng chống cuốc. Thằng bé mặc cái áo ngắn cũn cỡn và quần cộc. Chân có cảm giác như nhìn rõ được gương mặt tím tái, ngẩn ngơ và háo hức của nó hóng về những mặt người hờn hờ bên những khung cửa xe bus đang lao vèo vèo qua theo hướng Yên Kỳ. 'Đi tảo mộ mà chẳng mấy khi thấy ai buồn khổ.' ý nghĩ ấy bao nhiêu lần đến trong đầu Chân, thường day dứt hơn khi đám bạn ào vào sân trường. áo bu đông. Kính trắng kính đen. Giày thể thao. Xe máy long lanh giọt lệ. Những ngày ấy và những ngày cán bộ phòng với sờ lên kiểm tra trường chuẩn bị cho mùa thi có lẽ là những ngày xôn xao nhất ở đây.

Và Chân đã trụ ở đấy sáu năm. Sáu năm. Bạn bè vẫn dần dần hàng năm vẫn đưa nọ đưa kia đi thăm mộ trên Bất Bạt. Chân nhận được bao nhiêu thiệp mời mà không thể về. Những mùa, những chiều, Chân nhìn dãy Ba Vì mờ xa, nhìn sương buông trên cánh đồng thuốc lá, vác bát sang nhà chị giáo viên cùng trường xin gấp dưa, nói mấy câu trước khi về khép cửa phòng châm ngọn đèn dầu. Lòng có nỗi niềm nào chẳng là lúc mấy đứa học sinh gái rụt rè gọi cửa, chào râm ran và xăng xái bày mấy củ khoai nướng sém mời cô, hay bê tới cho cô rổ rau khúc để cô mang về Hà Nội, làm như cô chỉ cần có rau khúc là có bánh khúc mà ăn tấp lự. Hay là khi mấy cô bé đã ra trường đùn đẩy nhau trước cửa phòng và cuối cùng một đứa mặt đỏ dừ vừa thẹn thò vừa hờn hờ lấp bắp 'bố mẹ em cho em đến mời cô hôm này...' Chân đã đi một đám cưới học trò như thế và không bao giờ đi nữa.

Nhưng Chân đã đi đám cưới Linh. Cuối học kỳ bận rộn, làm xong sổ điểm Chân mới về nhà. Thấy hai cái thiệp mời. Bố ngồi ở đầu giường, liếc nhìn Chân, vờ vỉnh chép miệng: 'Mẹ nó mua lạng chè này ở đâu được nước thật'. Thảo Chi thản nhiên 'Ông Linh nhà bà đi cùng vợ tới đây. Hơi bị giàu. Vàng đỏ tay. Phải tội hơi quá bự bẫm. Mà trông có vẻ cứngtuổi hơn. Thấy bảo làm thư viện ở trường ông ấy. Chắc đưa đòi cho vui vậy thôi chứ nhà Hàng Gà có cửa hàng bán buôn khuy chỉ gì ấy.' Mẹ mặt hầm hầm nhưng giọng ngọt ngào 'Thảo Chi đun nước cho chị tắm chưa con. Rồi dọn mâm ra. Xong mà học bài cho sớm. Bọn sinh viên chúng mày giờ mẹ không hiểu nổi. Học hành gì mà chỉ dôn vào mấy kỳ thi'. Thảo Chi cười: 'Con không định đi làm như chị Chân đâu. Khi nào con ra trường, mẹ cứ bàn giao cái bàn bán bánh cho con. Con nhìn rồi, ngộ mình giờ phát triển thành nơi bán hàng quà vật đông nhất phố.

Con mà bán hàng ý à. Đảm bảo các cụ bà về hưu mất khách'. Bố nhăn mặt, giọng gằn gằn 'Mẹ bảo thì động chân động tay ngay đi chứ đứng đó mà động mồm' và Thảo Chi hốt hoảng lè lưỡi. Hai chị em đèo nhau tới phòng cưới, cười như phá cùng cả đám bạn học cũ của Chân, chọc ghẹo cô dâu chú rể loạn xạ. Và Chân không gọi Linh là anh, xưng Thái Chân như hồi còn đi học. 'Chị ta biết gì về mình? Linh kể gì về mình?' Câu hỏi thật vớ vẩn cứ cuộn trong đầu Chân khi ngồi lên xe cho Thảo Chi đèo về. 'Mà sao mình không muốn khóc?' Thảo Chi nhún ga, ngoái đầu, tiếng được tiếng mất trong gió... 'Bà này thế mà... lạnh...' Cái gì như có chữ chán và đều...

... Đoạn đường từ trường ngoại thành về nội thành của Chân kéo tới bây giờ là đúng tám năm. Sáu năm Trung Hà. Hai năm Diễn. Lại đã là học kỳ hai. Lại đã là mùa xuân. Trường nằm giữa cánh đồng nhưng cũng không xa làng, từng lúc hương hoa bưởi lại dịu dàng thoảng tới. Vườn

xoan các cụ mướt mát sau những ngày mưa. Lá xoan non tơ, nhưng màu xanh dường như đã đậm xuống bởi những chùm hoa tím bạc. 'Trông chẳng còn giống con gái mới lớn. Giống con gái lỡ thì'. Chân bắt giác mỉm cười và học sinh không hiểu vì sao môi cô giáo cười lại run run. Hay tại những dòng thơ... 'Con nhớ anh con người anh du kích - Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn - Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách - Đêm cuối cùng anh để lại cho con...'

...Có một tiếng thở dài lan trong lớp học. Bọn học trò ngơ ngàng và say mê nhìn cô giáo. Thơ da diết và trôi chảy. Như con sông Nhuệ, như một dải khăn xuân quấn quanh trường. Như Chân đọc cho mình. Các giáo viên dự giờ thì thảo điều gì. Lại mùi hương bưởi. Dịu dàng quá. Sao dịu dàng thế này. Đến không thể nào chịu nổi...!...Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương - Khi ta ở chỉ là nơi đất ở...! Giọng Chân cao lên rồi trở lại nhỏ nhẹ. Trong một thoáng, đất trời trải trước mắt Chân màu xám bạc của những cánh đồng thuốc lá. Bển nước Trung Hà. Ba Vì mưa bụi. Bát Bạt lơ nhô những ngọn bạch đàn trên vô vàn mộ chí...

Và rồi tất cả bùng lên trong ánh mặt trời mùa xuân ban trưa. Vườn xoan. Vòm cây bưởi trắng hoa nhà ai. Những đứa học trò nhà quê đang ngầy ngất nhìn cô hôm nay và ngày mai sẽ đi lấy chồng lấy vợ, sẽ già đi có khi còn nhanh hơn cả cô. Nhưng đây không phải Trung Hà. Đây là Diễn. Diễn chỉ còn cách Bờ Hồ mười lăm cây. 'Khi ta ở chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.' Còn có tâm hồn nào nữa? Còn có khi nào mình rời khỏi nơi đây như đã rời đất Trung Hà? Mình sẽ nhớ buổi trưa này thế nào? Có đau đớn như lúc này? Chân xoay người, xiết viên phấn lên tấm bảng đen vênh váo học trò đã cẩn thận sơn lại bằng lá khoai mỗi kỳ tựu trường. Từng âm vọng dần trong ký ức. '...Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét - Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng - Như xuân đến chim rừng lông trở biếc...' 'Cái lạ lùng của những so sánh trùng điệp, bất ngờ, không dễ hiểu...' Giọng Chân đam mê, nhỏ nhẹ, chẳng giống một lời hướng dẫn giảng dạy nào. Những giáo viên dự giờ lại thì thảo điều gì, lại ghi chép điều gì, và học sinh lặng lẽ. Có một làn hơi rất nóng cuộn lên trong lồng ngực con gái ba mốt tuổi của Chân, làm Chân nghẹn thắt. Mình sẽ nhớ. Sẽ nhớ. Thơ không phải là đời. Có những mùa xuân không bao giờ qua.

Nhà ở phố

Đến năm tôi sắp quá tuổi lấy vợ thì gia đình tôi đi khỏi số nhà ấy. Viện tôi có đợt phân nhà. Tôi lúc đó là kỹ sư hai, vì được tiếng là người Hà Nội, mà đã thế thì thế nào cũng có nơi ở rồi, dĩ nhiên không có tên trong danh sách. Lúc đó thêm một đêm trở dậy thấy mình là thằng kỹ sư nhà quê mới ra trường chỉ có cái bàn qua đêm ngay tại phòng làm việc. Rất cục tôi cũng nhận được mười hai mét vuông, một phòng trong một căn hộ hai phòng ở một khu cao tầng mới xây phía bắc ngoại thành Hà Nội. Sau khi đã ê mặt kèo nài ở đủ mọi nhà chức sắc trong viện, từ viện trưởng tới trưởng phòng hành chính, tới thư ký công đoàn và sau khi đã nộp ba chỉ theo yêu cầu để hoàn thiện nhà. Phòng trong mười sáu mét thuộc về một anh bạn cùng viện. Anh này có cái mác như tôi từng ao ước: gốc quê, có địa chỉ thường trú là phòng làm việc cơ quan, nên sự xin nhà của anh không lắm nhiều khê. Nhận nhà nhưng anh không ở. Anh có cái may lấy được vợ giàu nhà mặt phố nên vui lòng để lại cho tôi với giá sáu cây. Kể giá thế là rất mềm. Bố mẹ tôi tính toán một đêm rồi đưa tôi đủ số vàng để chồng cho anh. Sau đó thì bố mẹ tôi theo tôi ra ngoại thành ở.

Các cụ có phần khởi không tôi không rõ. Nhưng tôi thì cái hôm khuan đồ đạc xuống đường chờ xe cơ quan đến chở giúp cứ nao cả lòng. Dù gì thì tôi cũng ở số nhà này từ khi được sinh ra. Bố tôi cũng sinh ra ở đây. Ông tôi cũng vậy. Cụ nội đã xây nên nó. Góc gác nhà tôi vốn ở trên Thái. Giàu xó quê không bằng ngôi lê thành thị. Nói vậy nhưng thực ra cụ tôi bạt về Hà Nội chỉ vì nghèo. Nghe kể các cụ đã làm nhiều nghề, rất nhiều nghề. Cuối cùng trụ lại ở nghề buôn chè và

nhờ thế mà xây nổi cái nhà mang số... ở Hàng Đào này. ở chưa được mấy ngày thì tiếp quản thủ đô. Số nhà không đổi nhưng trong đó không chỉ có nhà tôi. Thoạt đầu, bà tôi mời một người bà con xa là cán bộ kháng chiến về cùng ở. Rút lại nhà vẫn bị trưng thu. Tầng dưới vốn là kho chứa chè và cửa hàng, sở Nhà Đất điều thợ tới xây rất nhiều vách ngăn lửng chia thành từng ô nhỏ chừng mời sáu mét vuông. Mỗi ô ấy có một gia đình chiếm cứ. Nhà tôi trước ở trọn tầng trên, nay diện tích đó được chia cho hai gia đình nữa. Toalet, phòng tắm trên gác đến thời tôi lớn đã được sửa thành phòng xép vì nước không bao giờ lên tới nơi. Cả số nhà dùng chung một nhà vệ sinh hai ngăn, một bể nước, một mảnh sân chung. Tắm thì có một phòng riêng xây ở góc sân, không mái, cửa gỗ mục nên chỉ che được nửa chừng, ở ngoài có thể nhìn thấy nửa bắp chân người đang tắm.

Khi còn nhỏ, thật tình tôi thích sự đông vui đó. Trẻ con chưa biết xấu hổ, cũng không biết chờ đợi. Buồn ỉ thì mẹ đặt cho cái xô ở một xó. Tắm thì cởi truồng ra chờ mẹ kỳ cho. Chẳng phiền hà. Đây thú vị. Cửa giả nhà nào cũng chỉ khép làm phép. Hành lang thì tối tăm. Chơi trốn tìm hết ý. Đến lúc lớn rồi thì biết khổ. Các nhà hầu hết là con đàn. Con đàn lại sinh con. Vậy là mỗi gia đình đều có ít nhất ba thế hệ cùng chung sống. Cái sân chung đã nhỏ nay càng thêm nhỏ. Một nhà lì lợm đặt một cái chuồng gà công nghiệp để tận dụng cơm thừa của cả xóm. Nhà khác làm theo, quây một góc sân thả chú lợn choai. Cầu thang dẫn lên nhà tôi lúc nào cũng sặc sụa mùi phân gà và mùi nước vo gạo chua. Chẳng ai dám nói. Nghĩ cho cùng, nếu còn chỗ để mình làm thế thì hẳn mình cũng làm. Cũng là một món phòng khi nhỡ nhàng. Người ở tầng lên gần gấp ba mà nhà tắm vẫn là nhà tắm ấy, nhà xí vẫn là nhà xí ấy. Phải mùa nóng, khu phố cổ khổ vì thiếu nước thì cả số nhà lúc nào cũng phảng phất mùi đất trồng rau ở ngoại thành. Không có nơi nào cho khí thoát ngoài cái ngõ tối hun hút lờm chờm vách ngăn bằng ván các nhà tự tạo và mảnh sân con vốn là đáy cái giếng giời. Mỗi buổi sáng, mảnh sân con chật người. Đàn bà lo cơm nước chuẩn bị đi làm. Đàn ông dậy muộn hơn lo đánh răng rửa mặt. Nhà tắm giờ này thường vắng, nhưng nhà xí thì luôn cửa đóng then cài. Cứ nhìn mấy người lảng vảng ở sân là biết ngay tất cả đang chờ nhập trạm luân chuyển ngũ cốc. Tôi, một mét bảy tư, râu quai nón, mà tính lại hay ngượng, cứ mỗi lần phải đi ngang các bà các cô để bước vào chỗ đó là người nổi rôm. Cả những lúc loay hoay trong nhà tắm cũng thế. Không biết giấu đi đâu hai cẳng chân đầy lông và cái mặt nhể nhại nước.

Chưa ra trường tôi đã biết cái bị kịch của một số không ít trai Hà Nội. Không có nhà thì không lấy được vợ, mà không có vợ thì đừng nói tới chuyện phân nhà. Nhưng yêu, ai nhìn được yêu. Tôi đã yêu. Một cô bé cùng số nhà. Tôi lên năm cuối cùng thì em vào đại học sư phạm, khoa văn hẳn hoi. Đúng khoa hai bác hàng xóm nhà tôi dạy. Một bác, bác già, là giáo sư cổ văn, cả đời sướng vui với những bản văn mới phát hiện được của những thời đại xa vắng. Bác trẻ hơn thì nghiên cứu lý luận văn học. Ngày nào đi ngang cửa nhà bác cũng nghe loáng thoáng những là lý thuyết tảng băng trôi, những là chủ nghĩa huyền thoại - toàn những thuật ngữ tôi mù tịt. Bà tôi và hai bác giáo sư là những người sống ý nhị và có uy nhất số nhà. Hàng xóm hay nhường bà và các bác lấy nước trước có lẽ vì vậy, chứ chẳng phải vì hai bác là học giả hay vì bà tôi là chủ cũ nơi đây. Ai về số nhà này cũng là theo quyết định của sở Nhà Đất, chẳng phải lụy bà tôi một mảy. Thời gian đã dài đến nỗi bà tôi chẳng bao giờ nhắc tới chuyện đó, mà anh em tôi lớn lên cũng chẳng mấy khi nhớ rằng lẽ ra mình đã là người làm chủ. Khi tôi và em yêu nhau, cả số nhà đều có vẻ bị kích động. Bà và bố mẹ tôi im lặng một cách đáng ngại. Hai bác giáo sư thì đầy vẻ tán đồng. Em gái tôi có vẻ phờn. Nó chơi với em và thích em thành chị nó: 'Đứa nào béo thì thường tốt bụng. Mẹ bạn em bảo thế. Nó mà làm dâu nhà mình thì yên chí cháu ông cháu bà đâu ra đấy. Vấn đề là phải chạy được một chân dạy ở Hà Nội. áy quên! Chị ấy! Bập bập!' Nhng quan hệ giữa tôi và cô gái nhà ngoài cùng thì tôi tệ hẳn. Nhà em và nhà cô ta ở sát vách nhau. Ngày trước, khi buôn bán thì cũng chỉ được bán những thứ như ống chỉ, táo dầm hay ô mai thì nhà ngoài - xa vốn là cửa hàng của nhà tôi - chẳng bao giờ gỡ ván cửa thông ra phố. Nay, nhà ngoài phá tường, lắp cửa sắt, mở cửa hàng bán đồ xa xỉ, từ thời son tới xi-lip

đàn bà. Toàn bán buôn. Nhà giàu lên vù vù, nhưng càng ngày càng chật vì hàng họ. Họ tính chuyện mở rộng bằng cách ép nhà trong đi nơi khác. Dàn xếp không xong. Những xích mích vụn từ đời tám hoánh nào nay biến thành căng thẳng thường nhật. Yêu em, tôi cũng bị vạ vì những quan hệ đó dẫn đó. Có lần em và tôi vừa lúu rúu dắt xe ra phố, cô gái nhà ngoài đang ngồi đếm tiền chợt nói vòng vót: Lấy chồng thì lấy chồng gầy Về ăn rau muống nó đầy người ra Lấy vợ thì lấy vợ to Về ăn rau muống nó co thì vừa. Những tiếng cời như phá đổ vỡ ra. Thật chẳng khác gì bị vạ vào mặt mà hai đứa vẫn phải im lặng đi ngang. Lại có lần, tất cả đang quần tụ ở sân chờ lấy nước, ông giáo sư cổ văn chẳng biết nghĩ gì lại đùa: 'ấy cứ như cô Vi lại sướng. Từ ngày bung ra, tôi để ý ít thấy cô lai vãng ra cái sân này. Ăn thì gọi hàng đa vào. Tắm gội thì ra dịch vụ nước nóng bên Hàng Đa...' Cô Vi chao chát: 'Cảm ơn bác đã mừng cho nhà cháu. Cháu ít học thành phải đâm sấp đập ngựa sớm. Vậy mà lại may bác ạ. Chứ thời buổi này học cho lắm vào có thành thầy thành cô thiên hạ thì rồi cũng thành giáo dờ mà thôi. Cháu đọc báo thấy báo giáo viên mới ra trường bây giờ nhiều người mất dạy lắm'. Chủ ý cô nói chắc chỉ là cho chúng tôi nghe. Nhưng ông giáo sư im bặt, lúi lũi bê rổ rau lên gác. Nhìn ngang, mắt em ướt nước. Em gái tôi đang giật đưng phát dậy, nghĩ thế nào lại ngồi xuống hậm hực vò.

Em ra trường, bị phân về Ông Bí và chồng quyết định. Tôi đã yên vị ở một viện làm thân công chức đời mới sáng dắt xe đi tối dắt về. Em gái tôi đã lấy chồng nhà giàu về xui tôi cưới. Bà tôi lúc đó mới quay ra thư thả: 'Con Thảo hay nhỉ! Phận cháu không được dính vào những việc ấy. Yêu nhau ngàn ấy năm, có chậm vài ngày nữa cũng chẳng sao. Tuổi con Thùy bằng tuổi mày. Vậy năm nay là năm kim lâu, không cưới xin gì được'. Mẹ tôi tiếp ngay lời bà: 'Bà nói phải đấy. Với lại cháu Thùy công ăn việc làm cha đâu vào đâu. Con gái tiếng là ở phố buôn bán lớn nhng cửa hàng cửa họ không, công việc không, lấy nhau vội thì khổ sớm'. Nói rồi mẹ lại nhìn sang tôi, thương cảm: 'ấy là ý bà và bố mẹ thế. Con định thế nào thì nói để cả nhà cùng liệu'. Chuyện chẳng đâu vào đâu. Tôi cáu, bỏ ra phố. Ngang qua nhà em, thấy em lúi húi gỡ len. Lòng yêu tự dưng nguội dần. Rồi chắm dứt. Không ngờ. Buổi sáng, tôi lăm le xuống sân tính chuyện khởi phải xếp hàng vào nhà vệ sinh. Đã thấy em đứng đó cùng một bà cụ già. Mặt em bồn chồn khó tả. Cửa nhà vệ sinh mở. Em đi lướt qua bà cụ. Một tay em vén ống quần hoa mặc nhà. Một tay em cầm cái gầu cao su thùng múc nước dội. Bước chân em nhón nhén. Mặt em nhăn nhăn. Đột nhiên tôi thấy chán chường. Từ hôm đó, tôi tránh bước chân tới chốn ấy vào giờ cao điểm. Tránh gặp nhau ở sân nước. Những cuộc hẹn tối thứ bảy bắt đầu cách quãng. Rồi bật hẳn. Em không biết vì sao. Mà có hỏi tôi cũng không biết trả lời sao. Cho tới một ngày bắt chợt gặp nhau ở sân nước trước mặt nhiều người, em nói với tôi bằng cái giọng của một cô láng giềng lâu năm. Đến tận giờ tôi vẫn thềm biết ơn em và cả nhà em. Và tôi khâm phục bà tôi. Chẳng biết bà rõ chuyện của tôi đến chừng nào. Một hôm bà nói băng quơ: 'ở ăn khổn khổ khổn nạn thế này yêu nhau mà lấy được nhau là khó lắm. Giả dụ đã thành vợ thành chồng thì có thể vì thế mà thương nhau hơn. Nhưng chưa ăn ở với nhau, hàng ngày nhìn thấy nhau xẹo xẹo rồi thế nào cũng ngượng cũng chán. Mà chưa hẳn là chán nhau'.

Mấy năm về sau, bà tôi nằm liệt, song rất tỉnh. Một hôm tôi đi làm về thấy đủ mặt cả nhà, lại có cả bà Toàn Phát bạn bà tôi, trước có cửa hàng buôn tơ lụa ở Hàng Gai. Bà tôi ào ào: 'Bà nói với bà Toàn Phát và bố mẹ cháu rồi. Đêm nay mày đưa bà vào bệnh viện để bà đi'. Tôi giật bản mình. Cả nhà khóc lạng lế. Bà ứa nước mắt. Tôi nhìn rõ một giọt rất to lăn vào chân tóc bà. Bố tôi cáu bẳn: 'Bà bệnh già. Cũng muốn chết ở nhà. Nhưng cầu thang nhà mình bây giờ bị che chắn coi nới hết, làm sao đưa được bà đi. Không lẽ xin đập tường nhà hàng xóm dòng quan tài xuống phố'. Tôi nhìn quanh. Tôi là cháu đích tôn của bà. Tôi thấy em đứng ở một góc nhà cùng với em gái tôi. Mắt em ướt nước.

Bà tôi 'đi'. Nhà em chuyển đi. Nghe nói nhà ngoài đưa hai chục cây. Ngày nhà em chuyển, không khí giữa hai gia đình tưng bừng lắm. Nhà tôi cũng chuyển. Bố mẹ tôi muốn cửa dứt đục suốt bán luôn căn phòng cũ rồi đem tiền gửi tiết kiệm lấy lãi ăn. Nhưng con em tôi ra sức ngăn.

Nó rất mạnh mẽ: 'Khi nào bố mẹ thiếu con lo. Cứ giữ nhà để đó cho anh Minh. Chẳng phải mặt phố thì cũng là nhà trong phố, cũng hàng nọ hàng kia chứ bốn đâu. Thế nào cũng khá'. Hóa ra nó tính sát. Cũng vì còn giữ nhà cũ mà tôi không thành dân ngoại thành. Trời đất run rủi thế nào mà tôi lại lấy đúng cô con gái nhà ngoài. Vì đáo đẽ và quá quắt ngày xa lại thành cô vợ đảm và rất đỗi biết điều. Người thoải mái nhất về sự tôi lấy vợ là đứa em gái. Nó phấn khởi cũng bằng ngày xa biết tôi yêu em. Nó bảo: 'Anh cứ nhìn mà xem. Viện anh chẳng ai bằng anh. Bây giờ chỉ còn phần đấu đi tư bản một chuyến, tham quan một hai tháng thôi cũng được để cho nhà vợ thêm phần hãnh diện. Thế là tha hồ ăn lộc vợ'. Nó đúng. Vợ tôi bán hàng ban ngày tầng dưới, ban đêm lên ngủ tầng trên. Căn phòng cũ nhà tôi nay đã được nới rộng bằng cách phá tường làm một cái cửa thông sang phòng bác giáo sư lý luận. Bác đi tư bản mấy chuyến về đủ tiền mua đất xây nhà ở nơi khác, để lại phòng cho vợ chồng tôi. Hàng xóm gần bây giờ còn mỗi bác giáo sư cổ văn. Vợ tôi hớn hờ: 'Đất cũ của các cụ, hợp với anh. Em và anh phải làm sao thôn tính dần các nhà khác. Đất này đang phát với chúng mình'. Tôi nghe, cười thầm, bực bội nghĩ chờ đến tết Công gô bác giáo sư cổ văn cũng không đi khỏi đây được. Chẳng lẽ sang Pháp để giăng Đại Cáo Bình Ngô hay Hịch Tướng Sĩ?

Chính ở cửa hàng nhà vợ tôi gặp lại em. Em dường như chủ định đến đúng đó. Em gầy đi so với thời con gái. Vợ tôi vốn vãng hải thăm và được biết em tìm mua hàng gửi cho chồng đang là nghiên cứu sinh ở Nga. Lúc em gói ghém ra về, tôi cần nhân vợ bán cho em còn ăn lãi. Vì nói nhẹ nhàng: 'Buôn bán như anh thì có nước đóng cửa hàng vì thiếu tiền nộp thuế. Trên đời có phải mình chị ấy là người quen đâu. Chị ấy cần số lượng lớn. Cũng là để bán đi. Em ăn lãi có một giá, nhưng chị ấy mua được hàng thật. Mà lãi thế cha gọi là lãi được, vì buôn bán là phải tính chuyện vốn động, hàng hư hao. Có anh trách em. Chẳng qua ngày xa anh yêu chị ấy. Chứ chị ấy là người biết việc đấy. Em cũng không ngờ. Cứ tưởng vẫn như ngày xưa ở số nhà này, chỉ những sách với sách suốt ngày, nhìn suốt cả ruột. Chị ấy sẽ thành bạn hàng của em cho mà xem!' Nàng cười khó chịu: 'Ôi, ông cả đời ở phố mà cứ như cá ngó. Không biết các cụ ngày xa làm ăn lớn đến ngần nào mà xây được cái số nhà này, chứ nhà mình bây giờ tôi nhìn chỉ thấy có cô Linh là đáng mặt để bàn việc lớn'.

Đêm đó, tôi mơ thấy cụ nội tôi - Người tôi chưa bao giờ biết mặt.

Tản văn mùa thu

Gửi T., một vài dòng của ai không nhớ.

Có hoa sữa rồi em ạ - Phố về trong ngõ ngù ngoan - Nếu em ngoái đầu nhìn lại – Tóc xanh vương má trắng tròn - Trả nghĩa vắng trắng làm rách cánh bướm – Tìm một chiều chim én – Em đừng nhìn anh kiêu hãnh – Mùa thu cũng sắp đi rồi...

Lá vàng hay nắng nhuộm vàng ngọn cây ? Mắt mũi thuộc loại bỏ kính là thấy ngay chồng già hóa ra vẫn còn phong độ chán y như chồng người, mình không mất công lâu với câu hỏi này, lúc bình minh cũng như lúc chạng vạng.

Dù sao thì thu đã.

Lâu rồi. Nếu là ở Việt Nam. Khi mình ở nhà, đã thấy bà cô lọ mọ chuẩn bị đi chùa cúng lập thu. Thế nhưng mà trời ơi, *sự từ vào thu tới nay gió thu hiu hắt sương thu lạnh trăng thu bạch khói thu xây thành lá thu rơi rụng đầu ghềnh sông thu đưa lá bao ngành biệt li* chỉ là chuyện của cụ Tản Đà thôi. Hà Nội lúc mình đi vào thu có lẽ cả tháng trời vẫn nóng điên dại. Bây giờ vẫn nóng. Bà cô mình thông báo hôm kia *trời hạ nhiệt rồi cháu ạ, ba tư độ*. Ôi, giữa mùa thu !

Đâu rồi nhỉ ? Hơi sương lan cùng khói toả ra từ đồng lá nhà nào đốt đầu phố ? Đâu rồi, sau cơn mưa đầu thu hoa sữa lại bồn chồn tỏa hương. Và hoàng lan. Chín. Mùa này đây. Trăng mờ đêm mất điện. Lìm lìm. Nồng nàn. Như đàn bà. Như mơ ước tuổi con gái tay dài vai gầy, má vẫn hồng vì những cơn có nào rất lạ.

Khói và bụi xua tan ảo giác về những mùi hương cũ. Tiếng động làm không ai còn có thể nhận ra bước gió chuyển huyền bí trên những đỉnh cây. Cũng chẳng còn những vĩa hè phố vắng cho lá sấu tin cậy thả mình, để những bàn chân lang thang sợ làm đau vàng phai, sợ cái đẹp vốn mong manh kia vỡ nốt.

Mình không biết phải nghĩ thế nào về thể trạng rất đáng phàn nàn từ bé tới giờ của mình. Thật sự là một chút nắng mưa hờn dỗi, một chút khói chút sương thôi cũng làm cho mình phải vật vã với từng hơi thở. Thế nhưng chính cái sự khốn khổ này lại làm mình gắn bó vô cùng với mảnh đất mình đã xa đi, với thành phố ấy, nơi mình bao nhiêu đêm tuổi con gái vò võ ngồi ngắm trong ghê rợn đàn chuột cống chạy trong trăng, trong Trịnh Công Sơn qua Khánh Ly, rạn vỡ mà vẫn không tuyệt vọng... *từng người tình bỏ ta đi như những dòng sông nhỏ... ôi những dòng sông nhỏ lời hẹn thề là những cơn mưa...* Trên cao, rất cao kia, sao sáng. Có ánh sao nào đủ để làm rạn vỡ thế gian này. Chỉ như một nhắc gọi, về một nơi nào, xa, không biết. Và, chính lúc ấy, lúc đang phấn đấu cho một hơi thở tiếp, mình vẫn ước lòng mình *như cánh cửa – không sao yên khi gió đến chân trời...* Cảm ơn, Lưu Quang Vũ, đã nói giùm, chắc chẳng chỉ là một mình mình đâu.

Gió không còn thổi nữa, giữa thành phố. Hà Nội biến đổi hoàn toàn trong mắt người về. Hà Nội không còn cái xao xuyến xưa, khi bước qua mặt phố tấp nập đã có thể tình tự ngay với một mặt giéng mình tối phải hơi man mát, với hương cây, hoa sói chẳng, hoa ngâu chẳng, giữa vườn trong số (nhà), chứ không hẳn chỉ là vườn trong phố. Không mấy gia đình Hà Nội giữ được cho mình cả một không gian nhà - vườn, cửa tiền mở ra phố này cửa hậu lại mở qua phố khác như thế sau hòa bình lập lại. Cũng bởi thế mà cái duyên dáng Hà Nội này một thời lại có cái uy riêng, phảng phất trong nếp ăn nếp ở nhất quyết không xô bồ giữa thời buổi tấp nập giao kéo dài, gọi đẹp là thời bao cấp. Trong cái không gian đặc biệt Hà Nội đó, luôn luôn có bóng dáng một ông cụ hay một bà cụ, vừa mình mẫn vừa thư thái, kiêu lười, và mình có cảm giác quyền uy văn hóa của thành phố này hiện diện nhiều nhất qua chính họ.

Nhưng đó là một kiểu uy quyền thất thế, giữ được cũng nhờ còn chút của nả chống lưng. Chứ Hà Nội thật sự của chúng mình, lứa tuổi trên dưới năm mươi, rất khác. Chúng mình không từng biết thế nào là *đường ra trận mùa này đẹp lắm*, nhưng lại biết nỗi sợ lạnh người khi từ một xóm nhỏ nào đó hướng về Hà Nội sau đêm máy bay oanh tạc. Hà Nội với chúng mình là Lan Hương với cây vionlon trên tay sau trận bom về Hà Nội tìm mẹ, mắt đen như là đêm, đau lặng lẽ. Hà Nội với chúng mình là đèn điện, là kem, kem Hàng Vôi, Tràng Tiền, Cẩm Bình, cao sang hơn thì có Bốn Mùa bên hồ Gươm nước nặng một màu xanh của cây lá và của lớp lớp dĩ vãng. Hà Nội với chúng mình là rạp Tháng Tám, Công Nhân, là bể bơi Tăng Bạt Hổ, là trường lớp. Và giữa những niềm vui là những lo toan *xếp gạch* hàng ngày ở cửa hàng gạo, cửa hàng chất đốt, cửa hàng thực phẩm. Đưa tạo chợ búa hàng họ Ô Đông Mác, Chợ Hôm, đưa rành Hàng Da, Hàng Bè. Đưa nào may mắn thì được lai vãng cửa hàng Nhà Thờ, Tôn Đản. Cái sự này thì đúng là may mắn, chứ đến thế kỉ hay đất nước để đầu thai đã không chọn được, nói gì đến chọn người "làm to" làm cha mẹ cho mình.

Hà Nội bây giờ nhiều bể bơi, nhưng bể bơi thiếu nhi Tăng Bạt Hổ thì không còn nữa. Nhà chông mình ở phố này, ngày xưa yên tĩnh lắm. Giờ lúc nào cũng ngùn ngụt người xe, tụ tập bên phía nhà xác viện 108 thì ít, tụ tập ở hàng ăn thì nhiều. Bể bơi Tăng Bạt Hổ là một điểm ăn chơi cùng với câu lạc bộ Thanh Niên (xưa là câu lạc bộ Lao Động) liền kề. Rồi Lan Chín, Hải Xôm, và giữa những nhà ăn nhà uống đời mới này là vô số hàng nước, hàng buôn bán vật. Đi trên phố lúc nửa đêm còn thấy ngót ngát người xe hơn cả ban ngày, không dưng thương cho tuổi mình. Biết dừng đâu, để nhớ về trong yên lặng cái nỗi nhớ ngày xưa, nhớ giọt nắng nhảy nhót trên vai người sau cơn mưa, nhớ tiếng ve, nhớ lá, nhớ một người con trai đi xa, đêm chia tay chỉ nhìn

không hẹn ước, nhớ cả nỗi ngạc nhiên mà chưa biết bàng hoàng khi chứng kiến cảnh bà con nông dân ngồi im lặng dưới mắt nhìn của rất nhiều cảnh vệ trước nhà cái H. học khoa Lý sau mình. Bó nó lúc đó mới lên thủ tướng. Nhà nó sau đó chuyển đi, thành trụ sở của cơ quan đầu khí. Mãi sau này mình mới hiểu những cuộc bà con tụ tập như thế, ở gần lạng, trước nhà nó hay đâu đó là những cuộc biểu tình thăm lặng, trong khuôn khổ xin – cho. Mấy chục năm qua, trở lại, chứng kiến cảnh bà con nơi này đấu tranh nơi kia đi thăm quê bác, mình ngộ ra một điều xem chừng khá là phản động : chỉ có mấy ông bà lắm chữ mới cần dân chủ, chứ dân thì không, dân mình đến tận thế kỉ này hình như vẫn nghĩ cần có chủ, chủ sáng dân nhờ. Khát vọng của số đông về một minh chúa đời mới này sẽ dẫn đất nước về đâu ?

Hà Nội không còn Phú Gia. Khách sạn Phú Gia vừa được đập bỏ. Có xây mới chẳng mình không biết. Đi qua thấy lộn nhồn một mặt bằng chưa dọn hết gạch vữa. Tuổi chúng mình chỉ biết Phú Gia qua cái cửa. Mấy đứa có dịp bước chân vào ! Tận bốn năm trước, nghĩ cũng thẹn, mình mới được đồng chí bạn dẫn vào đây, cho ăn kem, cho nhìn phượng đỏ còn le lói góc hồ bên kia Đình Tiên Hoàng, cho nghe gã ta thú nhận rằng đã có thời suýt bảo rằng tớ mê cậu. Phú Gia không còn, thôi cũng được. Nhưng Bốn Mùa ? Hình như chính hiệu kem này ngày xưa là nhà vợ nhà văn Hoàng Đạo ? Nơi này hơi sang trọng quá với tuổi chúng mình, có dừng chân thì cũng chỉ tính chuyện đứng mút kem vỉa hè, (kem cóm hiệu này rất tuyệt), chứ qua tuổi được người lớn dắt đi mà chưa có đáng người yêu nào dắt thì đừng mơ vội. Bây giờ Bốn Mùa ngự cả ở bên này Bờ Hồ, có món kem dừa kiểu phượng Nam làm thằng con mình mê mẩn. Buổi tối sát ngày bay, anh cu xin một lần ra đó, nhìn hồ đêm và ăn thêm một quả dừa kem. Mình để ý nó lúng túng khi mấy đứa bé trạc hoặc còn kém tuổi thằng bé ra mời chào mấy cái kẹo cao su. Đi ngủ, thằng bé tần ngần hỏi giá cái kem nó ăn, gồm một quả dừa xiêm tươi và kem trong đó. Bẩy lăm ngàn đồng tiền Việt. Quá rẻ nếu tính ra euro. Nhưng "có lẽ tất cả kẹo cao su của mấy bạn muốn bán cho con lúc tối cũng chưa tới ngàn ấy tiền phải không mẹ ?". Thằng con không biết rằng câu hỏi đó làm mẹ nó thao thức mãi, mừng con mình biết áy náy trước nỗi có có không không ở đời này, mà cũng lại thương con, tí tuổi đầu đã không còn vô tâm thì làm sao sướng. Nhưng nó cho là nó sướng. Vì được đi học và vì không phải đi học. Về Việt Nam, thằng bé đã kinh ngạc khi thấy đầy đường học trò trạc tuổi mình mặc đồng phục đeo khăn đỏ rêu rêu xe đạp chen trong dòng xe máy. Hỏi các bạn đi đâu ? Học ! Đó mới là đi học hè theo kế hoạch của trường, được sở Giáo Dục chuẩn y. Chưa nói tới đi học thêm ở nhà thầy cô. Cúm lợn, trong những ngày mình ở Việt Nam nếu đối với học trò là niềm vui tột bậc thì với giáo viên là nỗi kinh hoàng. Cái ngày sở Giáo Dục Hà Nội ra lệnh dừng triệt để các hoạt động (học) hè ở các trường vì nguy cơ cúm lây lan, thằng bé cháu gọi mình bằng bà trẻ từ sáng tinh mơ đã lao qua nhà, hát văng lên *chưa có bao giờ đẹp như hôm nay non nước mây trời làm ta mê say* và xông vào phòng lay ông chú cùng tuổi dậy thông báo cháu được nghỉ học chống dịch. Buổi sáng đó thằng bé thao thao giảng giải cho ông chú thế nào là học hè, học thêm, học phí, tự nguyện phí, thi đua, kiểm điểm, đội viên, game thủ. Buổi sáng đó bà chị mình sang trường về hậm hực thờ dài vì chẳng biết khi nào được gọi học trò về dạy lại, lấy gì chi tiêu. Những mùa hè vời vợi tuổi học trò đã thành quá xa xôi. Không còn nữa những đầu thu xanh và cao, ra nắng thì nóng mà chỉ vào trong bóng râm chốc lát đã thấy se mình, se cả lòng khi lá phượng rơi như mưa vàng xuống phố. Không còn nữa một không gian, để cảm, cái bồn chồn đấy mà ơ hờ đấy, cái êm lặng của một mùa lắm bão, cái đẹp chưa từng thấy của mùa thu nơi nào khác trên thế gian này. Hà Nội đã khác xưa hết cả. Hà Nội không còn cánh cũ, còn người thì ào ào sống, dường như không thiết rưng rưng.

May mà mình được thằng con cảnh tỉnh về Hà Nội *mẹ chỉ có mỗi một từ yêu thích là ngày xưa. Nói chuyện với chú lái xe tắc xi cũng ngày xưa chỗ này có cái này không có cái kia. Nói với bạn mẹ cũng chỉ ngày xưa bọn mình thế này bọn mình thế kia. Giới thiệu học trò cũ mẹ lại bảo là ngày xưa mẹ cùng các cô chú làm việc ở một trường mẹ ngồi chỗ này các cô các chú ngồi chỗ kia. Mẹ thật là...* Rồi nó lắc đầu thương cảm. Lập tức tỉnh hồn..

Thôi kinh ngạc khi đi qua những đường nay Hà Nội. À mà người Hà Nội cũng không quen nói từ phố nữa. Cũng phải. Trong từ phố chứa một cái gì đó không dễ gì nói được, như đã tàn phai nơi này. Là hồn phố chăng ? Chỉ còn khi còn có những người muốn lắng nghe mình, áp iu những mơ hồ của gió, nắng, của bước chân năm tháng đi về trong mỗi tiếng xưa chăng ?

Hà Nội hôm nay có những con đường mới. Tên các vị lãnh tụ Cách mạng kể cả từ thời bóng tối được đặt cho những con đường mới mở thì mình thuộc quá, từ Nguyễn Phong Sắc tới Nguyễn Chí Thanh. Nhưng chỉ có đôi ba đường mình nhớ tên. Đường Phạm Hùng rất ấn tượng với mình, không phải vì nhà cao người đông, mà vì trồng độc sữa. Ôi chao ! Bụi này, khói này, lại thêm cái mùi hoa nằng nặng này thì mùa thu Hà Nội chắc thành giấc mộng kinh hoàng với ai có cơ địa dị ứng, động cái là thở như cối xay long giềng. Hoa sữa đáng yêu phải là một mùi hương mỏng dần đi khi thấp thỏm chờ nhau góc phố Quang Trung hay Bà Triệu, chứ đường cây Nguyễn Du, có họa dờ hồn mới hẹn hò nhau, thứ nhất vì đứng ở đó mùa thu thì có mà tắc thở, thứ hai, quanh quanh hồ Thiền Quang, không biết bây giờ ra sao, chứ một thời thứ *người hiền* như chúng mình đổ đũa nào có can đảm dừng xe buổi tối .

Đường gì đi qua trung tâm hội nghị quốc gia trên Mỹ Đình cũng làm mình thú vị. Vừa tắt nắng, người ở đâu đã ào ra, kê ghế đặt bàn kín vỉa hè. Có bà già tắt tưởi ôm một chồng chiếu đi xuyên qua dòng xe máy ô tô. Vừa sập tối, cả khoảng đường sực mùi mực nướng. Người ta kê bàn bán đồ ăn đồ uống ngay giữa dải phân cách hai làn đường. Anh lái tắc xi giới thiệu đây là Đồi Tình của nam thanh nữ tú Hà Nội, ăn thì ngồi chơi thì nằm. Nằm đâu? *Đi vào phía trong kia kia, đấy, đi theo bà già. Bà già bê chiếu cho thuê chỗ đấy.* Chợt nghĩ người Hà Nội đời nay can đảm thật, ngồi ở giữa đường thế này mà nhớ có cái xe điên lao vào thì...

Một chàng trai Hà Nội cất công đưa mình lên Bến Tình, là nơi các chàng nàng thích đưa nhau lên bậc nhất. Con đường nhỏ nhỏ một phía ôm sát bờ hồ Tây ven làng Quảng An, một phía đường toàn biệt thự. Cứ như là con đường mới này được mở chỉ cho người ở trong những biệt thự nơi đây. Không biết dân làng này thờ Thành hoàng nào mà giờ làng phát thế. Ông bạn cũ người Quảng An có lần giấu mình biết thế vài mươi năm trước Hà chịu khó theo bạn bỏ cuộc chơi giữa phố, về làng này gầy rơm trồng vườn thì giờ đã là triệu phú nhờ bán đất rồi không. Chiều chưa muộn. Biệt thự kín cổng cao tường vẫn im lìm. Nhưng dân làng đã rộn rục bê vác giát giường, sào gậy, bàn ghế... ra sát mép nước. Không cần hỏi để làm gì. Những bàn ghế kia là để bán giải khát. Những cái giát giường kia sẽ được sào gậy đỡ trên mặt nước, rải chiếu lên cho trai thanh nữ tú thuê mà ngắm cảnh chiều dần buông màu ... đèn. Cậu trai có công đưa mình đi khai hóa bảo giờ cháu với bạn gái thôi lên đây rồi, Đường Tình có cơ thành đường tề nạn rồi cô ạ. Liệu biệt thự ở đây có vì thế mà xuống giá ? Mình hỏi đùa và cậu chàng bật cười khan. Nhớ cái tuổi hoàng kim của mình đã qua đi trên thành phố này, trên chính mảnh đất đang dùng chân này lấm lấm rồi. Ngày ấy chúng mình có những đường cây, những vòm sao, gió, và phố, có chân trời ở mỗi góc hồ này, có nỗi cô độc làm mình lớn lên, có những ngu ngơ làm khả năng cả tin tăng trưởng. Họ bây giờ ?

Bây giờ mình đang đi giữa đường cây. Berlin này thu đã. Sao phải tới tận đây mình mới tìm lại được một phần thành phố ấy, một phần mình ? Cũng chỉ một phần thôi. Vĩnh viễn nơi này không có mùi hương những mùa thu cũ, hương sữa, hoàng lan, mùi lá đốt ven hè phố, mùi sương dâng khi thành phố lên đèn, vĩnh viễn nơi này không có tiếng mưa tí tách đùa trên lá, không có mùi ngô nướng tỏa từ một bếp than hồng nào dưới một mái nhà nào thoáng trong mưa.

Thư cô em vừa viết cho mình đùa *chị có định trở về Hà Nội nữa không, mở cửa hàng cửa họ với em. Biển hiệu* Ôi giờ ơi! Rẻ quá người ta đọc quyền rồi. *Chị phát huy trí tưởng tượng trước một cái tên để em thuê làm biển hiệu.*

Bán gì chưa cần biết. Nhưng nếu khỏi được bệnh gió mưa, huy động được vốn mở hẳn một chuỗi cửa hàng, mình sẽ đặt tên là *Xanh Xanh Đỏ Đỏ*, rất đặc trưng cho Hà Nội bây giờ, đảm bảo việt - kiều - yêu - nước - dùng về là nhớ ngay.

Có những người đi chỉ tìm lại được mình khi trở lại. Có những người về hiểu ra đất sống của mình giờ đã khác, lại mong ngóng ngày đi.

Nơi này, chốn ấy, với người này người khác, không cứ phải là Lưu Nguyễn, nhắm mắt mở mắt là lại đã luân hồi, vĩnh viễn thành cõi thiên thai.
Ngày vẫn hằng phải sống.

Đành thế đã.

Lạc loài ư ? hông !

ký

Có một vùng đất tôi đã sống qua vài năm thơ ấu. Rất nhiều hồi ức về nó bây giờ thật lòng tôi không biết đã có từ đâu. Từ sự sống thực của một con bé con hay từ những câu chuyện râm rì không đầu không cuối của mấy bà già đứng quần khai sức bên đồng lửa khơi giữa nhà ngày tháng chạp rét nẻ gót chân. Nằm ngay bên một ngã ba sông mà hai bên có những hai cái lô cốt cực kì kiên cố, một thời có những họng súng nhòm ra từ các lỗ châu mai. Cái lô cốt có những lỗ châu mai tầm tới ấy tôi từng thuộc lòng những ngăn, những khoang, những cửa khi chen chúc trốn tìm cùng mấy con bò to họng bao nhiêu trưa làng. Những ban trưa xưa lắm. Vừa xôn xao vừa êm ả. Trong tiếng con cò cộ kêu vánh ngọn xoan đào. Trong tiếng vườn chuối tự quạt mình tướt lá. Trong tiếng chao chát của mấy bà rồi việc xăm xắn chải chuốt cho mình ngoài đốc bến.

Bên kia sông xa về Hà Nội là Ba la Bông đỏ, gần là bốn làng Vân, là Vác, xuôi về Vân Đình - một địa danh quen lắm với bao người một thời mang ba mươi sáu phố phường đi kháng chiến. Phía ấy là căn cứ địa của nhà thơ Nguyễn Quang Thiều. Phải *Hai người đàn bà xóm Trại* của ông đã mờ mắt, đã khô héo đi cùng hơi xuân sông nước nơi chốn ấy? Chéo bên sông dọc bờ sông Nhuệ bãi dâu mươn mướt là Lưu Xá. Cách nhau có một ngã ba sông nhưng lại không cầu, phiên chợ tết họp bên bãi sông phía Ứng Hòa còn phải nhắm mắt quên cầu „đò đầy chớ qua“, Lưu Xá có bao nhiêu là tập tục khác lạ làm mắt bọn nhóc làng tôi mờ không nhắm được. Khác nhất là tục tang ma. Con cháu xô gai rũ rượi thay nhau quăng mình đánh huých xuống đất trước hàng đò tùy khênh nhà táng, suốt dọc con đường đưa người chết ra đồng. Bên này sông, về làng, qua những Yên Phụ, Vĩnh Xương, Vĩnh Lạc, Kinh Đào, xuôi về những Xuy Xá, Phù Lưu Tế, Khu Cháy, cũng là những tên đất một thời lại thỉnh thoảng quấy lên trong tâm hồn những kẻ từng ngược xuôi dậm dài kháng chiến cho *một ngày về xuôi chân ghé Thăng Long buồn*. À, nhớ chục năm trước nghe bài hát *Có phải em mùa thu Hà Nội*, túm được câu này, cứ yên tâm rằng người viết lời phải là người Hà Nội sắp hoặc đã trong độ tuổi xưa nay hiếm. Ai ngờ hóa ra mới qua tuổi hai mươi, chẳng phải người gần sông Hồng mà là sông Hàn. Ngẫm càng thấy đất Rồng bay ám ảnh hồn người và tài nhân thì không nệ tuổi. Sống ở đó bao lắm nhỉ? Hình như chưa được năm năm, từ thửa lên ba tháng tuổi. Vài ba tháng lại ra Hà nội một lần. Nó là chốn dừng của đứa trẻ suốt đời ốm yếu là tôi khi gia cảnh khó. Năm năm, và những quãng ngừng, đánh dấu bằng trọn vẹn ba cuộc chiến tranh đánh phá của Mỹ.

Năm ngoái, ông Đặng Tiến vô tình gửi qua mạng một bức ảnh. Ông nhà phê bình này có thói quen chia sẻ tất cả cho đồng bọn, chỉ là để *vui thôi mà*. Tin rằng những người nhận tấm ảnh (ai chụp thế cho tôi gửi lời...) không cảm động dậy giống tôi đâu. Chụp ở đúng chốn đó, Ba Thá, của tôi. Một cây cầu, do Pháp xây, không đẹp, xây vì mục tiêu quân sự ai lấy sự đẹp làm đầu, càng thô kệch sau bao nhiêu lần sửa chữa. Người con gái cần cỗi trước tuổi, ngồi bên đồng mía, duỗi cả bàn chân đi đất, (cũng không đẹp, không có lấy một mây nồn nà) vào mặt người xem. Chắc là cô ấy lấy công làm lãi đây, buôn bán thế này biết đến bao giờ hết khó. Chỉ thế thôi mà tôi như bị sốc điện. Chính cây cầu ấy đấy, năm nào còn lát gỗ vênh gần khắp các nhịp, từng để lọt của tôi đồng năm xu quý báu bà cho để theo đò sang Lưu Xá nghe hát chèo, và cũng vì thế mà tôi đã bắt buộc phải ném trái nông nổi dạt vòm từ lúc còn tám bé. Hình như vào khuya đêm

chèo vãn mọi người mới tìm ra tôi ở chân đồng rơm nhà hàng xóm, nhà Thủy Ánh. Hình như chính ông Thủy Ánh tìm thấy tôi tí tởm trong cái hũm nhà ông thường rút rơm, bế tôi về giả bà để bà hôm sau tra khảo và chán nản nhìn mặt ranh con tôi đực ra như ngỗng ỉa. Tôi không nhớ gì về cuộc dạt vòm đầu tiên ấy. Nhưng lại nhớ ông Thủy Ánh, người phải gọi bà tôi vợ liệt sĩ kháng chiến là cô, người từng là một ông cai ông đội lính đồng gì đó, người mỗi bận Mỹ tìm cách đưa miền Bắc trở lại thời kì đồ đá bằng bom lại chụp cái mũ lá lên đầu, cần cù đi tù, trong khi anh Bảo anh cái Lệ học toán hạng siêu mà lại không được tự tính toán cho đời mình cũng con một ông bộ đội tây núp lờ cốt thì lại khăn gói từ trường đại học về làng sống thâm lặng không giống bất cứ anh trai làng nào. Ba lần chiến tranh, ba lần anh làm kĩ sư thiếu thán, rồi buông xuôi cam phận làm chồng một cô thợ may màu mỡ có cái hiệu may trấn ở đầu cầu. Chính chỗ ấy đấy, tôi với mấy đứa gái nhà quê cời trần không cời trườn bám thành cầu cổ nhìn mấy thằng ôn con cùng tuổi lao bạt mạng xuống nước, xem chúng nó cầm đầu xuống thì bời có chồng ngược lên không. Chân cầu ấy, bao ngày Hà Nội đi qua những đêm không ngủ, tôi một mình trốn ra đó khóc thầm, đầu óc quần quanh tiếng còi báo máy bay Mỹ tới rú lên từ Nhà Hát Lớn, và một phố nhỏ chiều chiều chớp trắng những cánh cò có những sổ nhà thân thuộc. Sông Đáy thao thiết về xuôi, lẳng dưới lòng sâu đời cát. Nặng.

Vùng đất ấy, với xóm Gianh, cải cách ruộng đất rồi hợp tác xong thì được đánh số thành xóm Bảy nghe trung tính đến thành vô cảm, với ngõ Đồng, với cây đa cầu Đồng Bán, vào sâu trong chân núi Miếu Môn là những Chân Chim, Đồng Mít, Thượng Lâm, Tuy Lai, biền biệt mãi một ấu thời tôi. Xóm cuối làng, nghèo nên mới có cái tên gốc rễ rạ gianh như thế, vậy mà lại có nhà có máu mặt nhất làng, chia nhau làm tới nghị viên Bắc Kỳ, chánh tổng, chánh hội, con cháu ra Hà Nội học không trường Bưởi cũng trường Tây. Những chuyện cường hào ác bá kiểu Bá Kiến ở đâu xa, chứ về mấy gia đình này, từ bé tôi toàn nghe các ông các bà già cả trong làng nói điều tử tế. Có lẽ thế nên sang thời cách mạng, cải cách ruộng đất, ông nghị Móm cũng khôn đốn do mấy lời tố điều ngoa, trong tình thế oái oăm là con trai thứ đang chỉ đạo cải cách ruộng đất tổng Hà Đông, nhưng con cháu ông sau này phương trường và thành đạt cả. Chắc nhờ có học đến đũa đến đầu, chẳng cứ chữ nghĩa mà là cái đạo ở đời. Mà sung sướng nhất, là bà Móm Trẻ của ông, người con gái nhan sắc mặn mà ông cưới về do bàn tay thu xếp của bà vợ cả, được đội cải cách cùng rể với chuỗi giải phóng đủ kiểu vẫn nhất định không bỏ ông chồng già đang bị nhốt chuồng trâu. Họ đó phải buổi đất nước bão giông, cũng nhiều người phiêu dạt. Xa nhất hiện giờ hình như là ông anh họ tôi, từng liêu cả tuổi học trò vượt tuyến, từ bắc vào nam, rồi lại từ nam ra bắc mười mấy năm trời trong thân phận kẻ chiến bại, rồi giờ thì ở Mỹ. Nghe nói trước ngày đi anh có về thăm lại quê hương.

Bà cô tôi kể lẽ mãi vẫn ngỡ ngàng cái nỗi *cái anh Anh con bác thơ kí Úy thậm giỏi. Đi mấy chục năm ròng về làng nhận không sai mặt nhằm tên một ai*. Ông bác này đây, người nhỏ thó, ăn nói chẳng ra dáng một ông già nào tôi vẫn quen nhìn thấy sau buổi làm đồng tồng ngồng vai vác cái cày sáng choang, tay che che phía trước đi dọc đường đê, cả làng quen gọi là ông Thơ, nghe nói ngày xưa từng chịu chơi mở một hiệu sách to đùng ở Hà Nội, chỉ vì nổi trót lụy Tự lực văn đoàn, và ông lang Mạch có hàm râu trắng nhà đầu ngõ, ngày xưa lúc nào cũng làm tôi chần chừ khi trót dại điều gì. Như chặt trộm cây chuối tơ làm phao theo chúng bạn ra sông vùng vẫy. Như rồ dại đuổi con gà mái đang cuống cuống tìm chỗ đẻ. Chao ôi là năm tháng! Nếu không phải là còn trong tuổi bé, được nhen nhàng như thế, có lẽ suốt đời tôi sau này sẽ bị ám ảnh cái nỗi xa nhà. Hoặc nếu không có bà tôi... Sẽ mãi mãi, bà ơi, con sóng nhỏ chiều xuân vờn quanh ống chân hai bà cháu bên bến nước khi con thuyền đình khảm cát ngược dòng. Sẽ mãi mãi, đắng đắng ngọt, cọng cỏ ấu nhỏ từ bãi bồi phơ phất cờ ngô mưa bụi. Sẽ mãi mãi một niềm gì phơi phới khi đứng giữa bãi tha ma chiều áp tết chờ bọn trẻ trâu chia cho nửa củ khoai lùi. Tôi đã lớn lên như thế đấy, không hẳn như một con bé thị thành, dù toàn bị trẻ làng bắt nạt chế *con Hà Nội quần phẳng tóc ngắn đầu ngôi lệch*, mà cũng không ra một con bé nhà quê, dù cũng xắn quần móng trâu con cón ra đồng theo chúng bạn mò cua bắt ốc hót phân trâu, đủ cả.

Vùng đất ấy quen thuộc biết bao nhiêu với tôi. Từ Hà Nội qua Hà Đông, Ba la Bông đỏ, Thạch Thất, Bình Đà. Chỗ Vác, rẽ hơi xuôi về phía trái sẽ tới Vân Đình. Vân Đình thật chó, Vân Đình cà phê của bao người Hà Nội nghe lời núi sông ra đi một thuở. Một con đường trải đá dăm nắng mưa đã đào xới tới cả phần đá hộc dẫn qua bốn làng Vân về Ba Thá. Từ Ba Thá xuôi theo sông Đáy là những làng ngày xưa rất âm thầm, vì xa trục đường quốc lộ. Đây, sông Đáy, trôi qua những đồng Bương Cán mạn thành Sơn hiện ra êm đềm qua một vòng bánh xe đạp lăn về phía trước. Đây, một triền đê cỏ lơ thơ dưới mồm trâu bò mùa đông khô ải. Đây, những mảng tường gạch vỡ, mái rạ xám ỉu dưới mưa sát bên đôi ba dáng xoan tơ. Tiếng gà ban trưa báo trời mưa tạnh dẫn ngọn khói bay lên, nâng dần bầu trời phù thũng. Và tiếng người quê. Đất tằm đất lụa mà giọng tằm giọng lụa thì chưa thấy bao giờ nhẹ cả. Vùng đất ấy bây giờ được gọi là Hà Nội Mới. Tôi vẫn chưa bao giờ hiểu nổi làm thế nào cái quá trình đô thị hóa theo nghị quyết hôm nay làm được việc hồi sức văn hóa xứ Đoài và cấy ghép nó vào văn hóa kinh kì bao nhiêu đời. Và, cũng không hình dung được, qua những đời đời nào nữa, người của Hà Nội Cũ và Mới hôm nay sẽ có một giọng nói riêng làm của chung.

Thì vậy. Dân phố phường như tôi có ai lại nói *cái chân* thành *cái chum*, *tám gương* thành *tám hương*, thanh huyền thành thanh không, âm 'e' ra khỏi miệng nghe bẹt dí dẹt, có lẽ còn chẳng hiểu *đăng rừng* chỉ phương nào. Phải về nơi ấy! Nơi Ba Vì tím mờ sau bao nhiêu ngày bị nổ mìn phá đá làm đường cứ mỗi ban trưa nắng ngời lại chớp bạc lên một vạt vừa bị xẻ. Người quê, chẳng biết tới cái bản đồ, nên có cách định hướng riêng. Đi về phía tây thì nói là *vào đăng rừng*, vào Chân Chim, Đồng Mít, vào Miếu Môn chẳng hạn. Về hướng bắc lại nói là *lên*, lên mạn ngược, lên Khảm Lâm, Hạ Dục, lên Cốc, lên Sẻ, lên Nguồn, lên Sơn (tây). Xuôi phương nam thì thành ra *xuống*, xuống Yên Phụ, Kinh Đào, Xuy Xá, Tế Tiêu, sang sông rồi thì *xuống Vân Đình*. Còn ngoảnh đi về hướng đông thì lại nói *ra*, ra Chuông, ra Vác, ra Khe Tang, ra Bình Đà, ra tỉnh, ra Hà Nội. Chỉ có tôi, cái đứa dân phố lại thấy mình quê một cục mới có kiểu lúc nào cũng đau đầu một chữ *về*, *ra Hà Nội* cũng là *về*, *vào Ba Thá* cũng là *về*. Tội thế.

Từ ngôi nhà của bà, cách ngã ba sông vài mươi mét, có vết rạn từ mái tới chân tường, do chấn động của trận bom máy bay Mỹ thả chệch khỏi cầu, tôi đã xuống, đã lên, đã vào, đã ra. *Ra Hà Nội* thì dĩ nhiên rồi. *Vào* là chạy lượ năm bảy mét, chạy tuốt vào trong chân núi, nhưng không được vào tận sân bay quân sự Miếu Môn, dù trẻ con khờ khạo chưa biết lo biết tiếc những mát còn qua cơn giặc nước đã tí từng tường thế. *Xuống* là xuôi đê về làng Yên Phụ, sát làng tôi. Cùng một triền sông bên này lao xao hồn ngô mía, bên kia sông Đáy lững lờ, cùng một triền sông, nhưng làng Yên Phụ có hơn làng tôi một nhà thờ, và những tiếng chuông sớm chuông chiều, nghe, xao xuyến, lạ, khác hẳn cảm giác tiếng chuông nhà thờ vẫn nghe từng ngày giữa trời Âu. Ở mé làng đó có một nếp nhà mái rạ, lớp một của tôi. Tình thực, tôi quên sạch đôi ba buổi vào ra lớp một, hồn hào đến mức giờ chịu không nhớ nổi người thầy đầu tiên của mình là thầy hay cô.

Nhưng miên man trong trí, hình như... có một đồng dâu ngút ngát, có con rẽ giun chốc chốc vụt bay ra. Hình như ... có bờ mương đôi ba khi lại có con rấn hoa nằm vắt ngang đậm dọ sát bãi phân trâu đầy hấp dẫn, có những bụi hoa muồng muồng vàng dại, có cánh chuồn chuồn bão lộng lấy màu cam đỏ chớp sáng những cô độc trưa chiều. Và những gì nữa nhỉ? Cái mũ rơm nặng trĩu chị Lễ nhà bác Oánh bện cho, chiếc túi cứu thương đầy đủ bông băng thuốc đỏ, túi áo bông luôn lưng lưng một cái gì ăn được. Nhớ, sao thèm quá thế, trời ơi. Thèm, sao nhớ thế, hai đứa bạn gái ngày xưa. Hình như một đứa là Lương con ông Tư Lĩnh, hình như một đứa là Dung con bác Công lùn. Bác Công lùn nổi tiếng thời làng còn là làng tề, làm du kích vác dao phay nhảy lên xe giặc chém sả tay thẳng Tây đồn trưởng lô cốt đầu cầu. Cả hai bác Công trai Công gái vừa xấu vừa tốt. Xấu tướng, tốt tính. Thế mà cái Dung thì mỏng mày hay hạt, lông mày dài, môi đỏ, khác kiểu con gái nhà quê, y như con hai bác nuôi hộ ai. Hình như nhà nó ngày đầu

cổng bệnh viện tâm thần bây giờ, xưa là doanh trại bộ đội. Hình như cái Dung đẹp người thế mà một đời cô khổ. Hình như cái Lương cũng vậy, lam lũ cả đời. Tôi nhớ tôi cứ bỏ rồi chơi lần lượt với hai đứa, tùy theo sự phát triển quá trình cạnh tranh viện trợ lương thực và thực phẩm của chúng nó cho tôi. Cà chua, khoai lang sống/ chín, bông ngô, thóc rang hay nướng cả bông, hay một con muồm muồm béo. Chao ôi, hóa ra tôi xấu thói ngay từ ngày đó nhỉ. Mà hình như, hồi ức này có thật hay không ?

Xuống, gần là Yên Phụ. Lên, gần là Khảm Lâm. Cũng chỉ vì cây cầu mục tiêu đánh phá của Mỹ một thời mà chị em tôi phải từ nhà bà sơ tán thêm lần nữa. Cách nhau có mỗi một đổi đường đê, mà bốn mươi năm trời tôi vẫn chưa một lần về lại. Trong kí ức mờ mịt của tôi, lối nửa phần ở tuổi ngây ngô chưa biết nhớ, nửa phần ở tuổi sắp già lẫn thẩn chóng quên, có một dải đê vắng ngơ ngẩn cả người, có những ngõ nhỏ mát rượi vì nắng khó nhọc lắm mới xuyên qua được vòm lá xanh đan dện bên trên, có những ngôi nhà cách nhau thửa vườn to như ruộng, trồng su hào vừa bén rễ, lá nhỏ xanh bạc chiều đông. Sao có những ngày có những người rộng lòng đến vậy. Bốn bà cháu lóc tha lóc thốc cùng cả gà què lên ở nhờ, mà vẫn có ngay chỗ đậu. Bác chủ nhà tên là Lau. Riêng điều này tôi nhớ kĩ. Hình như bác cụt một tay, hình như bác gái hơi lé mắt. Hai bác không con. Vậy mà cũng chịu được cảnh cửa nhà trẻ mở luôn âm ỉ, chịu được cả cảnh con em họ tôi quái tính, cứ buồn ị là chạy ra gốc xoan đầu ngõ chống mõng. Hình như bác là cán bộ xã, vì sau này tôi con được gặp bác đôi lần, đeo xà cọt đi xe đạp ghé qua thăm bà cháu tôi. Hai bác đã sẽ đã chia cho bà cháu tôi nhà cửa, miếng ăn, là tất cả của nả của con người một thời. Củ su hào nhỏ từ ruộng sau nhà. Ví cá nướng bằng đồng rằm đầu ngõ chiều tháng chạp. Con thiếu, con trôi, con chày mắt đỏ, khô cong rồi lại đem kho khô với riềng và thìa mỡ nước ăn ngày sau tết, ngon thủng nồi trôi rế. Bây giờ, mua con cá chép suýt soát năm cân, béo phù mình, lừ đừ như sắp ngất trong bể, lại tiếc, tiếc một cái tên, những từ những ngữ, như tên mấy loài cá sông kia, trở thành phố có lẽ chẳng bao giờ nghe thấy. Mà người lớn ở tuổi tôi, rằng cũng *đếm năm năm ở*, nhưng bao nhiêu bận bịu cơm áo hàng ngày, hẳn cũng quên rồi.

Hồi đó tôi lên mấy nhỉ ? Hình như bốn tuổi. Tôi nhớ có những chiều chiều bà cháu mang thúng ra bãi vải quét lá về thổi cơm. Bãi vải là rêu đất nằm thoi loi triền sông, ít người lai vãng. Sông chảy dưới kia có âm vang gì không nhỉ? Nhưng tiếng gió lùa qua bãi vải, tôi nhớ khô khô. Hình như ở gần đó hay ngay trong đó có một ngôi chùa, lớp học đầu tiên, vỡ lòng vỡ ruột của chị tôi. Mấy chục cái đầu trẻ con cúi trên cuốn vở trong ánh sáng âm u. Còn tôi lùn cùn theo ông giáo làng lang thang trong hậu điện. Tôi biết ông Cu Lo gầy xiêu vẹo, bà Di Lạc béo phề rồn là nhờ ông. Hình như đó là bài học đầu tiên của tôi, bài học ông không dạy cho đám học trò chính danh. Sau này, vãng mỗi cảnh chùa, biết sự tích chư Phật rồi, biết thì cứ biết, mà tôi vẫn muốn giữ mãi cho mình những lời kể thực hư kia. Hình như tôi biết viết biết đọc cùng với học trò ông. Vì sao thì không biết. Bởi chỉ có mấy bà cháu sống cùng nhau, không sách không vở ngoài một cuốn vỡ lòng và dăm ba cuốn Bình dân học vụ, không gì cả, ngoài tấm lòng bà mong một ngày yên hàn đưa cháu về làng, ra Hà Nội.

Rất lâu sau này, khi đường về quê qua Vác khó đi hơn đường qua Mai Lĩnh mới làm, mỗi bận về quê, tôi đều đi qua những Cốc, Sế, Nguồn, rồi tới Khảm Lâm, thêm một đổi đường đê nữa đã là cây gạo đầu làng Ba Thá. Nhưng chưa khi nào hai chị em tôi có dịp rẽ qua thăm hai bác Lau gái Lau trai. Sau này, lớn lên, già đi, mỗi bận về làng là lại vội vội vàng vàng bao nhiêu việc, cũng chẳng làm sao thu xếp được. Thì như tôi, mấy năm mới một lần về lại Việt Nam, hết thăm người đã khuất lại lo thăm người đang sống, vèo cái hết ngày. Nhưng có hẳn là khúc mắc chuyện thời giờ. Hay tại lòng mình vội, cạn? Chứ ngẫm như dân xứ đạo, một tuần có được ngày chủ nhật, mình chỉ chăm chăm những chuyện đầu đầu, họ thì thành kính tới nhà thờ mất bég nửa ngày, không toàn tâm ý không thể nào thu xếp được đời mình như vậy.

Không, tôi không về lại nơi ấy được, nhưng chưa bao giờ quên. Trí tưởng tượng sẽ bù đắp cho trí nhớ mờ của tôi. Chưa bao giờ tôi quên hai bác Lau, chưa bao giờ tôi quên dáng bác xà cột đeo lệch bên người, khó nhọc dựng xe đạp bên thềm nhà bà tôi bằng một cái tay còn lại. Cũng như hóa ra chưa bao giờ các bác quên chị em tôi. Mới hôm trước, chat với bà chị gái ở Hà Nội, chị tôi kể vô tình quen một người Khâm Lâm vẫn hay đi chợ cùng khu, hỏi ra, ông ấy kể là họ hàng của bác Lau, và bác vẫn nhắc tới hai con bé con Hà Nội ngày nào. Mà đã bốn mươi năm có lẽ rồi. Hóa ra bác vẫn còn đang sống. Nhưng thế thì già lão lắm rồi. Chị tôi buồn buồn bảo thế nào tết này về quê thăm mộ bà xong cũng sẽ lên Khâm Lâm, thăm bác, *không thì quá muộn*.

Không thì quá muộn! Bỗng dựng mũi cay sè.

Về cái, trở về chốn cũ, thấy chẳng còn gì quen thuộc nữa, hồ nghi không biết „đến“ hay về. Vẫn biết cái eo sèo hầm hút một thời không thể và không nên còn nữa, nhưng cảnh làng xóm lổn nhổn mái bằng, cảnh bãi tha ma làng người chết quay đầu bốn phương tám hướng tranh hơn từng phân gạch xây chân mộ, cảnh giai gái làng mặc toàn đồ thị thành hết mốt ra tỉnh kiếm ăn quanh hôm nay vẫn làm lòng buồn bã. Như mất hẳn một cái gì nằm trong cội rễ riêng mình. Bãi vải đầu làng Khâm Lâm kia, nay không còn nữa. Hàng phi lao che chắn cho cả phiên chợ huyện chạy máy bay một thời, cũng mất. Sông Đáy chậm nguồn chẳng phải vì tự tình gì với đất với người mà vì người trồng rau muống thả. Triền đê êm ả xưa vừa đi vừa nhảy nhăng, nửa vì trẻ con đói ăn mà vẫn rồ dại, nửa vì cát bồng chân đũa trẻ thị thành đua đòi theo chúng bạn nhà quê chân đất, giờ rỗng ruột vì máy hút cát sùng sục đêm ngày. Lá cỏ bọ ngày nào đi làm đồng về cô lảng giềng vẫn gọi cảm rỏ ra sè cho một nửa bây giờ được đóng gói vào bao nilon bán thành rau đặc sản.... Như..., không phải là như nữa, mà thực mất hẳn một cái gì làm nên cội rễ của riêng mình.

Về cái, từ con bé con con đã thành ra mẹ mướp bốn mươi có lẽ rồi. Tuổi *nhì bát hoặc* đây. Mà nhiều lúc tức tối chán vẫn phải công nhận chồng thường đúng khi méo miệng lắc đầu cười vợ *có mình rằng cô mình ơi – khi nào thì hết dở hơi*. Thực lòng, càng sống, càng thấy dại. Dại nhất là cứ ham hố đâu đâu, cứ thán phục những ai ai, không biết chăm chút những ân cần, thương quý mình nhận được từng ngày từ những người bình thường đến độ như vô danh tính. Bao nhiêu cái tặc lưỡi đủ làm mòn đi rất nhiều thương nhớ trong đời. Cứ tưởng là vụn vặt. Mà hóa ra nhờ đó mình níu được mình khỏi bao nhiêu va đập đời thường, khi không biết còn phải bám víu vào cái gì để mà sống tiếp.

Thằng con sinh ở đất này đứng sau lưng đánh vắn trộm được mấy dòng vừa hỏi *mẹ viết hồi kí đấy à*. Ời dào, mẹ mày ngốc thành ra mày cũng ngốc. Mẹ danh phận mọn, cả đời chẳng nên cơm cháo gì, thành công lớn nhất trong đời là lấy được bố mày, viết hồi kí có gì mà kể, kể ai nghe.

Nhưng con ạ, một chút gì để nhớ, để yêu thương thì ai cũng có. Cái chút gì đó luôn luôn là của nả đáng giá nhất đời người.

Nhận ra điều đó sớm thì chỉ có nghĩa là người già sớm.

Mình già sớm.

Thôi. Kệ !

Sau tháng chạp là tháng giêng.

Là xuân.

Có chồng

Vậy là ả có chồng. Chồng - ấy là cái mà từ thuở hai mươi ả không bao giờ mong có.

Một đôi giày cao gót kiểu mới đua chị đua em; một thỏi son có thể kín đáo quẹt lên môi cho môi hồng lên mà mọi người không biết... Ằ có thể mong có những thứ ấy, thiết tha mong trong một ngày xa xôi nghèo khó nào đấy. Nhưng chồng, muốn có chồng, tuyệt nhiên không! Ấy là vì ả biết mình. Gái ngoại thành, từ bé đã phải cầy phải gặt phải gánh phải gồng, người cứ bè bè. Nhìn nhao một chút, thoát ly đi làm ở xí nghiệp dệt khăn mặt khăn tay, cũng suốt ngày đi. Có ai đó đã tính rằng một công nhân đứng máy dệt như ả mỗi ngày đi hết một đoạn đường ba mươi hai km. Đi thế, bắp chân to ra, bàn chân cũng to ra. Tương người ấy giá đi với một gương mặt tròn tròn, ung ửng hồng từng lúc thì có khi còn được coi là có dáng phúc hậu. Đằng này... Những ai ai mỏng mày hay hạt, chứ còn ả, mặt đã mỏng, lại choắt như hai ngón tay úp chéo. Cái vết duy nhất đầy đặn trên mặt ả là cái mũi. Sao mà nó to!

Khi còn trẻ, mười tám đôi mươi, ả cũng có lúc mong thầm cho mình có duyên có phận. Ừ! Biết đâu! Biết đâu! Nồi méo vung méo xoay quanh cũng vừa. Nhưng chẳng thấy ai là đàn ông trên ả, trừ mấy ông làm công đoàn ở xưởng. Mà họ đùa thế nào chứ: "Cô Hoài bao giờ báo cáo với tổ chức để công đoàn đứng ra đấy? Ấy, đám cưới của cô thì chắc là đông lắm!". Một thằng thợ đi qua ngựa mồm: "Chứ lại chả đông! Con em lúc đó khéo cũng có con rồi. Thế nào em cũng bảo nó đưa con đến mừng bà trẻ". ả tủi lắm. Nhưng vẫn cười: "Ừ! Khi nào chị có phúc có phận, chị mời hết cả ngũ đại đồng đường nhà em".

Vào xí nghiệp từ hồi mười tám, nhোáng cái nhìn quanh đã chẳng còn mấy người để ả gọi anh xưng em. ả biến thành "chị ấy", "bà ấy" nơi cửa miệng thiên hạ lúc nào không biết. "Bà ấy tính cũng quái như người". "Người đâu xấu người, xấu nết, xấu đến cả c...". Người ta cứ nửa đùa nửa thật nửa thương nửa ghét ả như thế. Nào ả có làm gì ai! Một thân một mình ở giữa một khu tập thể quanh năm suốt tháng ồn ào tiếng mẹ trẻ réo con, tiếng chồng đay vợ ban ngày, tiếng rúc rích ban đêm sát liếp, ả đâm thù ghét cái hạnh phúc thực ra rất lem nhem mà thiên hạ bày trước mắt. ả thành người đi sớm về muộn; thành chiến sĩ thi đua năm này qua năm khác. Người ta đâm ngại ả. Cái sự chăm chỉ quá đáng của ả, cả cái mác chiến sĩ thi đua kia nữa làm cho người ta mất thoải mái lúc tranh thủ uống ầm chè hay hóng hớt nhau trong giờ làm việc.

Nói vậy chứ cái mác chiến sĩ thi đua đã giúp ả một cú quyết định. Ấy là vào lúc xí nghiệp lấy danh sách đi hợp tác lao động quốc tế. Đi Đức hẳn hoi. ả lên gặp giám đốc, nài: "Anh ưu tiên em vào danh sách đợt này". Ông giám đốc - người đã có thâm niên hai mươi năm ngồi ở nhà máy trên cái ghế này, người vẫn bị phó giám đốc dè bủ một cách có vẻ đầy thiện ý: "Ho. Ông ấy trông đúng là trẻ thật, chứ tuổi thì... chỉ hơn sáu mươi chứ sáu mươi thì làm gì đến" - cười: "Cô là nòng cốt ở xí nghiệp này, phải phấn đấu trở thành cán bộ kế cận chúng tôi chứ. Để cô đi thế nào được". "Em chữ nghĩa bổ túc ban đêm chẳng có là bao. Mà em tính đã làm cán bộ kế cận thì chỉ kế cận anh thôi. Nhưng làm sao thay được người như anh". Thêm đôi lần quà cáp nhỏ to với bà vợ ông giám đốc lúc đó đang là phụ trách nhà ăn, thế rồi ả lên đường.

Thánh nhân dãi kẻ khù khờ. ả nghiệm ra các cụ thật chí lý. Người ta mất hết của cải, liều thân chôn mình trong hàm cá trên đường vượt biển. ả chỉ một bước là đã thoát sang bên kia, sang hẳn Tây Đức. Cũng là dòng đời đầy đọa. Bức tường Berlin sụp đổ, đầu tiên là bọn ả đi xem, nhân thể mua về bên Đông những là gạo là nước mắm là bánh phở - những thứ người Việt đi hợp tác lao động quốc tế phải chịu thêm chịu nhạt. Rồi thì sang tị nạn, "xem nó ra sao", "ngồi không trong trại lính tiền tiêu vật còn hơn lương cu li ở Đông Đức trước chả hơn ả". Và khi có chế độ mới cho tỵ nạn vốn xuất thân thợ khách thì ả xin nhận lại Pass, ra khỏi trại đi làm.

Những ngày làm thợ ở Đông Đức, những ngày tỵ nạn bên Tây, ả đã dự bao nhiêu là đám cưới của anh chị em người Việt. Có những đôi đúng là đũa lệch, chồng trai tơ vợ nạ dòng, chồng thành phố vợ nhà quê một cục ăn cơm mắm môi cầm đũa và suýt soạt. ả chẳng mong ước gì, nhưng có lúc cũng lạ lùng thấy mình chờ một câu đùa nhạt của chị em: "Đến bao giờ bọn em được giúp chị Hoài đây?" rồi, "Ông ấy... ông ấy cứ hỏi thăm chị mãi"...

Rồi thì vẫn thế. ả vẫn một mình trong cái Wohnung hai phòng sau mỗi buổi từ hãng trở về. Một

thân một mình, phải tự lực tất tần tật. Phải có ô tô. Thì ả đã có ô tô. Thỉnh thoảng đến nhà mấy đứa cùng chạy từ Đông Đức sang, nhìn chúng nó hú hí với chồng con và nghe những câu đùa nhạt như sữa dành cho người ăn kiêng, lại muốn về nhà bật ti vi cho có tiếng người... ả vẫn như xưa, chẳng ai để ý, chẳng ai muốn giúp đỡ dù ả đúng là đàn bà.

Nhưng bây giờ ả đã trở thành cần thiết cho một người. Chồng ả. Một tấm chồng ra chồng. Có bằng bác sĩ ở nhà. Cái ấy là đồ trang sức tuyệt vời cho mấy anh đàn ông tỵ nạn đang phải rửa bát trong quán Tàu. Chàng trước đã vợ con và chẳng thể nào lo nổi cho vợ con bằng đồng lương bác sĩ bệnh viện huyện. Chàng quyết làm kinh tế. Nước Đức thống nhất là vùng kinh tế mới tuyệt vời. Đờn phải có lúc hèn. Thì đã hèn rồi. Không sợ. Đờn phải có lúc liều. Thì đã liều rồi. Vợ chồng chàng bàn nhau, vợ chàng đem con về bên ông bà ngoại, cái nhà cấp 4 của hai vợ chồng thì bán lấy tiền chạy cho chàng. Chàng dặn vợ: "Về ông bà có thể lâu lâu rồi các cậu các dì xì xèo, hai mẹ con gắng chịu. Vài ba năm anh về rồi đổi đờn. Đổi đờn. Mình sẽ xây nhà ba tầng. Để hẳn tầng một anh mở phòng khám. Phục vụ tận tình, trang thiết bị đàng hoàng, giá rẻ, chẳng hút hết bệnh nhân từ bệnh viện huyện ấy à. Vào đó nào có ít tiền đâu mà bị hạch cho lên bờ xuống ruộng. Mình có làm thế thì mới để được phúc lộc cho con..."

Cái sự toan tính của người đang hy vọng thật dễ nghe. Nhưng cả người ở lẫn người đi đều không biết rằng sự làm giàu ăn vào cái số. Tốt số hơn bố giàu. Chàng sang Đức, về định cư ở một làng heo hút, ra ga phải mất nửa tiếng chạy bộ, còn đi bus thì một chuyến một ngày. Hai năm trời, chàng chưa hòa vốn vé máy bay cộng tiền cho dịch vụ đưa người. Chàng không thể ngồi tính toán lẫn thẩn như anh bạn cùng phòng: "Thế này còn hơn chán vạn ở nhà. Ăn uống tiết kiệm, mỗi tháng cũng để dư ra được trăm rưởi mác. Hòm hèm cũng là một triệu ở nhà. Bằng vợ tớ nuôi lợn thành công cả năm giò". Trong trí chàng, còn nguyên vẹn hình ảnh căn nhà ba tầng chưa xây mà tầng dưới sẽ là phòng khám.

ả gặp chàng vào dịp ấy. Sau đó thì ả biết là chàng lúc đó đã sắp phải lên máy bay hồi hương lúc nào không biết. Sau đó thì một cô em họ của chàng thăm thì: "Hay là chị giúp anh ấy. Khổ! Hồi đi, thật anh ấy cũng chỉ nghĩ đi cứu vợ cứu con. Nay tiền vào không thấy mới chỉ thấy tiền ra. Mà về thì sợ. Gì thì gì cũng là thằng trí thức vượt biên, khéo về đã chẳng lo gì được cho vợ cho con mà vợ con còn bị lụy".

Cái sự "giúp" ấy ả nghe hiểu ngay. Nghĩa là làm đăng ký kết hôn với nhau và chàng sẽ được ở lại. Ấy là một dịch vụ đang sôi nổi trong cộng đồng người Việt, giá dao động từ mười bảy đến hai mươi nghìn mác. Cô em họ của chàng lại thăm thì: "Anh ấy ở ngàn ấy năm không có việc làm, cũng chẳng móc đâu ra tiền. Nếu chị có lòng, bọn em sẽ dồn tiền giúp anh ấy theo giá chị định. Rồi khi có Pass anh ấy được chuyển vùng, được đi làm thì cũng chả mấy nỗi... Mười bảy ngàn được không chị?".

ả không nhận đồng nào của chàng. Thành thử cuộc hôn nhân giữa ả và chàng đâm ra làm cho cả hai bối rối. Nó chẳng ra thật chẳng ra giả. Nó thiếu cái sòng phẳng cần có trong mọi dịch vụ, nó thừa cái lương tâm thời buổi này chẳng ai tin. Mà ả thì thật lòng. ả nghĩ tới cái tương lai gần của một gia đình sắp sum họp: Chồng bác sĩ mất việc; vợ giáo viên cấp hai kiêm bán xôi sáng; Thỉnh thoảng công an tới gọi chồng lên đồn hỏi về những việc đã làm khi ở lại nước ngoài trái phép; người vợ và đứa con sẽ nhớn nhác; người chồng thì buông xuôi...

ả nhận lời kết hôn với chàng. Biết là một trò chơi. Vậy mà lúc đứng trước nhân viên của Phòng đăng ký kết hôn ả bất chợt bồi hồi... Rồi ả mơ màng. Dù thế thì cũng rất ít khi ả dám nghĩ về đêm đó. Chàng xách vali về Wohnung của ả. ả đã tính với chàng như thế. "Anh cứ ở tạm nhà em. Vùng này dễ kiếm việc, có Pass rồi thì xông đi làm ngay. Rồi anh kiếm chỗ ở khác sau. Làm sao cuối năm có một khoản gửi về cho chị ấy nuôi cháu. Rồi cũng phải có một khoản khác để chị ấy mua lấy một căn nhà, bằng cái nhà cũ đã bán đi cũng được. Chứ lấy chồng rồi mà lại mang con về nhà cha mẹ để khi các em đã nhớn thì cũng rách việc lắm". Chàng nhìn ả biết ơn.

Hôm đó đi làm về, ả không đi loảng quăng cửa hàng cửa họ mà về làm cơm ngay. Cơm cá kho, rau muống luộc qua rồi xào tỏi, nước vắt chanh. ả ăn ngon như chưa bao giờ ngon thế.

Đêm đó, ả trở thành đàn bà. Đàn bà khi ả ba bảy tuổi...

... Chàng không dám nhìn thẳng ả từ đêm đó. Đôi lúc ả có cảm giác ánh mắt chàng lướt qua mình. ả không hiểu nổi chàng nhòm tòm ả vì ả quá xấu? Hay chàng nhòm tòm chính bản thân chàng? Chàng ân hận?

Nhưng "chuyện đó" thỉnh thoảng vẫn tái diễn. Và không hiểu sao, lòng ả muốn thế mà ả không thấy diệu kỳ như lần đầu. Lần đầu tiên, ả muốn rống lên như một con bò cái. Lần sau, những lần sau nữa, ả như một bó rạ. Chàng vẫn ả như một bó rạ, ghì siết ả như một gã nhà quê ghì buộc một bó rạ.

Một hôm, ả đi làm về đã thấy chàng cơm nước xong xuôi. Chàng ngồi bên bàn chờ ả. Dọn xong bát đĩa, chàng nói ngay, bứt rứt, bình tĩnh, về sự chàng sẽ ra đi. "Tôi biết ơn Hoài vô cùng. Hoài đã cứu cả tôi lẫn vợ con tôi. Xin Hoài đừng hận tôi. Tôi đã xin làm tả chấp, ăn ở luôn tại quán. Nếu kiếm ra, tôi xin gửi dần Hoài số tiền lo giấy tờ mà trước Hoài đã có lòng..."

ả há mồm. Muốn nói. Rằng chàng tính thế là tính vội. Rằng chàng có thể ở rón thêm mấy ngày. Rằng có Pass chàng có thể kiếm việc ở hãng, chẳng nhàn gì nhưng cũng không đến nỗi đầu tắt mặt tối như làm quán. Nhưng ả không nói được. ả cứ há mồm ra. Chắc lúc đó trông ả đã xấu càng thêm xấu. Và chắc là nhìn đàn độn lắm.

Chồng ả không về nữa. Đôi lúc ả nghĩ tới vợ con chàng. Không ân hận. Chỉ thấy thương người đàn bà kia và thương thân hơn. Chị ta và ả đều đã từng được cưới.

Tính ra ả cũng được tới hơn mười lần gần gũi. Nhưng từ hôm kia, ả hốt hoảng vì cảm giác mình sắp có kinh.

Thiên hạ sao vô tâm. Gặp ả, có người hỏi: "Thế nào, tiền cưới chồng đã đủ mở quầy ăn nhanh chưa?".